

Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh

Chư Tôn Bộ 4

Quyển 47 - Số 1974

Trang 354

TRỰC CHỈ NIỆM PHẬT

Tác giả: Thiền Sư Diệu Khẩu

Dịch giả: Thích Hồng Nhơn

Lời đầu sách

Niệm Phật Tam Muội là vua của các Tam Muội, như châu ma ni như ý, có thể xuất sanh ra các bảo châu, như vua Chuyển Luân thống nhiếp tất cả các vua. Niệm Phật tam muội này rất viên đôn, có thể nói suốt đời thuyết giáo các kinh liễu nghĩa của đức Thế Tôn, không có thời nào là không tán dương niệm Phật tam muội. Các Bồ tát Thượng Thánh như Văn Thù, Phổ Hiền; Các Đại Tổ Sư như Mã Minh, Long Thọ, Vĩnh Minh, Trí Giả, Thiên Thân, tất cả đều hướng tu và hoằng truyền Tam muội này.

Như vậy mà gần đây có một số người không biết, cho rằng tự tánh Di Đà không có giáo chủ ở cõi lạc bang, nói tịnh độ duy tâm không có quốc độ Cực lạc ở hướng Tây cách đây mười muôn ức cõi, vọng nhận duyên ảnh sáu trần làm tướng tự tâm, hoàn toàn không biết thế giới trong mười phương mỗi cõi đều phát nguyên từ tánh chơn pháp giới, thật đáng buồn thay! Ngày xưa, Thiền sư Diệu Khẩu, một bậc nanh vuốt tông môn đương thời, thương xót những

người chạy theo tà kiến đã trước thuật Luận Trục Chỉ Niệm Phật với mục đích tồi tà phụ chính, hướng thượng chỉ quy. Quyển Luận này đã từng vang bóng một thời, sau này bị pháp nạn nên tác phẩm bị thất lạc, Tổ Liên Trì nghe danh muốn tìm đọc mà không gặp. Một dịp tình cờ Thiên Sư Vạn Dung tìm được và Tổ Trí Húc đã kết tập vào trong Tịnh Độ Thập Yếu. Quyển Luận này được đánh giá là một quyển luận cốt yếu của Tông Tịnh Độ.

Nội dung toàn bộ luận nhằm trình bày bốn môn chính yếu của người tu Tịnh độ. Hành giả muốn thực hành pháp môn Tịnh độ trước phải hiểu rõ và từ đó có lòng tin chắc, trong luận từ chương 1 đến chương 8 được gọi là Tín Giải môn. Đã hiểu và có niềm tin vững chắc rồi hành giả cần phải phát khởi ý nguyện quyết tâm thực hành, chương thứ 9 trong luận được coi là Phát Nguyện môn. Đã tin sâu, nguyện thiết rồi, hành giả phải phát tâm thực hành những điều đã dạy trong kinh, từ chương 10 đến chương 18 được coi là Tu Hành môn. Khi đã tu hành đúng lời Phật dạy, hành giả sẽ gặt hái được kết quả, từ chương 19 đến hết thuộc về Chứng Nghiệm môn. Hành giả quán xuyên đủ bốn môn kể trên chắc chắn việc tu Niệm Phật Tam Muội có nhiều kết quả.

Gần đây người học Phật cũng nhiều mà kẻ tà kiến cũng lắm! Giống như hoàn cảnh trong thời Diệu Khẩu Thiên Sư. Chính vì thế, chúng tôi cố gắng phiên dịch Luận Niệm Phật Trục Chỉ này mục đích làm gió tà bớt thổi, đèn chánh pháp rạng ngời, pháp giới hữu tình đồng sanh Tịnh độ. Người xưa dạy: "Lão lai tài tận" người già chỉ có lòng mà không

có sức. Vì vậy, trong bản dịch vẫn còn nhiều điểm sai sót. Dám mong chư thiện tri thức nhận ý quên lời vui lòng góp ý để cho tái bản kỳ sau được hoàn hảo.

Trân trọng,

Mạnh Thu Nhâm Ngọ 02

Hồng Nhơn cẩn bút.

Trực Chỉ Niệm Phật
Sa môn Diệu Khẩu Tập
Sa môn Hồng Nhơn dịch
Dẫn Nhập

Niệm Phật Tam Muội gọi là Bảo vương là một Tam Muội tối thượng trong tất cả Tam Muội, ban đầu đề xướng ở Lô Sơn và sau đó lưu truyền khắp thiên hạ. Nhiều người trong đời tin tu vãng sanh rất nhiều, trước tác văn chương ghi những điều chứng nghiệm chẳng phải ít. Từ xưa đến nay hoằng dương rộng rãi, nên dù thiên hay giáo đều rất tôn sùng, hoặc thánh hay phàm cùng chung qui ngưỡng. Nhưng tiếc nỗi trong thời Mạt pháp nhiều người căn cạn, không dùng thuốc đúng bệnh, cho rằng muốn về Tịnh độ Cực Lạc không cần hướng về Tây phương mà chỉ cần phân biệt duyên ảnh tự tâm. Người có kiến chấp này thì nhọc công mà không lợi ích, tuy có tu mà không có cảm ứng và kết quả. Chính vì thế, chúng tôi (Diệu Khẩu) lược nhặt những diệu chỉ từ những số sao của các Tôn trong các kinh Tịnh độ, biên thành lời thuật, tuy văn chương sơ sài, nhưng đó

là hoài bảo từ trong tim óc dùng để cảnh tỉnh cho mình và cho người khác, nên lấy tên là Bảo Vương Tam Muội Niệm Phật Trục Chỉ gọi tắt là Trục Chỉ Niệm Phật.

I. Tín giải môn

1. Y báo và chánh báo cõi Cực lạc.

Đức Thế Tôn là một bậc Vô Thượng Chánh biến Tri, ứng khắp các cơ, từ cung trời Đâu Xuất giáng trần, ròng rã suốt 49 năm thuyết pháp có hơn 300 dư hội với hoài bảo làm cho chúng sanh đồng chứng chơn thường. Cho đến hội cuối cùng ở Linh Sơn mới nói Kinh Pháp Hoa khai thị chúng sanh ngộ vào tri kiến Phật, đó là bản hoài mà đức Phật muốn đề xướng. Nhưng cái Đạo độ chúng sinh thoát khỏi luân hồi không phải chỉ có một mình đức Thích Ca, mà các đức Như Lai trong 3 đời đồng truyền chánh giáo. Tuy vậy, trong một đời thuyết giáo của đức Thích Ca Mâu Ni, ngài dùng rất nhiều pháp môn tùy theo căn cơ thích hợp mà giáo hoá, nhưng pháp môn hợp thời cơ, có duyên sâu dày giữa Phật và chúng sinh, pháp tu rất thẳng tắt, dễ làm mà có hiệu quả cao, không có pháp môn nào hơn pháp môn Tịnh độ.

Pháp môn niệm Phật này ban đầu do Tỳ kheo Pháp Tạng ở vô lượng kiếp trước làm vị Đại Quốc Vương, nghe Phật Thế TỰ Tại Vương thuyết pháp, liền bỏ nước xuất gia làm Tỳ kheo. Đức Phật Thế TỰ Tại Vương vì nguyện vọng của Tỳ kheo Pháp Tạng mà rộng nói và thị hiện 210 ức cõi Phật trang nghiêm gồm cả các việc thô tế, thiện ác của người trời mỗi cõi chẳng đồng nhau. Tỳ kheo Pháp Tạng nghe rồi, liền ở trước Phật Thế TỰ Tại Vương phát 48 đại nguyện:

“Nguyện khi thành Phật nhân dân trong nước không có các thứ như: 3 đường, 3 độc, 8 khổ, 8 nạn, 9 não, 10 trói buộc và các thứ chướng ngại. Người sanh về nước tôi sẽ thành bậc chánh định, được pháp nhẫn, ngộ chơn tâm, có trí giải thoát thù thắng. Người muốn được sanh, khi lâm chung chỉ cần niệm Phật cho đến 10 niệm liền được sanh, nếu không được như vậy thì tôi không ở ngôi chánh giác”. Khi ấy cõi đất chấn động, trời rưới hoa đẹp, nhạc hư không tự trôi. Đức Phật Thế Tự Tại cũng thọ ký cho Tỳ kheo Pháp Tạng đã đắc quả thành Phật đến nay đã hơn 10 kiếp. Do ngày xưa phát đại nguyện thù thắng, công đức thần thông, ánh sáng, 10 lực, vô sở úy vượt qua các cõi Phật ở 10 phương hiệu là Phật A Di Đà.

Tịnh độ Phật A Di Đà ở từ thế giới Ta Bà này thẳng về hướng Tây cách 10 muôn ức quốc độ, gọi là Cực lạc cũng gọi là An Dưỡng. Hiện nay Phật A Di Đà đang ở cõi ấy, vì đại nguyện và sức thần thông nên hiện đang thuyết pháp, nhiếp thủ chúng sanh niệm Phật trong 10 phương. Chúng sanh nào được sanh về cõi ấy đều ở vị bất thối chuyển, người sinh về cõi ấy nhiều vô lượng, chỉ dùng số hằng hà sa vi trần để thí dụ thôi.

Quốc độ Cực lạc được trang nghiêm vô cùng thắng diệu, vượt qua các cõi Tịnh độ trong 10 phương. Ao báu ở trong cõi ấy lớn nhỏ đều dùng bảy báu tạo thành. Ao lớn cõi ấy rộng khôn kể xiết, đáy bằng cát vàng, chung quanh có đường đi, bên đường có lầu gác cả nghìn tầng rộng lớn đẹp đẽ, ánh sáng chói lọi nói không thể hết. Ở trong ao có nước

bát công đức trong suốt, thơm ngát đầy đầy. Có 14 cây phun nước, phun lên rơi xuống thành tiếng diễn nói vô lượng pháp môn. Ở trong nước ấy có đến 60 ức hoa sen bảy báu, nở tròn tươi đẹp, nước rơi vào cánh sen bốn màu phát ra bốn thứ ánh sáng. Những người vãng sanh ở ba bậc hoặc chín phẩm sắp theo thứ lớp, hương thơm vi diệu, ánh sáng rực rỡ cả nước.

Cõi ấy đất báu bằng phẳng do nguyện lực mà thành, ở trên đất ấy có 7 lớp lan can, 7 lớp hàng cây, tràng phang thông xuống được kết bằng châu anh lạc, mỗi thứ đều có vô lượng vẻ đẹp thù thắng, phát phơ đẹp đẽ trang nghiêm khắp nước. Ở trong hư không rưới các áo trời, hương trời, hoa trời, lụa trời, nhạc trời, mỗi thứ đều có đến vô lượng, tung bay tán mạn đầy khắp hư không, các món trang nghiêm vô lượng như thế đều làm bằng vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, tỳ lệ già, ngỏa thúc ca, Như Ý châu vương, kim cang Ma Ni, không thể tính đếm, đều do trân bửu mà thành. Trong mỗi thứ trân bửu đều phóng ra vô lượng trăm ngàn muôn ức màu đẹp, cùng nhau chiếu sáng, mỗi thứ đều chiếu khắp cả tam thiên đại thiên thế giới, các ánh sáng ấy giao tiếp hoà hợp không hề chướng ngại, trùm khắp hư không, nói không cùng tận. Vô lượng các thứ trang nghiêm, vô lượng các thứ ánh sáng như thế. Các thứ ánh sáng, các thứ trang nghiêm cùng với thiên nhạc, hương hoa trên hư không, chim hát lới reo, tiếng ấy cung thương đúng nhịp, điệu tiết hoà hợp, phát ra vô lượng vô biên tiếng màu nhiệm. Tiếng ấy liên tục cùng khắp không hề gián đoạn, tất cả đều

diễn nói các ba la mật khổ không vô ngã, tán thán đạo Bồ Đề, ca ngợi Phật Pháp Tăng, hoặc nói Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc, Ngũ căn, Ngũ Lực, Thất giác Chi, Bát Thánh đạo, Lục độ Vạn Hạnh, 10 Lực, 10 Vô Sở Úy, 18 Pháp Bất Cộng, đại từ đại bi, đại hỷ đại xả, vô lượng pháp môn không thể nghĩ bàn. Chỗ thuyết pháp ấy nói về y chánh và sắc tâm của chư Phật ba đời dung thông không ngăn ngại, đồng nhau khuyến tấn kẻ tu hành như tiếng pháp âm của Phật không khác. Chúng sanh ở trong nước ấy nghe pháp rồi mỗi niệm đều được thỏa đáng an vui, mau được hạnh thù thắng của Tam thừa, tất cả đạo phẩm, vô lượng giải thoát như từ Phật nghe chẳng có sai khác. Dù là phàm phu, nghe pháp này rồi tự nhiên tinh tấn, còn không có chút ý niệm mỗi một, làm sao có ý thôi chuyển.

Ở cõi Cực lạc thuần nhất có con trai, không có con gái, từ hoa sen sinh ra, không ở bào thai, mặc đồ xinh đẹp, thân thể thơm tho, luôn luôn vui vẻ, tùy theo ý muốn mọi vật đều hiện đầy đủ ra. Không có ngày đêm, lạnh ấm, không có sanh già bệnh chết, không có các thứ núi đất, không có ba đường ác đạo. Đi qua lại trong hư không, kinh hành dưới cây, muốn làm các Phật sự, thị hiện thần thông đều từ tâm niệm liền hiện đến. Nhân dân ở đây sống lâu vô lượng, có đủ các thứ khoái lạc như thế nên gọi là Cực lạc.

Lại nữa, Đức Thế Tôn A Di Đà có công đức ánh sáng, oai thần tướng hảo, mỗi thứ đều có đến 84.000, như núi vàng tía, ngồi trên đài hoa sen, tòa sư tử, trang nghiêm rực rỡ, cao vợi trên không to bằng bốn biển lớn, lông hào quang ở

giữa chặng mày có năng lực lớn phát ra ánh sáng, như mặt nhật lên cao các đèn đều đẹp. Trong ánh sáng hoá Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, mỗi vị đều phóng ánh sáng lớn, chiếu thấu đến các cõi nước ở xa, nhiếp thọ chúng sanh. Quan Âm Đại Sĩ và Thế Chí Đại Sĩ cũng đều phóng quang như vậy. Bồ tát Văn Thù, Bồ tát Phổ Hiền, các Đại Bồ tát đều ở nước kia một đời bồ xứ, số ấy rất nhiều, các bậc thiên nhân họp về một chỗ, đều là bạn lành thờ Phật làm thầy, thân cận bên Phật, nghe đệ nhất nghĩa, vượt khỏi ba cõi, liền chứng vô sanh, mười địa vượt qua, hai giác viên mãn. Có thể ở trong mỗi niệm cúng dường Tam Bảo ở mười phương, thành tựu tất cả pháp môn, có du hí thần thông, tịnh quốc độ Phật. Cho đến vào chốn ba cõi sáu đường, phóng quang phá tối, cứu khổ chúng sanh. Hoặc lại phân thân trăm nghìn cõi nước, tùy duyên hoá đạo, theo bệnh cho thuốc, như lòng lành ban bố của Phật, ở trong mỗi niệm viên mãn hạnh nguyện của Bồ Tát Phổ Hiền, đủ sức trí huệ của Bồ Tát Văn Thù, có năng lực của Bồ tát Đại Thế Chí, như đức Quán Thế Âm, đồng chứng Bồ đề, đồng ở chỗ Phật. Tánh của tất cả chúng sanh vốn tối tăm, được nghe pháp này đều rất hoan hỉ mà sanh lòng tin vui. Việc trang nghiêm diệu độ tuy có đủ trong tâm của chúng ta, nếu không có đức Như Lai A Di Đà, ở trong thưở quá khứ, vì độ chúng sanh, thực hành đạo bồ tát, công khó không thể nghĩ bàn đâu có được thành tựu như ngày hôm nay. Nên biết rằng: Đức Phật A Di Đà có hạnh nguyện vô lượng vô biên, trang nghiêm vô tận, cho nên, Như Lai A Di Đà ở quốc độ kia, nguyện lớn viên mãn, cõi báu mới viên thành, y báo, chánh báo trang

nghiêm, tất cả đều viên mãn. Sự trang nghiêm y chánh cảnh giới như thế dù tất cả chư Thanh văn, Duyên giác như số cát sông Hằng trong mười phương dùng sức đại biện tài, xung tán chân thật, dù suốt đời vị lai cũng không khen ngợi cho hết.

Nếu có người thiện nam tín nữ nào nghe nói y chánh trang nghiêm ưa muốn sanh về cõi kia, cầu theo lời Phật dạy, phải phát khởi đủ ba thứ tâm (trực tâm, thâm tâm, hồi hướng phát nguyện tâm), giữ đầy đủ các giới đã thọ, không phạm oai nghi. Sau đó, dùng tâm chơn thật, quán quốc độ kia, tất cả cảnh giới thắng diệu vô lượng, y chánh trang nghiêm và thân đức Như Lai kia có 8 muôn tướng hảo công đức, ánh sáng thanh tịnh. Hoặc lại tùy giữ lấy một cảnh một tướng cho đến lông trắng giữa chạng mây của đức Như Lai, xa lìa hư vọng. Hoặc một niệm đến 10 niệm, hoặc 1 ngày đến 7 ngày, nhanh như tráng sĩ co tay, trong chốc lát liền được vãng sanh. Hoặc có người tin chắc có quốc độ Cực lạc và có Phật A Di Đà với nguyện lực đại thần tiếp dẫn chúng sanh; chẳng sanh chút nghi hoặc, từ đó một lòng gìn giữ danh hiệu, không cần đợi lâu cũng được vãng sanh, đâu cần đợi quả báo của sắc thân này mãn mới được vãng sanh. Nên biết, đức Phật A Di Đà tiếp dẫn chúng sanh ra khỏi cảnh khổ, Ngài thương chúng sanh hơn cha mẹ thương con. Ở trong các kiếp trước đây đã lập thế nguyện lớn, không có khổ gì mà không nhận, không có việc khó nào mà chẳng làm, không có nguyện nào mà không lập, không có pháp nào mà chẳng nói để độ chúng sanh, dùng đến trăm ngàn

phương tiện để độ sanh. Hôm nay là lúc hằng ngày mỗi mắt trông chờ, đưa tay chờ tiếp dẫn đã hơn 10 kiếp, mỗi niệm không rời, héo hắt gan lòng, cho đến một lòng chí thiết vào trong sanh tử, qua khắp ba đường, lửa dữ địa ngục không hề sợ nhọc. Chúng ta nếu quay về niệm Phật như con nhớ mẹ, an ủi lòng trông mong của mẹ dù chỉ một niệm cũng được vãng sanh đâu cần trải qua 10 niệm mới được vãng sanh.

2. Phá vọng hiển chơn

Hành giả muốn sanh về nước Cực lạc, thoát ly sinh tử, trước phải biết rõ tâm chơn và vọng cầu sanh Tịnh độ. Phải biết thế giới Cực lạc là ở tại cảnh hay tại tâm. Nếu ở tại tâm thì hoàn toàn thuộc về hư tướng, không có cảnh giới để sanh về. Nếu ở tại cảnh, tuy có chỗ sanh về nhưng lại mất tâm. Nếu nói cầu sanh về cả tâm và cảnh thì thân và tâm là một, đâu thể nói vãng sanh từ chỗ này đến chỗ khác. Nếu nói tâm và cảnh là một, thì khi nhất tâm cầu sanh thì tự thấy tâm cảnh rõ ràng không thể nói là một. Lại nữa Cực lạc và Ta bà hai cõi tịnh và uế chẳng đồng. Huống nữa đức Thế Tôn ân cần dặn bảo phải bỏ cõi uế, cầu sanh về cõi Tịnh nghĩa ấy làm sao đúng. Bốn câu có, không, chẳng phải có, chẳng phải không đã chẳng thể tìm, hoặc nói mỗi chỗ đều là Tây phương Cực lạc, hoặc nói tâm tịnh thì nơi ấy là Cực lạc, hoặc nói Cực lạc không rời tâm mình, nếu hiểu như vậy đều gọi là tà kiến, nên tôi không thể lặng yên. Nếu nói Cực lạc tại tâm liền nhận làm tâm này ở trong thân ta, đã nói ở trong thân thì chỉ gọi cầu tâm sao lại gọi cầu sanh. Đức Thế

Tôn ta há chẳng biết Cực lạc tại tâm sao, lại nói ở hướng Tây cách mười muôn ức cõi nước có cõi Cực lạc ở ngoài ư! lại không chỉ ở nội tâm mà chỉ nói ngoại cảnh làm gì! Hôm nay, thế giới Cực lạc ở phương Tây, Phật A Di Đà hiện đang thuyết pháp, cảnh đó sự thật rõ ràng. Đây là lời vàng của bậc Đại Thánh nói thật, ta đâu dám chẳng tin, mà không biết cõi Cực lạc ngoài tâm cảnh duyên này chính là chơn tâm của ta. Chơn tâm của ta này như biển lớn kia không tăng không giảm, cái mà ta vọng nói là cảnh Cực lạc tại tâm duyên ảnh ấy như một hòn bọt trong biển, sanh diệt toàn là vọng mà ông dối nói là tâm. Nếu ông cố chấp vọng kiến không trừ ngoài có Cực lạc, tin trong tâm duyên ảnh của ông có Cực lạc là sai, vì cái ảnh tâm mà ông duyên không có thể, nên không dùng tâm cầu sanh về tâm mà không biết rằng cõi Cực lạc kia tuy ở phương tây, nhưng phương tây ấy vẫn còn nằm trong chơn tâm của ta. Chơn tâm không có tánh tức là danh thể cõi kia dùng để hiển bày tâm ta. Danh thể vốn không, cũng tức là chỉ cái tướng của tâm ta, tâm cảnh một thể, chúng sanh và Phật cùng nguồn, cầu Phật kia là cầu tự tâm, chẳng phải cầu ở bên ngoài. Muốn khảo cứu tự tâm phải tìm ông Phật kia thì đâu có lỗi làm gì! Hiểu như thế thì việc lấy bỏ, ưa chán thật rõ ràng, dù ta có cầu cũng đâu phải ngoài tâm vì tâm có đầy đủ cả. Như thế nên biết trong tâm này có đầy đủ y báo, chánh báo, cảnh giới, cho đến sắc tâm, tịnh uế, chúng sanh Phật, nhân quả, các pháp trong ba đời ở mười phương, bao gồm khắp cả, cùng một thọ dụng, cầu một tướng bên ngoài cũng không thể được, tuy không có tính ngoài, không chia mà

chia, nên tịnh và uế rõ ràng. Như thế nên biết việc cầu phải là cầu ở vọng tâm ư! Như nguyện cầu Phật ẩn khả, cùng với những người thế gian chẳng biết bản tâm, ngu si không tới, chẳng cầu Phật ở Tây phương Cực lạc, chỉ hướng vào cái thân thịt cùng vọng tâm duyên ảnh cầu gọi là Duy Tâm Tịnh độ, bản tánh Di Đà thật khác xa. Cõi nước Cực lạc kia, không y theo vọng tâm duyên ảnh và sắc thân Phật A Di Đà kia cũng không phải ở trong ám thể của chúng sanh. Nếu hướng vào trong thân tâm duyên ảnh tứ đại của ta mà cầu ông Phật tự tánh của chính mình mà không cầu ông Phật ở Tây phương thì vọng tâm sanh diệt, nên Phật cũng sanh diệt, vì Phật sanh diệt nên Tam Muội chẳng thành, dù cầu có được chẳng, cũng chỉ thành ông Phật sanh diệt mà thôi và trở lại cõi sanh diệt không thể thành tựu hạnh chơn chánh được.

Kinh nói: "Đem tâm luân hồi, sanh ra cái chấp luân hồi thì tánh viên giác kia cũng đồng luân chuyển". Nếu muốn lìa các vọng chấp để sanh thẳng về nước kia, chỉ cầu đức Phật A Di Đà ở cõi Cực lạc cách đây 10 muôn ức quốc độ, dùng đúng tánh diệu quán mà quán tưởng làm cho bản giác và tướng hảo của đức Như Lai kia hiển hiện, hợp với thể giác của chúng sanh thì chơn tâm từ đó phát minh, thủy giác và bản giác hợp nhau, Phật và chúng sanh cùng có cảm ứng, tam muội liền thành, chánh hạnh do đây mà lập, cõi không sanh diệt mới có thể sanh về được. Nên biết rằng tâm này trùm khắp tất cả chỗ, còn không bỏ địa ngục, vì sao không chứa cõi Cực lạc. Chỉ vì địa ngục là chốn khổ nên nay thuận

theo tánh mà cầu xa lìa, Cực lạc chín phẩm nay cũng thuận tánh mà cầu sanh. Y theo khế kinh, thuận theo pháp âm của Phật cầu lìa khổ được vui, từ phàm vào thánh, thật không ra ngoài tâm tánh của chúng ta, nên gọi là Duy Tâm Tịnh Độ, Bản Tánh Di Đà. Đâu phải nói từ trong vọng tâm cầu, vọng tâm vốn không thể làm sao gọi là duy tâm bản tánh của Phật được?

Ông hướng theo vọng tâm duyên ảnh của tự mình để cầu dùng sắc thân và núi sông đại địa, mười phương cõi nước là ngoại cảnh, còn đây là hướng chơn tâm bất động của chính mình để cầu thì núi sông đại địa, cõi nước trong mười phương thì ở trong nội tâm. Nếu biết 10 phương cõi nước đều từ nội tâm thì tâm cảnh đập thành một khối, chừng đó ta mặc ý ở trong tâm bỏ uế lấy tịnh, chán đông ưa Tây, không ra ngoài tâm vì thật có nguyện lớn kia, chắc chắn đức Phật đến tiếp dẫn nên cầu đều được toại nguyện. Nếu nói cõi nước trong mười phương là cảnh ngoài tâm thì đập thành hai phía, nên vừa động niệm liền trái pháp thể, liền mất diệu dụng, chẳng được tự tâm, dùng tánh sẵn đầy đủ của Phật trở thành không có lực dụng, nên tuy có cầu mà không được. Lại nữa, cái vọng tâm có là cái duyên ảnh hư vọng, làm cho là ở trong sắc thân, không có cõi để sanh, chơn tâm dung chứa tất cả cõi nước, vốn sẵn có đủ y báo chánh báo cõi Cực lạc cầu đó liền được sanh. Vọng tâm bỏ ngoài chạy vào trong, chơn tâm tức ngoài là trong, trong không có ngoài nên cầu Phật quả hữu tướng tức cầu tự tâm. Vọng tâm chạy vào trong chẳng phải thật, nên cầu trong

không có chủ thể chỉ duyên theo ảnh chẳng thấy tự tâm, vọng tâm chia tâm và cảnh rõ ràng còn chơn tâm chính tâm là cảnh; vọng tâm sanh diệt không chỗ y cứ, chơn tâm chẳng động chẳng lai; vọng tâm ở nhân không có quả trước sau sanh diệt; chơn tâm nhân quả nhất trí, tánh tu giao triệt. Nên biết từ chơn tâm mà cầu hoặc vọng tâm mà cầu rất là sai khác. Nếu luận cho hết thì dù trải qua số kiếp cũng không hết, càng luận thì như trời vực cách xa. Luận về thể thì chơn tâm tròn đủ thập hư, còn vọng tâm chỉ ở trong thân ngũ uẩn. Luận về dụng thì chơn tâm ngay vượt khỏi Ta bà, dứt hẳn sanh tử, còn vọng tâm mà cầu như lấy cát muốn nấu thành cơm, trải qua số kiếp khó thành. Vì thế, hành giả phát Bồ đề Tâm cầu sanh Tịnh độ, đâu nên chỉ cầu vọng tâm duyên ảnh của tự thân mà không cầu ông Phật thật ở Tây phương, thật là điều đáng thương? Như người muốn về Tây mà mặt cứ theo đông, muốn leo lên cao mà cứ khư khư ôm đá, vạch nước tìm lửa, moi lửa tìm nước làm sao có được!

Thương thay cho người đời nay, không biết chơn tâm trùm khắp cả chỗ, lấy sắc hiển thể vọng nhận duyên trần cảnh tự cho là bản tánh, đó là điều làm lớn, như người nhận giặc làm con, tiền bạc trong nhà chắc bị tiêu diệt, người vọng nhận ảnh sự phân biệt mà cho là tâm cũng như thế! Nếu hoặc biết con là giặc thì giặc không làm hại được. Biết ý phân biệt là vọng thì vọng làm sao hại được mình, chỉ không nhận được nó là y chánh cội Cực lạc thôi.

Pháp Trí Đại Sư dạy: "Sở dĩ có chỗ chỉ vọng tức là chơn hoặc nói quán tâm là quán Phật hoàn toàn không có ý bác thật cảnh y chánh cõi Cực lạc, vì sao đời này bọn tà kiến nổi dậy, bọn ma dấy động, phá diệt Phật pháp, đoạn hột giống Phật, vọng nói cõi Cực lạc ở trong tâm duyên ảnh của ta mà không chịu cầu sanh Tây phương, thật là điên đảo rất nhiều. Những kẻ phá hoại kia chưa nghe chánh pháp nên đem tà kiến này mật trao truyền cho nhau, làm người mê lầm, tuy khó tránh khỏi khổ báo địa ngục chẳng nói làm chi, còn chúng ta là những kẻ xuất gia đầu tròn áo vuông nếu đồng kiến giải với người mê lầm thật đáng thương tiếc, nếu thật vì sanh tử thì tà thuyết này là một điều trở ngại của người chướng nặng, ở trong pháp môn niệm Phật không thể tùy thuận được. Chúng ta cần xét kỹ biết rằng cảnh giới vọng tâm duyên ảnh là cảnh giới hư vọng không có thật thể, nếu không thật thể, thì tùy theo cái ngã mà có sanh diệt, liền vọng nhận cho là ngã, nên nói tâm này ở trong sắc thân ở trong thế giới ngày nay, nói thế giới này ở trong hư không. Tánh hư không này rộng lớn không lường, bao hàm các cõi nước như thế thì hư không lớn, cảnh giới thì nhỏ. Tâm thì yếu ớt ở trong thân, một niệm chuyển dời, không thể dấy động. Như thế đâu có thể dùng một niệm không thể của vọng tâm yếu ớt mà có thể cầu sanh về diệu cảnh cõi Cực lạc y chánh trang nghiêm được. Những việc không thể cầu mà cố gắng cầu, đâu chẳng là một điều mê lầm lớn lắm ư!

Biết rõ được nghĩa này thì biết tánh hư không rộng lớn vô biên, tuy không thể đo lường, nhưng nguồn gốc nó phát xuất từ trong đại giác thanh tịnh tâm của ta, như một mảnh mây điếm ở trong thái hư huống là cái thế giới ở trong hư không ư! huống là sắc thân ở trong thế giới ư! huống là vọng tâm ở trong sắc thân ư! Nên biết vọng tâm do thân nhỏ bé chấp cảnh giới do hư không to lớn tròn đủ nhưng dù nhỏ hay lớn cũng không ngoài bản tâm, nên biết chơn tâm của ta như hư không bao la, còn cái không của vọng thân như không trong lòng chén, tâm ta rộng lớn không bờ mé, trùm khắp 10 phương ba đời tất cả hư không, các cõi nước như vi trần, tất cả chúng sanh sắc thân đều do vọng niệm lại muốn cầu một pháp ở ngoài tâm trót không thể được, làm sao có thể nói Tây phương Cực lạc ở ngoài tâm ư! Dù tạo các thứ vọng tưởng điên đảo cũng không thể rời tâm mà cầu, huống là tịnh hạnh trang nghiêm, sinh về Cực lạc, thoát ly sanh tử mà có thể cầu ngoài tâm được sao?

Kinh nói: “Nhận ngộ trong mê, tối tăm làm không, cái không ở trong chỗ tối tăm kết tối làm sắc, sắc lộn với vọng tưởng, cái tướng của tướng là thân, các duyên nhóm ở trong thì lay động, buông lung chạy bên ngoài tướng, tối tăm dùng làm tâm tánh, một khi đã mê thì tâm quyết định mê lầm vì trong sắc thân, không biết ngoài sắc thân cho đến núi sông đại địa đều không phải vật ngoài Diệu Minh Chơn Tâm. Ví như bỏ hết trăm ngàn biển lớn chỉ nhận có một hòn bọt biển coi đó là toàn bộ cả tràn đầy diệu dụng, người ấy thật là một kẻ mê gấp bội, như nắm tay ta không có gì

khác. Diệu Tâm Giác Minh trùm khắp cõi nước ở 10 phương, nuôi dưỡng các quốc độ của các Như lai trong 10 phương, trang nghiêm thanh tịnh cõi Diệu Giác Vương. Hư không trong 10 phương sanh ở trong tâm ông như một phiến mây điểm giữa trời xanh, hướng là các thế giới ở trong hư không ư”!

Đem nghĩa của đoạn kinh Lăng Nghiêm trên để quán sát thì cõi nước 10 phương hư không y báo chánh báo sắc và tâm ta đều có đủ. Ta nay quyết chí cầu sanh về cõi mà ta có, cầu thấy ông Phật sẵn có làm sao không thành công được, mà nói là cầu bên ngoài. Ta đã nguyện cầu tâm có thể cảm nên Phật kia vì ta mà hiển hiện chính là tự trong nhà ta vốn có Tâm và Phật hiển hiện. Tâm Phật đã chơn thật thì sao gọi là cầu bên ngoài. Nếu đã không cầu từ bên ngoài thì Đức Phật kia hiện ra, tức là tâm ta hiện ra, khi tâm ta hiện ra, thì Đức Phật kia cũng hiện ra, như thế tâm ta tức là tâm đức Phật kia, đức Phật kia tức là Phật của Tâm ta một thể không hai, vì tánh vốn viên dung. Vì sao có thể ông Phật cõi Tây phương Cực lạc trong tâm kia mà vọng chấp riêng có ông Phật Duy Tâm ư!

Có người lại hỏi: “Tuy là vọng tâm trong ấy cũng có đủ pháp y báo và chánh báo, hà tất bảo người cầu cảnh ở ngoài?”.

Đáp: “Vọng tâm dù có đủ tất cả pháp y và chánh đâu chẳng đủ Tây phương Cực lạc, nếu biết Tây phương Cực lạc là một thật cảnh như cõi Ta bà có thể cầu vì tâm có đủ. Nếu nói tâm chơn như này thì ngoài tâm không có cảnh thật,

cảnh đây chỉ là hư tướng của vọng tâm, làm sao có thật mà gọi là tâm có đầy đủ Tâm chánh là cảnh gọi là chơn tâm, tâm là cảnh gọi là vọng tâm, nên chơn vọng tuy đồng, chính sự ly cảnh mà có sai khác nên nói chính thì được, ly thì mất, chính (tức) phải ly quấy, ý chỉ ấy rõ ràng. Cũng như Pháp sư Thiếu Khương khi niệm Phật mỗi câu có một vị Phật từ miệng hiện ra, tiếp nối như vòng châu, vẫn còn đủ tướng, làm cho chúng trong hội niệm Phật đều được thấy. Phật đã có tướng thì cõi Phật làm sao không có thật. Nếu nói sự thì có, còn lý thì không, hoặc nói mỗi nơi đều là Tịnh độ, thật đáng thương thay! Hạng người này mê lầm sâu khó bỏ. Ngày xưa, Thiên Sư Nam Dương Quốc sư vì thiên khách đề cử công án "vô tình thuyết pháp", tuy không chuyên về chỉ thú Tịnh độ, nhưng cũng đau thương đời mặt hướng theo duyên ảnh mà cầu Phật, đủ để giải rõ”.

3. Quả trách việc hiểu lầm

Niệm Phật Tam Muội gọi là vua của các Tam muội vì cảnh giới rất sâu xa, người trí kém khó hiểu được cứu kính. Từ xưa đến nay, các Đại sư truyền trao đều có chỗ chẳng đồng. Tông Thiên Thai diễn tả rất đầy đủ, Tông Hiền Thủ mỗi vị đều dẫn giải chỗ sở trường cho đến Thiên Tông của chúng ta càng hiển bày rành rõ. Chỉ vì kẻ hậu học căn cơ nhỏ hẹp, chưa được nẻo về, đã chẳng vào được cổng làm sao có thể vào thất, tìm cửa chưa được nên chỗ thấy nhiều đường, bèn đem Đại sư Lục Tổ của Thiên tông chỗ nói Tịnh độ ở trong Kinh Pháp Bảo Đàn, với ý thức mù mờ, tùy theo ngôn ngữ mà sanh dị giải, nói rằng không có Tịnh độ, chẳng cần cầu

sanh; mà không biết rằng Đại sư của chúng ta, lời nói tùy theo kẻ đương cơ, thật nghĩa luôn luôn phù hợp với ý chỉ của kinh. Dù có theo lời ngài nói đi nữa ngài cũng đã dạy: "Tịnh độ không cầu sanh", lời đó rõ ràng không phủ nhận Tịnh độ. Tịnh độ đã có thì việc cầu sanh lý ấy đã rõ ràng. Vì sao những kẻ sơ cơ chấp ngón tay cho là mặt nguyệt. Nếu y theo lời nói của Đại sư: "Người mê niệm Phật cầu sanh về nước kia, người ngộ tự tịnh tâm mình. Lại nói: người phương Đông chỉ tâm tịnh tức vô tội, tuy người ở phương Tây tâm không tịnh cũng có lỗi. Người phương Đông tạo tội niệm Phật cầu sanh Tây phương, người Tây phương tạo tội cầu sanh nước nào? Kẻ phàm phu chẳng hiểu, chẳng biết tịnh độ trong thân, nguyện đông nguyện tây, người ngộ ở chỗ nào cũng vậy. Lại nói: "Nói Tịnh độ gần hay xa chỉ tùy theo thiện căn của chúng sanh không đồng mà cõi Phật có gần có xa khác nhau." Ngài nói không cần cầu sanh, cốt yếu dạy chúng sanh vĩnh viễn dứt 10 điều ác, tám điều tà, tu đủ mười Thiện, bát Chánh. Lại chỉ chỗ chỉ diệu của tâm địa không lìa thân này, chỉ mê ngộ có khác. Nếu ngộ thì thường làm từ bi, hỷ xả, hay làm cho thân thiện chánh trực, bình đẳng, nếu được như vậy tức là Quan Âm, Thế Chí, Thích Ca, Di Đà. Nếu mê thì phân biệt nhân, ngã, tâm tà, hư vọng, trần lao khác nhau tức là cảnh núi Tu Di, biển nước, trời, rồng, quỷ, địa ngục. Nay hiểu rõ ý chỉ của Đại sư là chỉ tịnh thân mình thì theo đó ở chỗ nào cũng tịnh, thật cùng trên hội Duy Na chân Phật bám xuống đất, biến cõi uế thành cõi tịnh. Tất cả đại chúng trong hội đều tự thấy mình ngồi trên hoa sen báu, nghĩa ấy thật không

hai. Vì thế kinh nói tùy theo tâm mình tịnh thì cõi Phật tịnh. Điều thuyết minh ấy đủ cho thấy lời bày giải của Đại sư, đâu chẳng hợp với tâm Phật, phù hợp hoàn toàn ý chỉ kinh điển. Chỉ vì các bậc Thánh nhân thuyết pháp có chỗ ngăn (giải) biểu hiện (biểu) chẳng đồng, người chưa đến địa vị ấy thì đừng dẫn những lời ngăn dạy mà tự dối mình. Huống chi trong Đại tạng giáo điển khi nói lời ngăn dạy thì tất cả đều chẳng phải (phi) cần gì cầu sanh. Hoặc khi nói biểu hiện thì tất cả đều phải (thị) cần phải cầu sanh. Hai điều thuyết pháp này đồng từ miệng Phật nói ra, nghĩa nó không hề sai khác. Đâu có thể thiên chấp lời nói ngăn dạy, liền bỏ lời nói biểu hiện ý nghĩa cầu sanh tịnh độ. Nếu quả thực Đại sư nói thẳng về độ, không cần bỏ uế lấy tịnh mà chỉ cần tịnh tâm mình thôi, thì ngài phải nói với mọi người chỉ có tâm tịnh mà thôi, không cần bảo người đoạn các nghiệp ác, tu các nghiệp lành làm gì? Nếu đã bảo mọi người dứt ác làm lành thì đối với độ phải bỏ uế (ác) lấy tịnh (thiện) nghĩa ấy thật rõ ràng. Cho nên khi Phật nói lời ngăn dạy chính là muốn hiển chỗ hiện bày cầu sanh Tịnh độ. Khi nói hiện bày chính là muốn từ chỗ ngăn dạy mà biết vô sanh.

Nên biết Đại Sư Tào Khê dạy người nhơn cảnh tâm mình trước tịnh thì báo cảnh tự tịnh chẳng phải cầu sanh là lời ngăn dạy. Còn Tổ Huệ Viễn ở Lô Sơn dạy người vào báo cảnh Tịnh của Phật thì nhơn của tâm tự tịnh, dạy cần phải cầu sanh là lời biểu hiện. Phật và Tổ thuyết pháp nhơn quả không hai, chẳng trước chẳng sau, hai nghĩa chưa từng là

nhau; tuy dạy người chỗ vào không đồng mà thể của pháp vốn một. Vì sao, người đời nay nghe lời giảng dạy (giáo thuyết) liền cho là phải, nghe nói lời biểu hiện (biểu thuyết) liền cho là quấy, tự sanh ra chứng ngại lui sụt, thật đáng thương. Không biết rằng đại Sư nói lời giáo thuyết này, bảo không cần cầu sanh Tịnh độ chính là muốn hiển bày biểu thuyết dạy cầu sanh Tịnh độ vậy. Lại nữa như đức Thích Tôn một đời tuyên dương giáo lý, nói ra nhiều thời, nhiều bộ đều là một vị giải thoát. Nhưng trong khi thuyết pháp về hiền, phần nhiều khen ngợi về hiền giáo. Trong khi nói ý nghĩa của mật, đặc biệt ca ngợi mật giáo. Các tôn phái căn cứ vào tôn chỉ của mình mà nói riêng phần mình, nhưng Phật đâu có nói riêng chỗ mâu nhiệm, chỉ muốn hợp với căn cơ, làm cho chúng sanh nhận ra thọ trì được nhất chí không do dự. Thời nay nhằm thời tượng Pháp sau cùng, người phò tôn, học giáo đâu phải không chỗ hiền bày. Lục Tổ muốn hoằng dương nhất hạnh tam muội lý phải vượt hẳn các thừa, Tổ Huệ Viễn ở Lô Sơn muốn đơn dương niệm Phật Tam muội, làm cho học giả vượt ngang ba cõi chính là muốn nhiếp hết các cơ. Kẻ hậu học đâu nên vọng sanh thành hai thứ chấp, phải xét kỹ chỗ đó.

Ngài lại nói: "Người phương đông hoặc người phương tây nếu tâm tịnh thì không tội, tâm không tịnh thì có lỗi". Điều đó cho thấy người phương đông cảnh ác thô bạo, Phật đã diệt độ, khó làm cho tâm tịnh được, như những người ở thế tục, nhà lửa đốt cháy muôn lần, dù cố gắng tu cũng bị mất, cũng như hòn đá nhỏ bỏ vào nước liền chìm, nên phải cầu

sanh về Tây phương, Phật A Di Đà và Thánh chúng hiện tại, cảnh thù thắng, việc làm dễ dàng, như con đi lạc đã về Phật thân dạy bảo, như người xuất gia ở chùa, duyên lành đầy đủ, không bị thối chuyển. Nên sanh về cõi kia tâm tịnh không có lỗi, như viên đá lớn kia nhờ có thuyền vào nước không chìm. Lại nữa, Đông phương Tây phương lý vốn một thể, quốc độ của đức Phật kia, chẳng phải chỉ có cảnh trí thù thắng, mà quan trọng nhất là đức Phật đang hiện thuyết pháp có thể xoá trừ hết nẻo làm, tội lỗi, tâm chắc được thanh tịnh, bậc Thánh có thể tiến lên, nên cần phải xa lìa cõi Ta bà, cầu sanh về Cực lạc. Nếu bậc căn khí thù thắng như đức Lục Tổ Tào Khê còn có thể vào trong bể khổ sinh tử, tìm tiếng kêu cứu khổ, giáo hoá chúng sanh, cần gì phải cầu sanh! Nếu người nào đạo lực chưa đủ, cố bắt chước bậc Tiên giác, tự mình không cầu vãng sanh và dạy người không cầu vãng sanh, chắc chắn như người cứu kẻ chết chìm, mà mình không biết bơi và không có thuyền bè thì cả hai đều chết đuối, thật chẳng đáng thương u! Lại nữa, Đại sư của chúng ta là Tổ Đắc Pháp thứ sáu hoằng truyền Thiên Tông, lời nói đều hiển bày Thiên của Tổ Bồ Đề Đạt Ma. Như nói: "Tâm đã bình đẳng thì nhọc công trì giới làm gì, Hạnh đã ngay thẳng cần gì tu thiền". Nếu y theo lời nói đó rồi nói không cần trì giới, hoặc tu Thiền là sai. Họ đâu biết rằng, Tâm nếu bình đẳng đúng nghĩa thì ta đối với vật không có gì không bình đẳng. Nếu ta và vật bình đẳng thì đâu có thể giết nó để nuôi dưỡng mình, trộm của họ để lợi cho mình, chia tướng nam nữ để làm việc dâm dục, nói lời không chơn thật, uống rượu để làm cho mình say đắm mê

muội. Tâm bình đã không có tướng phạm các giới này thì tất cả giới đều từ trong ấy. Đâu có thể hoàn toàn không cần trì giới mà đi cướp của, giết người, làm các tội ác mà nói là tâm bình được sao? Nên biết rằng, câu nói: "Tâm bình nhọc gì trì giới" chính là biểu bày hết đại giới.

Thiền là tiếng Phạn dịch từ Tịnh lự (sạch lo nghĩ) hay gọi chánh định hoặc gọi Nhất Hạnh Tam Muội. Đâu có người nói hạnh trực mà tâm họ lo nghĩ không yên, dù ở chỗ định cũng không ngay thẳng, việc làm không thống nhất. Nên biết câu nào cần tu thiền, chính là chỉ chỗ cao siêu của Thiền định. Nên biết Đại sư làm hạnh vượt hẳn trời người, ở trong thời tượng pháp, sợ kẻ hậu học chấp pháp làm ô nhiễm giới thể nên ở trong giới luật nói: "Không nhọc trì giới"; ở trong cảnh thiền nói: "Nhờ dụng tu thiền". Theo ý chỉ đó nên chỗ phải cầu sanh Tịnh độ mà nói không cầu sanh. Người học đời sau lại trở nên chấp trước mê lầm, nói thật chẳng cần cầu sanh là một điều rất ngu dốt, vì chỗ nói của đại Sư là khuyên ngược lại để người học nhận ra chỗ thật tế. Chỗ dạy của chư Tổ có khi nói thuận, có khi nói nghịch, đều là cách chỉ cho người ta cách tiến tu mà thôi. Nói thuận hay nghịch đều theo căn cơ đương thời, thật không có pháp thiệt. Như nói "gặp Phật giết Phật" chỉ là giết vọng tưởng hiện Phật, đâu phải giết Phật thiệt. Nếu lời nói giết Phật là thiệt thì Bồ Tát Văn Thù cầm kiếm cũng là giết Phật thật ư? Nếu người theo lời nói của cổ nhân mà không biết tâm của cổ nhân, nói không cần cầu sanh Tịnh độ cho là thật. Đó chính là những người đem thượng vị đề

hồ quý báu ở trong đời cho là thuốc độc. Cho nên Đại sư nói lý viên diệu của Ba đề kia ở trong chỗ có sanh mà nói vô sanh, ở trong chỗ vô tu chứng kia mà nói có tu chứng, hai bên không đặng, trung đạo chẳng còn, làm cho pháp môn giáo thừa viên đốn tự nhiên hiện rõ. Như treo mặt nhật mặt nguyệt trên đường tối, ở đâu cũng chiếu sáng, nên nói Thiên tôn đối với chỉ thú của Niệm Phật Tam muội có chỗ còn chưa cùng tận. Vì thế Đạo Xước ở Hà Tây, Thiện Đạo ở Trường An, Tín Nguyên Thiên sư, Trí Giác, Từ Giác đều là những người nối nghiệp Thiên Tông, hoàng dương Tịnh Độ. Ngài Đạo Trân, Hoài Ngọc thực hành Tịnh độ và dạy người. Thiên Sư Viên Chiếu và các Thiên sư bạn bè tu Tịnh độ đều có chứng nghiệm lợi ích. Huông chi, trong Bách Trượng Thanh Quy có ghi, cầu an cho tăng bệnh phải tụng kinh Tịnh độ và niệm Phật, đưa vong Tăng Trà Tỳ, phải xưng Phật danh hiệu, chú nguyện vãng sanh. Các việc ấy còn chép trong Thanh Quy thiên đâu phải nói dối.

4. Nêu điểm chính của Quán Huệ Minh Tâm

Niệm Phật tam muội thật có khả năng đưa tất cả chúng sanh ra ngoài ba cõi, đường tắt vãng sanh về Cực lạc. Ban đầu đức Phật ở non Linh Thứu tuyên dương, kẻ đó ở Lô Sơn, Huệ Viễn Đại sư tiếp thừa nghi quỹ, mười phương khen ngợi, các tổ truyền trì. Từ xưa đến nay, Tổ của các Tôn hoàng dương Tịnh độ, chỗ nói không phải một, nên hàng hậu học khó thông suốt. Duy có pháp môn Tam quán của Thiên Thai Tông lý trùm các kinh, vượt hẳn ngôn luận tầm thường. Nếu người theo giáo pháp này mà được chỉ thú,

thật lợi ích không thể nghĩ bàn, nên người hậu học nên lấy ba quán này làm thuyền bè để thẳng đến bờ kia.

Ba quán là một niệm tức không, tức già, tức trung. Khi còn trụ thế, đức Như Lai khéo léo hiển bày, đến Trí Giả Đại sư mới hoàn toàn viên ngộ. Nên nói không thời tất cả đều không, giả thời tất cả đều giả, trung thời tất cả đều trung, cùng phá cùng lập, cùng chẳng phải phá lập, tròn đầy không có đối đãi, khó nghĩ khó bàn, tóm huyên môn của các bộ (kinh) làm sáng tỏ cảnh trí của Phật và chúng sanh, tột cùng nguồn cội của muôn pháp, hiển pháp viên tu của Tịnh Tông. Niệm Phật tam muội nếu không có pháp môn Tam quán này thì có chỗ chưa tròn đủ.

Đại sư Tứ Minh phát minh diệu chỉ để dạy hàng hậu học, nay dùng lời ấy để cầu sanh Tịnh độ, trong không ngoài tiểu thiện của thế gian và việc quán tưởng kia, nếu không dùng pháp môn đại thừa viên diệu tam quán kia để giải thích áo chỉ của thập lục quán kinh làm cho người mở tỏ để phát khởi việc thực hành thì nhờ vào đâu mà được vãng sanh.

Thập lục Quán có quán trước tiên là Quán mặt trời lặn, quán này mục đích nêu lên cách quán đơn giản để đưa tưởng hướng về đức Phật kia. Người mới phát tâm thực hành tuy biết căn trần đều là pháp giới, nhưng tâm tưởng vẫn còn yếu kém, nên cảnh thù thắng khó hiện, cho nên, đức Như Lai lập ra phương tiện lạ, dùng mặt trời lặn làm cảnh tưởng, làm cho khi khởi quán mặt nhật có thể hiển được chỗ màu nhiệm, biết rằng: Tâm năng tưởng này vốn

đủ tất cả các pháp y báo và chánh báo. Nay dùng cái tâm quán mặt nhật này duyên theo mặt nhật ở trong chính tâm mình, làm cho bản tánh của mặt nhật hiện rõ ra trước mắt. Đây là dùng tâm pháp giới để duyên cảnh pháp giới, từ đó khởi ra mặt nhật pháp giới. Tất cả đều là pháp giới, thì đâu chẳng phải chính là không giả, trong đây chỉ chung cho đầy đủ, nếu luận rỗng ba quán thành công phu nhật tướng thì dùng căn và cảnh không tịch thì tâm nhật không trở ngại, dùng duyên khởi giả lập, nên tướng liên tục làm mặt nhật sanh ra, dùng tâm nhật này đâu là pháp giới, nên đương thể hiện nhật quán liền thành, thì tam quán đồng ở chỗ nhất tâm, chẳng phải một chẳng phải ba mà là một mà ba, không thể nghĩ bàn, nhật quán như thế, các quán khác cũng vậy. Nên biết, 16 pháp quán đều dùng phương pháp tướng tướng không giả trung của Nhất tâm tam quán. Kế đó, quán nước trong lại tướng thành băng, bởi vì cõi kia lấy lưu ly làm đất, đất ấy khó tướng, nên dạy tướng băng, tướng băng đã thành thì đất báu cõi kia có thể thấy được. Như trên dùng nhìn thấy mặt nhật và băng là dùng phương tiện, kế đó quán đất, quán cây, quán ao, trong 16 phép quán, 6 quán đầu là quán y báo cõi tịnh độ. Quán toà hoa là vật thân y của tam thánh. Quán Bảo tượng là chơn thể của tam thánh. Muốn quán Phật trước phải quán toà hoa, Phật thật khó quán, trước phải quán tượng. Từ quán toà đến tập quán thứ 13, bảy quán này đều là quán chánh báo của cõi Cực lạc. Còn 3 quán sau cùng nói rõ về người sanh về ba bậc chín phẩm của người từ cõi này sanh về cõi Cực lạc. Vì người tu nhân không đồng cho nên cảm quả có sai khác. Từ Ba quán này cũng

để hành giả biết chỗ cao thấp của 3 phẩm để bỏ trung hạ mà tu tập bậc thượng phẩm để được sanh về bậc thượng.

Các pháp quán đều do kinh chỉ cảnh tượng, nhớ giữ trong lòng làm cảnh sở quán, nhưng nên biết rằng ở tâm ta vốn đủ pháp quán này, mượn cảnh để tưởng thành, phát minh ra tâm mắt. Nên Đề kinh nói: Phật nói kinh Quán Vô Lượng Thọ là chỉ thẳng cảnh sở quán của Phật này, chỉ chánh báo thu nhiếp y báo, thuật hóa chủ để bao gồm đồ chúng, quán tuy có 16, nói chữ Phật là gồm hết. Vì thế cần phải quán đức Phật kia. Muốn quán Phật kia trước phải quán sắc thân Phật kia to lớn như hư không, đoan nghiêm vi diệu, mỗi một phần của thân có 84.000 tướng, trong mỗi tướng có 84.000 vẻ đẹp, mỗi vẻ đẹp có 84.000 luồng ánh sáng, trong mỗi ánh sáng có nhiều bể thế giới. Trong bể thế giới kia có tất cả chư Phật, Bồ tát, Thanh văn, Duyên giác, Tăng chúng số nhiều như vi trần, rộng lớn không thể nói hết. Cần phải nhớ tưởng làm cho tâm mắt thấy, thấy được việc ấy rồi, liền thấy được 10 phương chư Phật, vì thấy được chư Phật nên gọi là niệm Phật tam muội. Làm quán này gọi là quán tất cả thân Phật, vì quán thân Phật nên cũng thấy được tâm Phật. Tâm Phật chính là đại từ bi, là vô duyên từ tiếp dẫn chúng sanh. Người quán pháp này thành tựu, khi bỏ báo thân, ở đời sau sanh ra trước Phật được vô sanh nhẫn.

Người quán Phật Vô Lượng Thọ phải từ một tướng hảo mà vào. Chỉ cần quán lông trắng ở giữa chân mày cho rõ ràng sáng suốt. Thấy được lông trắng ở giữa chân mày này, thì 84.000 tướng hảo tự nhiên hiện rõ. Thấy được Phật Vô

Lượng Thọ là thấy được vô lượng chư Phật trong 10 phương. Được thấy vô lượng chư Phật nên được chư Phật hiện tiền thọ ký, đây là quán khắp tướng tất cả sắc thân. Nên biết 16 pháp diệu quán lấy quán tướng Phật làm cốt yếu, nếu quán hết tám muôn tướng hảo thì rất khó thành, nên dạy quán tướng bạch hào ở giữa chân mày như 5 hòn núi Tu di, tướng này nếu thành thì (8 muôn tướng 84 000 hảo đều hiện), đây là pháp quán cốt yếu vậy. Nếu tu các quán trước tâm được nhạy bén, quán đã rộng sâu thì có thể dùng bạch hào để quán, làm cho 8 muôn 4 ngàn đều hiện. Trong sớ nói: “Người mới hạ thủ chưa tu các pháp quán trước hoặc tuy tu quán mà chưa thành tựu, nên ở nơi thân Phật riêng chỉ một tướng cho kẻ mới phát tâm quán tướng để được tam muội”.

Ngài Từ Vân Pháp sư chỉ dạy người tướng Phật A Di Đà, thân cao một trượng sáu, ngồi trên hoa sen, chuyên buộc tâm vào hào quang trắng giữa chân mày. Hào quang này dài một trượng năm thước, châu vi năm tấc, ngoài có tám cạnh, bên trong rộng xoay về bên hữu, ở giữa chân mày, sáng rõ trong suốt, không thể nói hết, làm sáng chói gương mặt, thấy từng nét rõ ràng. Khi thực hiện pháp quán này phải dùng tâm, chú tướng bền chắc không dời đổi. Tướng này đã thành tựu thì tam muội hiện tiền. Nên trong Quán Phật Tam Muội kinh nói: "Nếu người hết lòng hộ niệm, ngồi ngay quán niệm sắc thân, nên biết tâm người ấy như tâm Phật, cùng Phật không khác, tuy ở chốn trần lao mà không bị các thứ trần lao che lấp, người làm quán này là

người niệm Phật một cách chơn thật. Nên biết công đức quán Phật to lớn như thế". Lại nữa: Tướng hảo quang minh của Đức Thế Tôn kia vi diệu rộng lớn, chúng sanh tâm nhỏ hẹp, tướng niệm khó thành, nên Phật dạy trước khi quán chơn thân, trước bảo quán tượng Phật ngồi trên toà, cần phải quán toà trước, khi quán toà đã thành rồi mới tướng Phật. Kinh dạy: "Các Phật Như Lai là thân pháp giới, vào trong tâm tướng tất cả chúng sanh. Vì thế, các ông khi tâm tướng Phật, tâm ấy có đủ 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, tâm ấy làm Phật, tâm ấy là Phật. Trong biển chánh biến tri của Chư Phật đều từ tâm tướng sanh ra, cho nên phải một lòng hộ niệm quán chắc Phật kia."

Pháp giới thân là thân báo Phật pháp tánh, đầy đủ thi giác gọi là báo Phật, hiển bày rõ ràng bản giác gọi là thân pháp tánh, thi giác và bản giác không hợp nhau có thể khởi ra ứng dụng, nhưng chẳng phải là chỗ cảm của chúng sanh thì chư Phật đâu có thể ứng. Năng cảm như nước, năng ứng như mặt trời. Cho nên thi giác hợp với bản giác cũng như trời trưa không mây, nên có thể vào tịnh tướng như ánh trăng hiện trăm sông có cảm có ứng, hai thứ này hợp nhau đây là nghĩa vào tâm tướng chúng sanh vậy.

Lại nữa, Pháp giới thân là thân Phật, không có chỗ nào là không cùng khắp, nên lấy pháp giới làm thể, nếu có thể được quán Phật tam muội này thì tâm quán giải vào được bản thể của Phật. Bản thể của Phật vào tâm quán giải đây là thi giác hiển bản giác, nên bản giác lại vào thi giác. có giải có nhập, cả hai tương ưng, đây là vào trong tâm tướng

chúng sanh vậy. Nên biết tâm quán hôm nay chẳng phải ở nơi âm tâm quán bản tánh Phật mà chỉ nhờ nói vị Phật khác để hiển bày bản tánh mình. Cho nên trước phải biết rõ Phật ứng nhập vào tâm tướng của ta, kế đó phải biết rõ Phật toàn là bản giác nên ứng Phật hiển bày. Biết bản giác mình vốn sáng suốt thì việc nhờ ở bên ngoài nghĩa đó thành tựu, quán duy tâm được thành lập, hai nghĩa đều thành pháp quán này.

Trong kinh nói: Tâm ấy làm Phật, tâm ấy là Phật. Sỡ dĩ hôm nay chỉ cho quán Phật là làm sáng tỏ ý chỉ tu tánh. Nói làm Phật có 2 nghĩa: 1. Tâm tịnh có thể cảm ứng Phật ở phương khác, là nói pháp thân chư Phật không có sắc tướng, do chúng sanh tâm tịnh, y theo nghiệp thức mà huân tập pháp thân, nên có thể thấy sắc tướng thù thắng ứng hiện của Phật. 2. Tam muội có thể thành quả Phật của chính mình, là nói chúng sanh dùng tâm thanh tịnh tướng thành tựu quán Phật tam muội, nên có thể làm cho tự mình rốt ráo thành Phật quả. Trong hai nghĩa này, nghĩa trước làm tha Phật, nghĩa sau làm tự Phật. Nên biết, muốn chứng quả Phật không phải tự nhiên, mà phải thực hành toàn tánh thành tu mà được hiển bày ra không phải tánh đức tự nhiên là Phật. Nói là Phật cũng có 2 nghĩa:

1. Tâm là ứng Phật : Như trước đã nói, Phật vốn vô tướng, do tâm cảm nên có. Như thế, Tâm và Phật có không rõ ràng sai khác, nay bỏ kiến chấp này thì tâm của chúng sanh toàn là ứng Phật, nên lìa ngoài tâm này là không có Phật.

2. Tâm là quả Phật : Đã nói tâm là quả Phật nên biết không có nhơn thành Phật, vì trong tâm chúng sanh đã có Đức Như Lai ngồi kiết già trong ấy, đâu đợi tương lai mới thành quả Phật.

Trong hai nghĩa này trước nói ứng Phật, kế đó là quả Phật. Nên biết rằng quả Phật vốn đầy đủ, không phải nhờ duyên mà thành. Tức tác (làm) mà thị (là), toàn tu thành tánh hiển bày, chẳng phải tu đức nhơn duyên mà thành Phật. Nếu dùng làm, là để hiển bày ba quán thì không phá giả lập đều gọi là tác (làm) thuộc quán hai bên. Nếu phá chẳng lập ra gọi là thị (là) quả của Trung đạo. Hoàn toàn thị (là) mà tác (làm) thì ba đề đều phá đều lập. Toàn tác (làm) mà thị (là) thì ba đề đều chẳng phải phá lập, là không của trung giả danh tác (làm) thì có thể phá ba hoặc lập ba pháp, nên cảm ba thân ứng đủ ba thân, có thể thành tâm ta ba thân là quả, tức là trung của không giả, thì toàn cảm là trí, toàn chứng là đức, nên tâm là ứng Phật, tâm là quả Phật. Nên biết nghĩa của tác (làm) và thị (là) một lòng tu hành là ba quán không thể nghĩ bàn, vì tổng thể của 16 pháp quán là diệu tôn của một bộ kinh. Văn rút trong này nghĩa gấp sơ, hậu. Cho nên hành giả phải dùng ý này tu nhơn tịnh độ. Hoặc nói: Vì sao không y theo lời kinh nói, chỉ vì sự tướng, sanh thẳng về Tịnh độ là hiển bày phương pháp Huệ quán, khiến người sơ tâm khó vào ư !

Đáp : Sự tướng quán huệ cho đến việc thiện nhỏ trong người, chỉ được nhất tâm đều có thể sanh về Tịnh độ. Chỉ thô và diệu chẳng đồng vậy. Thô thời chỉ có sự tướng

kia, diệu thời chuyên tâm. Quán Kinh số nói: “Bởi vì viên giải hoàn toàn khác với tiểu thừa, tiểu thừa mê muội duy tâm, Phật từ ngoài có vì vậy thể của tâm và Phật chẳng đồng. Hành giả tu Đại thừa biết nhất tâm ta có đủ tánh Phật, mượn cảnh tu quán, tướng Phật liền hiện bày. Nay quán y chánh Di Đà làm duyên huân vào tâm tánh. Tâm tánh đã đủ y chánh cõi Cực Lạc, do huân vào mà phát sanh, tâm vốn sẵn đủ mà sanh đâu là tâm tánh. Toàn tâm là Phật, toàn Phật là tâm, trọn ngày quán tâm là trọn ngày quán Phật, ý chỉ đó thật rõ ràng.

Lại nữa, nên biết rõ thể pháp giới viên dung không thể nghĩ bàn, làm tâm nhất niệm của ta là dùng thể để làm chúng sanh, làm Phật, làm y báo, làm chánh báo, làm căn, làm cảnh, một tâm, một trần, đến một cực vi trần đều là pháp giới, toàn thể mà làm. Đã nói làm một pháp là làm toàn pháp giới. Nên lấy một phần là viên dung toàn phần pháp giới, đã toàn pháp giới thì có một vật nào mà không đủ, khắp tất cả chỗ, tất cả các pháp đều là Phật pháp. Nên biết chúng sanh là tánh đức của Phật, chẳng phải tự, chẳng phải tha, chẳng phải hơn, chẳng phải quả, chính là thể của bậc Viên thường Đại giác. Nên biết quả Phật là thể của viên minh, chúng ta là phàm phu sẵn đủ tánh đức, nên bốn tam muội gọi chung là niệm Phật tam muội. Nếu pháp quán này giữ thân ở cảnh y chánh cõi An dưỡng, dùng pháp quán vi diệu, chuyên niệm Di Đà, hiển thể chơn Phật, tuy giữ thân nơi cảnh ấy, nên biết y báo và chánh báo, đồng ở một tâm, tâm tánh cùng khắp, không pháp nào không tạo ra được,

không có pháp nào chẳng đầy đủ. Nếu có một chút pháp nào từ ngoài tâm mà sanh thì không được gọi là quán pháp Đại thừa.

Trong kinh Nhơn Vương Bát Nhã nói : “Phật hỏi vua Ba Tư Nặc: Ông dùng tướng gì mà quán Như Lai ? Nhà vua thưa: Quán thân thật tướng, quán Phật cũng vậy, không có mé trước, mé giữa, mé sau, không trụ ở ba mé, không lìa ba mé; không trụ ngũ uẩn, không lìa ngũ uẩn, không trụ tứ đại, không lìa tứ đại; không trụ sáu chỗ, không lìa sáu chỗ; không trụ ba cõi, không lìa ba cõi; cho đến không thấy nghe hiểu biết, tâm hành thì xứ diệt, ngôn ngữ nói ra thì dứt, đồng với các pháp tánh chơn tế. Con dùng tướng này để quán thân Như Lai. Phật dạy: Nên như thế mà quán, nếu quán khác đi gọi là tà quán.” Ý nghĩa đoạn này đã minh chứng rõ ràng.

Hỏi: Nếu như trên đã nói vì sao không quán thẳng chỗ màu nhiệm của chơn thân và cõi kia, sao trong Quán kinh dạy người trước phải quán tượng Phật làm chi?

Đáp: Giáo chủ cõi Ta Bà khen ngợi cõi Cực Lạc, muốn dụ dẫn chúng sanh ra khỏi năm trược, dạy quán pháp thân cao sáu mươi vạn ức na do tha do tuần mà trước dùng tượng báu đứng trên hoa là muốn khai phương tiện, dạy người quán từ thô đến diệu, kế đó dùng tượng cao một trượng tám thước là tùy theo bậc hạ phẩm, dạy quán từ nhỏ đến lớn. Bởi vì quán tượng thô và tế có khác nhau, nhưng đều từ tánh mà khởi tu, nhỏ lớn tuy hình có khác, nhưng đều từ gốc mà để lại dấu vết. Cái tánh năng quán trước không có

sai khác, cái cảnh sở quán đâu cần so lường làm gì. Cho nên nói đến chỗ viên đốn, cần một tiếng là khắp đủ. Khai thị tuy có thứ lớp mà chẳng phải tiệm, tùy thuận theo căn khí mà không thiên lệch. Tất cả mở rộng môn quán, toàn bày thật tướng. Nguồn gốc của tượng giáo đâu chẳng phải từ đây mà ra, đây là chỉ thú chỉ thẳng niệm Phật tam muội, lời nói trước sau không hai, là Đạo của Đại thừa viên đốn, như mặt trời mặt trăng chiếu khắp thế gian, làm cho mọi người biết được tâm chơn và tâm vọng, tức là một mà không đồng mà lý đều gồm đủ. Có thể nói không cần rời việc làm hằng ngày mà giải hạnh, quán huệ đều đầy đủ, người muốn học sao không dốc hết tâm ý thực hành.

5. Niệm Phật Chánh quán trong Đạo tràng Tôn tượng.

Phàm Quán Huệ tam muội phải dùng chỉ thú của quán huệ này, hãy quán y báo và chánh báo cõi Cực Lạc kia, làm cho tâm thuần thực, tâm cảnh một lý, được sanh thẳng về cõi kia. Đạo tràng chánh quán vì thực hiện điều kia tuy đạt được ý chỉ của quán huệ, mà chỗ đối với sáu căn còn lưu giữ trần cảnh, nên có lúc thôi chuyển. Vì thế, ở nơi Đạo tràng Thánh tượng, cho đến trang nghiêm đồ cúng dường liền cùng y báo chánh báo cõi Cực lạc một thể mà quán. Hành giả tuy chưa rời khỏi cõi Ta Bà, dùng tâm nhất quán này nên như đã sanh về Tịnh độ, lúc mạng sắp lâm chung chắc được cảm ứng.

Hành giả, khi sám hồi hành sự thanh tịnh đạo tràng, trang nghiêm cúng cụ, cho đến một cây hương một cành hoa, đâu không phải là lý của ba đế kia, nếu không dung mọi sự đế

lý này, chánh niệm quán sát, làm cho hạnh thù thắng có chỗ quy hướng, thì đối với đạo Đại thừa viên đốn không thể khai hiển, như quốc độ của đức Phật kia có vô lượng vật cụ trang nghiêm, đều từ đức Phật kia lúc mới tu Bồ tát hạnh, do thực hành mà lập ra, cõi kết quả hiện tiền, nên đồ trang nghiêm thắng diệu vô cùng. Ta nay quán quả mà biết hơn, thì biết Đạo tràng tam muội mỗi thứ trang nghiêm, cùng hơn quả Cực lạc kia không khác. Đâu chẳng cũng mỗi mỗi đều thành Đại Tam muội, hiển bày chỗ viên dung vi diệu của các pháp môn, như cõi Cực Lạc, không có sai khác, cũng tự mình và cõi kia trang nghiêm đầy đủ, là vi diệu thân tướng, thân tướng làm việc cúng dường chẳng phải đây, chẳng phải kia, chẳng phải một chẳng phải nhiều, y báo và chánh báo dung hợp với nhau hiển bày lý pháp giới, như các cõi Phật không thể nghĩ bàn, đâu có thể xem là đất gồ mà thành cảnh quán u! Nên biết hoặc cảnh hoặc tâm, hoặc thân hoặc cõi đồng một thọ dụng tự tại vô ngại.

Kinh nói : Dùng ba la mật sanh ra tất cả lộng báu, đối với tất cả cảnh giới thanh tịnh hiểu rõ chỗ sanh ra tất cả hoa và tràng phang. Vô sanh pháp nhẫn sanh ra tất cả y phục. Nhập pháp kim cương tâm vô ngại sanh ra tất cả linh và lưới. Hiểu tất cả pháp tâm như huyền sanh ra tất cả hương kiên cố. Tâm trùm khắp cảnh giới Phật, tòa Như lai sanh ra tất cả các tòa báu. Cúng dường Phật tâm không giải đãi sanh ra tất cả tràng phang báu. Hiểu các pháp như mộng, sanh tâm hoan hỷ, sanh ra tất cả cung điện báu nơi trụ xứ Phật. Không chấp thiện căn sanh ra tất cả mây bảo liên hoa. Dùng

cách quán này thì biết cảnh y báo và chánh báo cõi Cực lạc, đây là nhơn hạnh của Như lai A Di Đà tạo thành, giờ đây cảm thành kết quả. Đạo tràng của chúng ta đây đã là nhơn Tịnh độ, tuy tốt xấu không đồng, như biển và vịnh hình thể không đồng mà nước biển đâu không đồng thể ư ! Do nghĩa này thì người ở trong đạo tràng, sáu căn đối với hương hoa, đèn đuốc, tràng phang bảo cái, tất cả đồ cúng dường, cho đến y phục, ngoạn cụ, ăn uống y dược, các đồ thọ dụng, một sắc một hương và một vi trần đều là tam muội, đều là pháp môn, đều làm cho hành giả phát khởi chỗ diệu giải, giác ngộ tự tâm, chứng thánh. Tuy chưa nghe tiếng cũng có thể biểu hiện Đại pháp môn Niệm Phật tam muội, cũng tức là thân của tất cả chúng sanh và chư Phật, cảnh trí vô ngại, cũng có thể cùng ta đồng hành, làm bạn pháp chơn thật, hành giả dám khinh thị khiến không phát khởi diệu ngộ đều sanh về nước kia được chăng?

Kinh dạy: “Thiên định giữ tâm thường một duyên, trí huệ rõ cảnh đồng tam muội.” Nghĩa đó cũng như vậy, có thể dùng quán tưởng này thì căn và cảnh là một, nào lo gì ba nghiệp của ta không tu được. Như công cụ hành hình ở địa ngục là dao, gậy, kiếm, lửa, vì người kia trước tạo nhơn ác, sai sử hình cụ ấy, nên lay động làm rấn, làm chó, làm trùng, làm chim nhai xương, rút tủy làm các việc đau khổ cho người kia. Còn đạo tràng các đồ trang nghiêm mà không đồng nguồn với y báo chánh báo là pháp giải thoát cùng ta cùng thành tam muội hay sao? Lại nữa trang nghiêm đạo tràng hình tướng pháp cụ có thể khiến người phát tâm hiểu

nghĩa mâu nhiệm giải thoát. Huống ta phụng thờ Tôn Tượng, cung kính cúng dường hết lòng hết chí như cha như mẹ, đều không thể làm ta giải thoát, mau sanh về an dưỡng. Vả lại, tượng Phật A Di Đà và hai vị Bồ tát hộ vệ đặt trong đạo tràng là làm chủ để hành giả đối thú sám hối. Còn các tượng khác là bạn, gọi chung là đồ trang nghiêm chánh báo. Còn các thứ trang nghiêm khác gọi là đồ trang nghiêm y báo. Như thế thời chủ bạn, y chánh ở Đạo tràng cùng y chánh cõi Cực lạc tuy thô diệu không đồng mà Tượng chủ có thần thông nguyện lực đồng với chơn thân Phật, nên lễ thì linh, cầu thì ứng, nào có sai khác gì? Đã không sai khác thì đối với tượng trong đạo tràng này đâu có thể chỉ thấy làm bằng cây gỗ, keo, bột, vàng, đồng làm thành mà không làm pháp Quán tưởng đức Phật chơn thân có đầy đủ đại nguyện tướng hảo ở cõi Cực lạc phương Tây?

Nếu người đối với tượng trong đạo tràng mà không thấy được chơn thân vì tâm người ấy không nhất, tam muội khó thành, diệu ngộ chẳng sâu, mất rất nhiều lợi ích. Bởi vì tượng Phật mà ta thấy hôm nay cùng với chơn thân Phật kia không hai. Chỉ vì Phật A Di Đà lòng đại từ trùm khắp, nên không có hai thân, tùy theo căn cơ ứng hiện, hoặc thị hiện là chơn, là hóa, hoặc thị hiện là hình tượng. Ta vì nhãn chướng còn sâu, đối với một pháp chỗ thấy có vậy có khác, đối với chơn thân Phật mà gọi là tượng, thời biết tượng này đâu thật là tượng ư! Ví như trong Quán kinh nói về Phật tiếp dẫn ở tam bối, chín phẩm, tùy theo mỗi phẩm vị mà khi hiện đến từ cao đến thấp, mỗi phẩm đều không đồng.

Nên biết, ta thấy hình tượng Phật thật đúng là căn cơ và chỗ đẹp chướng của chính chúng ta, đâu phải lòng từ bi của Phật không bình đẳng phổ biến, mà thị hiện với ta có tượng tốt xấu u! Tuy chỗ thấy của chúng ta chẳng đồng, khi thấy chơn thân, khi thấy hóa Phật, nhưng chỉ có một thể A Di Đà Phật.

Trong kinh dạy: “Người sám hối nhãn chướng khi tạm mông thấy Phật ngồi rồi, trước tiên thấy được một vị Phật, hai vị Phật, khi chướng mông thêm, lần thấy Phật khắp cõi hư không. Nếu ta dùng tâm sám hối cầu sanh cùng lý tương ưng, trước thấy Phật tượng thân cao trượng sáu và hóa Phật, sau đó lần có thể thấy chơn thân Phật cao lớn vô lượng”. Như trên Hội Hoa Nghiêm, thân Phật chỉ có một mà Đại Bồ tát chúng thấy thân Phật là thân quảng đại vô lượng Thiên Quan Xá Na, hàng Tam thừa thấy Phật là thân lão Tỳ Kheo giáng sanh ở Vương Cung, những hàng phàm phu thì thấy Phật là thân do đất đắp hoặc cây điêu khắc mà thành. Nếu không phải như thế, vì sao trong Phổ Hiền Quán Kinh nói: “Chỉ sám nhãn tội mà được thấy Phật”. Nên biết, Phật vốn một thể, hoặc thân thật, hoặc thân tượng thật do chỗ thấy của ta tự có sai khác.

Ngày xưa có người con chí hiếu, mẹ mất, khắc gỗ làm hình mẹ, thờ phụng sớm hôm, người mẹ bằng gỗ này cũng có sắc như mẹ thật, sau này cô dâu ganh ghét lấy kim đâm vào tay mẹ, hình gỗ vỡ nước mắt. Người con hiếu ở thế gian còn cảm động đến trời, huống là đức Phật của chúng ta có vô lượng đại nguyện thần thông mà chơn bảo tượng không

cảm ứng bằng mẹ gỗ u! Huông chi từ xưa đến nay tạo tượng linh nghiệm rất nhiều, hoặc phóng ánh sáng, hoặc hiển bày tướng tốt, cho đến thân sanh ra xá lợi, lửa đốt, nước ngâm không hư, truyện ký ghi lại nói không thể hết. Như vậy, tượng chủ đạo tràng chính là sắc thân chơn thật của Như Lai A Di Đà, mà ta bị nhiều chướng nên không thấy được gọi là tượng thôi. Dù rằng các tượng này là hình tượng đi nữa, hành giả cũng có thể ngồi ở trước tượng quán tưởng, từ hình tượng mà thấy được chơn thân, đâu chẳng phải là chỗ nhiệm màu hiển bày đồng thể Phật! Kinh nói: “Thân Phật thanh tịnh, ở khắp tất cả chỗ”. Lại nói : “Tất cả các pháp đều là Phật pháp” đâu phải đặc biệt có tượng này không phải là Phật u!

Hỏi: Lìa tất cả tướng gọi là Phật, thân Phật còn chẳng phải có hà huông hình tượng này cùng Phật đồng sao?

Đáp: Nếu có tướng là không phải Phật, đâu phải chỉ có hình tượng, dù là báo thân của đức Xá Na cũng chẳng phải là Phật. Nếu tất cả chẳng phải là Phật, thì tức tất cả là Phật thì có chỗ nào mà chẳng phải Phật. Nếu biết nghĩa này thì ngộ được, nay tôi cúng thờ tôn tượng là không lìa bốn nguyện, đủ thần lực lớn, có thể nhiếp, có thể thọ. Chỗ có tất cả thập lực, mười vô sở úy, 18 pháp bất cộng, đại từ đại bi, thường lạc ngã tịnh, tướng tốt sáng chói cùng với chơn thân Phật A Di Đà không sai khác. Hành giả ở trong ấy sám hối hành sự, như người nghèo được gần đế vương, thường ôm lòng lo sợ, mong được đoái thương giúp đỡ, khát ngưỡng mong được nhiếp thọ, mong được xa lìa cõi đời cơ

hàn, mãi mãi được gần vua. Huống chi chúng ta đã nhiều đời nhiều kiếp lạc lõng bơ vơ mong trở về Từ Phụ, việc rất khó gặp nay đã tương phùng, đâu dám coi thường, làm cho hạnh thù thắng không tiến, tự mình tạo ra chướng nạn u! Lại nữa, hành giả niệm Phật A Di Đà mong cầu xót thương gia hộ, đối trước thân tượng Phật, tưởng như gặp Phật thật, nhận tâm lòng thành sám hối, đã nhận sự sám hối của hành giả rồi thì tất cả tội nặng chắc được tiêu diệt, được sanh về Tịnh độ. Tâm người sám hối phát khởi vui mừng được thoát ly, như trời âm u chợt sáng, được pháp nhãn, cõi Cực lạc kia như ở trước mặt.. Nên biết nói về chơn thân Phật rất thậm thâm, hành giả chỉ nên hết lòng chí thành đối với hình tượng tưởng như Phật thật phát lồ sám hối, làm các Phật sự đều được cảm ứng hiện tiền, xin đừng sanh lòng nghi kỵ, hoặc hiểu sai lầm rất mong.

6. Dẹp bỏ chấp không tà kiến

Đức Thích Ca Như Lai một đời thuyết giáo, chánh giáo của Ngài đối với các pháp thiện ác quả báo, nhân duyên, trước sau không hề thay đổi, tuy có câu siêu thoát trăm phi, cũng đâu có câu nào lìa khỏi pháp nhân duyên. Thời nay, có một số người làm những việc đoạn thiện căn và tạo tội đơn đề cực ác, chỉ vì họ không biết Phật Tổ vì người mà phá chấp trừ nghi, dùng lời nói mở dây tháo gút, dựa vào đó, những người thói chuyên chấp trước kia, vọng nói rằng : Trừ ngoài tâm này ra, các hạnh đều không, không Phật không pháp, chẳng thiện chẳng ác, làm nhận vọng thức cho là chơn, nói ngoài tâm này không có pháp nào có thể được, bèn bác

không có nhân quả, chê trách tội phước, nói tất cả hình tượng Phật, Bồ tát chỉ là những thứ vàng bạc, đồng thiếc, đất đá, cây gỗ. Tất cả tạng giáo cũng chỉ là một mớ võ tre, lá bổi đều là thứ tạp nhạp, chẳng sạch. Giấy mực vốn là thứ không chơn thật, đâu đủ để y cứ. Đối với tất cả công đức làm lành đều phải quét sạch tất cả, gọi là chấp tướng.

Có một số người chuyên nói cái dở của người để khoe cái tốt của mình, hoặc theo cách tham thoại đầu nói rằng không được cố chấp, dạy mọi người phải trong ngoài rỗng không sạch sẽ, mới hoát nhiên đại ngộ, rồi cứ làm các việc ác, dâm nô si mê và nói dối với đạo việc ấy không ngại, tự hại mình còn hại cả người, trong tâm nghĩ điều xằng bậy, thật chẳng dám nghe như con trùng trong thân sư tử, tự ăn thịt sư tử. Những kiến giải như thế có rất nhiều loại, chắc chắn đây là loại thiên ma ba tuần, hận xưa chưa tiêu, nên theo khuấy phá Phật pháp. Hôm nay, cùng hình xuất gia, mặc áo xuất gia, để đến phá hoại đạo pháp của ta, nên không thương tiếc, thật là rất đau buồn!

Nếu như người ấy chấp nói hình tượng chẳng phải Phật, không biết cái nào là Phật? Giấy mực chẳng phải kinh, không biết cái gì mới là kinh. Nếu tự tâm mình là Phật thì vật nào chẳng phải tâm mà riêng nói tượng thánh như chẳng phải tâm, chẳng phải Phật ư! Nếu tâm đã là Phật thì có người nào không có tâm mà riêng nói tâm ông là Phật, lại dạy người chẳng phải tượng, chẳng phải kinh ư! Chẳng biết rằng tâm của chúng sanh toàn thể ở trong mê, cần phải mượn hình tượng thánh như kinh pháp làm tiêu biểu hiển

bày ra làm cho người có chỗ liễu ngộ. Nếu đã liễu ngộ thời biết chơn tâm của Phật và chúng sanh vốn bình đẳng trùm khắp tất cả chỗ. Kinh dạy: “Phật nói các pháp là không vì độ những người chấp có, nếu lại chấp không thì trái với ý giáo hóa của Phật. Thà nói có như núi Tu di, chớ nói không bằng hạt cải.” Dù những người chứng được pháp không vẫn còn bị kẹt ở vị Tiểu thừa, đâu được như Đại thừa Bồ tát từ không vào có, chúng nơi tục và giả, đối với chúng sanh theo như Phật để độ sanh. Cho nên, không kiến tiểu thừa là chỗ chừa bỏ của Đại thừa Bồ tát. Phật dạy pháp Không chưa phải là chỗ liễu nghĩa. Lại nữa, Phật nói pháp Không là muốn hiển bày tánh không, vì tánh không là không lìa có nên gọi là chơn không. Ngày nay người nói không phải xa lìa có mới gọi là không, chấp không thành đoạn kiến, thật rất đáng lo sợ, như rơi vào giếng sâu nguy hiểm, rớt vào vĩnh viễn không ra khỏi. Vĩnh Gia Huyền Giác Thiền sư nói: “Bỏ có chấp không bệnh giống nhau, như sợ chết chìm chui vào lửa” chính là ý này. Ngày xưa, Tỳ Kheo Thiện Tinh vọng nói pháp Không, Tỳ Kheo Ni Bửu Liên Hoa riêng làm việc dâm dục, cả hai đều bị sanh vào địa ngục, đâu chẳng phải là cái gương để người đời sau noi theo. Người đời sau cần phải thấy xe trước ngã, xe sau tránh mới khỏi bị hại. Như người mù dẫn đàn mù thì Thầy và đệ tử tự chịu chìm đắm, thật đáng thương thay!

Lại nữa, nếu người con có hiếu nghe cha mình làm điều tội lỗi, vẫn nhớ đến ơn sanh thành dưỡng dục, vẫn không nhẫn tâm, hướng chi chúng ta là con Phật, mang ân xuất thế mà

đôi với hình tượng Phật, với pháp Phật mà buông lung khinh chê, an nhiên chẳng sợ, thật là đau xót. Người ấy chắc bị vào địa ngục vô gián, trong những núi lửa lớn, mỗi người đều chịu lấy quả báo cho chỗ hiểu sai lầm ngày nay, đâu phải là lời nói dối ư! Dù như Ngài Đôn Hà, Đức Sơn đốt Phật gỗ, ngài Văn Thù cầm kiếm bén gặt Phật giết Phật đi nữa cũng chỉ là nhất thời vì người phá chấp, hiển lý chơn thật, đâu phải dùng cách ấy để làm mẫu mực lưu truyền hậu thế sao? Ngày nay, chúng ta là bậc hậu sanh, chẳng hiểu phương tiện của người xưa, lại ăn lấy các thứ đờm dãi của họ, một hướng mê lầm nói phá diệt Phật, đốt Phật gỗ là thực hành đạo cứu kính, đây là điều điên đảo không thể chấp nhận, nếu tuân theo lời nói ấy chỉ cần đốt phá là đạo, thì ngày nay các trang Thích tử trong thiên hạ như Văn Thù mang kiếm bén theo mình có Phật giết Phật, không Phật phá tượng gọi là đạo thì không cần dùng truyền các pháp định huệ cũng được gọi là đạo ư!

Pháp Phật được truyền lại trong đời đều nhờ kính tượng hình phục oai nghi, người tu thiện nương nhờ nơi pháp mà được, nếu nay đem bỏ hết đi thì Phật pháp làm sao còn lưu lại trong đời? Vì thế, trong kinh Phật dạy: Đối với kính tượng mà không chí thành kính trọng, còn mang đại tội, huông khinh hủy, tội nghịch ấy phải biết vô cùng to lớn. Kinh Diệu Pháp Liên Hoa có nói: “Đề Bà Đạt Đa khi xưa làm vị tiên A Tư Đà là Thầy của đức Thích Ca Mâu Ni, Đức Thích Ca kiếp ấy đã dùng thân mình làm giường tòa, phụng sự cúng dường. Nay đức Thích Ca đã đầy đủ hạnh

lục độ, tướng tốt màu vàng, chứng tứ vô úy, bất cộng pháp, thần thông đủ đạo lục thành Phật độ chúng sanh, đều nhờ thiện tri thức Đề Bà Đạt Đa này mà sớm thành tựu. Nay đức Thích Ca đã chứng qua, Đề Bà làm hại ngón chân út của Phật, còn không thoát khỏi cái khổ nhiều kiếp ở địa ngục, hà huống sau khi Phật diệt độ lại đem việc không tà dối nói đâu thể nào khỏi quả địa ngục được.

Lại nữa, Phật nói pháp không là vì muốn người tu biết được thể không mà dứt ác nghiệp, vì sao ta không biết được ý Phật, trở lại chấp không, lui sụt thiện tâm, đâu chẳng phải điên đảo lắm sao? Người ấy lại ở trong chỗ ác nghiệp nói ta vô ngại, không biết ở thiện pháp có ngại gì mà không chịu tu! Ngày xưa, có một Thiên sư đáp học giả cho rằng người đắc đạo không chi phối bởi luật như quả còn bị năm trăm kiếp đọa làm thân chồn, không nhờ Thiên sư Bách Trượng không thể thoát kiếp chồn. Huống chi ngày nay vọng nói pháp Không, bác không có như quả! Không sợ quả báo đời sau, thả ý nói dối, chẳng phải chỉ phá hủy kinh tượng, lại đem người ăn chay so sánh như trâu bò ăn cỏ, người nói pháp hư ngụy như thế tội nặng biết chừng nào? Họ đâu biết rằng hiểu biết bằng trí huệ như người có mắt sáng, hành đạo như người có chân khỏe, có mắt mà không chân, tuy thấy rõ mà không đến được; có chân mà không mắt nên có đi mà chẳng thấy đường, vì không thấy nên bị rơi vào hầm hố, đã không đi làm sao đến nơi Bảo sở. Đã không đến được Bảo sở, lại chạy theo thị phi, đã rơi vào hố hầm, thân mạng đều mất. Nên kinh nói: “Năm độ như mù,

trí huệ là có mắt đi đúng đường, mù mà đi chắc rơi vào chỗ xấu, có mắt đi đúng đường chắc đến Bảo sở. Đâu nên nói những lời trái với ý kinh giáo mà có kết quả ư! Biết rằng giải và hạnh đều là chỗ cốt yếu của người tu dù người có hạnh mà không giải không bằng huệ giải là hàng đầu để hành đạo. Nếu có giải mà không hạnh thì Bồ Đề có thể phát khởi, có hạnh mà không giải, khó hội nhập vào viên thừa, nên biết đức Văn Thù giải sâu là Thầy của chư Phật, đức Pjho Hiền hạnh lớn làm cha của quần sanh, đâu có thể thiên lệch một bên mà tự chấp sao? Tổ Nam Nhạc của Thiên tông đã nói: giống như một vật thì không trúng, nhưng tu chứng thì không thể không, nhiệm ô thì không thể được. Đây là yếu chỉ để ngộ đạo nhập môn. Huống chi người thời nay tà kiến rất sâu thì làm sao mau thoát khỏi chỗ nguy hiểm cực khổ.

Kinh Lăng Nghiêm nói: “Người nói tự mình đã đầy đủ, bỗng nhiên khởi đại ngã mạn, trong tâm còn dám khinh các đức Như Lai trong mười phương hà huống các bậc thấp như Thanh Văn, Duyên Giác. Họ bỗng nhiên hướng về chỗ vĩnh viễn lạng lẽ, bác không có nhơn quả, một hướng nhập không, tâm không hiện tiền, liền hết lòng sanh trưởng sự hiểu biết đoạn diệt, không lễ tháp miếu, phá hủy kinh tượng, nói với đàn việt đây là vàng đồng, đất gỗ, chẳng phải Phật, kinh là lá cây, thẻ tre, nhục thân ta là Phật thật, không tự cung kính lại đi sùng bái cây đất, thật là điên đảo. Những người tin theo, đập phá hình tượng, hủy hoại kinh điển làm nghi lầm chúng sanh, vào địa ngục vô gián, làm mất chánh

thọ phải chịu khổ thân. Căn cứ vào lời dạy trong kinh thì biết đức Thế Tôn đối với người vọng nói pháp Không, chưa được nói được, chưa chứng nói chứng, đã dự biết người ấy sẽ bị đọa vào địa ngục, rõ ràng như vậy, người đời nay đâu thể trốn thoát lời Phật đã ghi ư!

Có người nói: Ông Đề Bà Đạt Đa kia vào địa ngục khổ ta đâu sợ gì, họ không biết rằng, Đề Bà Đạt Đa do tâm muốn chống đối với Phật, nên ở trong địa ngục không phải chỉ không khổ mà vui như ở vị tam thiên, nhưng vì thân khẩu ý chê Phật, nên ở trong địa ngục chịu đủ vô lượng thứ khổ. Đức Phật từ bi tha thứ thương xót trị bệnh cho y mà nghiệp quả hại Phật vẫn bị khổ vô lượng nơi địa ngục. Huống hồ ngày nay có người bắt chước, bảo người khác đối với kinh tượng không sanh lòng kính tin, coi như gỗ đất, coi kinh như đồng sách cũ. Đó là hạng không biết nhơn quả, không biết tội phước, trái lời Phật dạy, làm việc ngũ nghịch, những ác báo như thế làm sao cứu được.

7. Khai thị Thiên và Phật chẳng hai pháp.

Đức Thích Ca Như Lai dạy pháp môn niệm Phật bao trùm các căn cơ trong pháp giới, không sót một, thật cảnh giới đại nhơn này là Bồ tát Văn Thù, Bồ tát Phổ Hiền đã chứng, Tứ Minh tôn giả ở tông Thiên Thai đã phán pháp môn này với Hoa Nghiêm, Pháp Hoa đồng bộ vị thuộc đề hồ, trong Thiên tông đây là đạo đơn truyền trực chỉ. Vì thế, Vĩnh Minh Diên Thọ Thiền sư đã làm tứ liệu giải, trong đó có đoạn nói: “Không Thiên có Tịnh, muôn tu muôn người được; đã gặp Phật Di Đà lo gì chẳng khai ngộ”. Thật đây là

một con đường hướng thượng vậy. Vì sao ngày nay có người vì tính toán danh lợi không toại nguyện nên nghĩ ta giờ đây tất cả đều buông bỏ, tham thiền không phải là chỗ ta ước mong, chỉ bằng niệm Phật A Di Đà mong đời sau được độ, cứ như thế niệm Phật lơ là, chưa từng tỉnh ngộ, vã như chợt gặp điều đặc chí, liền làm vô lượng điều ác, y theo thói cũ mà làm, không ai cản được. Người niệm Phật như thế nào ích lợi gì! Cần phải giải rõ.

Có người cho rằng tham thiền tuy rất mầu nhiệm nhưng rất khó, như xây một lâu đài trăm tầng, niệm Phật thì thô sơ mà rất dễ như người làm một mái nhà tranh, chỗ thấy này thật sai lầm, ví như gặp lúc hạn hán đói khát, may gặp được trăm món đồ ngon của nhà vua chiêu đãi mà nhận là bữa cơm rau, được châu như ý mà cho là mắt cá, thật đáng thương thay! Họ đâu biết rằng hai môn niệm Phật và tham thiền, chỗ khởi hành tuy khác, mà cùng nhau về nhà thì đồng. Vì sao nói chỗ khởi hành có khác. Vì người tham thiền, tự mình thực hành, không cần cầu Phật gia hộ, nếu tự mình không có đủ chánh tri kiến lại không gặp được người có chánh tri kiến giúp đỡ, dù không thôi chuyển, phần nhiều lạc vào ma đạo, vì không có sức Phật cứu hộ. Nếu người niệm Phật, tất cả không niệm, duy niệm Phật A Di Đà, tuy không có chánh giải và Thầy bạn khai phát, chỉ cần tin chắc có thân Phật và cõi Phật, phát chí nguyện muốn về liền được vãng sanh, dù lòng còn nhỏ hẹp rồi cũng trở về với chánh pháp, vì có nguyện lực của Phật A Di Đà cứu hộ. Nên biết chỗ khởi hành có khác, chẳng phải pháp môn

và vị chúng có sâu cạn khác nhau. Vì thế, tham thiền là niệm Phật, niệm Phật là tham thiền. Tham thiền không niệm Phật không được vãng sanh, niệm Phật không tham thiền không được quán huệ, nên niệm Phật và tham thiền đâu phải hai việc. Nếu hiểu được nghĩa này thì có thể đem những việc đặc chí như công danh giàu sang một đao có thể cắt đứt, dũng mãnh phát tâm lớn, thực hành theo đạo xuất thế. Đối với việc ở đời như tài sản, thân bửu, vợ con, đầu mắt, tủy não cho đến toàn thân mạng bố thí cũng không lẩn tiếc, quyết chí cầu sanh Cực Lạc. Đây là pháp môn tối thượng, đâu phải chỗ để cho kẻ thất chí thất thời nương vào, chỉ xây dựng nhà tranh, nhận ngọc như ý làm mắt cá, dùng tâm cầu thả mà muốn tu pháp này thật đáng thương đáng tiếc.

Nếu người biết pháp môn Tịnh độ này là pháp thù thắng vô thượng cần phải từ đây về sau, buông bỏ trần duyên sanh ý tưởng vào thẳng Đại thừa bảo sở, quyết định niệm Phật lòng không lui sụt, như thuyền thuận dòng gặp gió xuôi, lại thêm chèo lái mạnh tốt chắc chắn sẽ mau đến đích, có gì may mắn bằng.

Hỏi : Nếu nói như thế tại sao trong sách Thiền có người đến hỏi : Thế nào là Phật? đáp : Que cứt khô, đáp : Ba cân gai, nếu lúc ấy ta thấy được sẽ đập cho chết đem cho chó ăn mới mong thiên hạ thái bình, cho đến gặp ma giết ma, gặp Phật giết Phật. Trái lại, người tu niệm Phật tam muội, tôn kính luyến mến Phật tâm, luôn yêu mến khát ngưỡng

như vậy việc hai tôn cùng ý chỉ đến nhà chung thì việc ấy có đồng không?

Đáp : Người niệm Phật vốn trì niệm cõi Cực Lạc ở phương Tây và báo thân Phật A Di Đà. Báo thân của Đức Phật này có vô lượng ánh sáng tướng tốt, hóa Phật, Bồ tát, Thanh văn, nguyện lực và công đức không thể nói hết, đây là thân Phật. Y báo cảnh giới của Phật có các thứ ao báu, đất báu, cây báu, tràng phang báu, lưới báu, đài báu, linh báu, hoa báu, nước báu, tất cả đều trang nghiêm thành cõi trần bảo diệu hương.

Đức Phật kia lấy thân làm cõi, lấy cõi làm thân, thân cõi không ngại, tâm cảnh viên thông, hoặc kia hoặc đây đồng một thọ dụng, cho đến các pháp ngũ uẩn, thập nhị nhập, thập bát giới, thập nhị xứ thẳng đến Vô thượng Bồ đề, và nghĩa năng sát, sở sát tất cả thời, tất cả chỗ, không chướng không ngại, không trói buộc không giải thoát, ngang dọc nghịch thuận đều là sắc thân thanh tịnh của Phật A Di Đà. Vì sao? Vì tâm là cảnh, cảnh là tâm, thân là cõi, cõi là thân, chúng sanh là Phật, Phật là chúng sanh, đây là kia, kia là đây, các sắc xanh vàng trắng đỏ, các căn mắt tai mũi lưỡi, các pháp như thế, hoặc thân hoặc tâm, mọi thứ đều tự tại, đều giải thoát. Còn không phân biệt đối với dâm nộ si là phạm hạnh, trần lao là pháp lữ thì làm sao que cứt khô và ba cân gai không phải là Phật. Đây đã là Phật thì cần gì trên tịnh địa đặt nơi thị hiện giáng sanh, móc thịt vỡ ra để thành ghê, khởi tướng độ sanh. Như đây rất tốt đập một gậy chết cho chó ăn, làm tỉnh được rất nhiều những người làm kiêu

làm dáng, sáu năm khổ hạnh, hàng ma thuyết pháp, đối với các bình đẳng không sanh diệt mà xướng sanh diệt, múa men ngàn loại, khuấy động thế giới, não loạn tất cả, làm cho đất bằng nổi sóng chết người vô số, đâu không làm cho thiên hạ được thái bình ư! Đến trong ấy rất kỳ nhận lầm, không được khuấy động, khuấy động thì chắc bị ăn đòn. Nếu nói thuyết này là do đệ tử Tào Khê do giả gạo mà được thấy chỗ thâm diệu là người chưa từng được thấy, cần phải đánh gãy lưng lừa, họa may họ mới liễu ngộ. Ở đây, mục đích các ngài phá cả phàm tình và thánh giải, nếu biết que cứt khô là thấp thì Phật không phải là cao vì tất cả đều bình đẳng, vì chấp nên chẳng động vọng nói thiên và tịnh việc làm có khác nhau.

Hỏi: Nếu pháp môn Niệm Phật có những kỳ đặc, cùng với Thiền tông chỉ tâm thành Phật, Thiên Thai tông nói quán tâm quán Phật không có gì khác nhau, có thể nói đây là không ngoài một niệm mà hiển bày ba ngàn diệu pháp, làm ba quán rõ ràng không rời vạn pháp. Cứu kính của môn Chơn Như dùng nhất tâm hiểu rõ, thì làm sao những người độn căn đời sau tu hành cho được tương ưng?

Đáp: Chỉ cần bội trần hợp giác thực hành, đâu có lo gì chẳng thành tựu. Thí như một cái hang trống có tiếng đều đáp, tiếng lớn thì vang lớn, tiếng nhỏ thì vang nhỏ, tùy theo việc phát thanh kia đều theo đó mà có vang đáp lại. Chánh như ở cõi Cực Lạc ba hạng, chín bậc nhiếp thọ chúng sanh, cũng tùy theo căn ấy có lợi độn, cạn sâu, tà chánh, chậm mau mà hướng dẫn, đáng sanh phẩm nào thì phù hợp với

căn cơ ấy. Như tiếng vang trong hang cao thấp đều có, nếu người siêng năng tinh tấn, chắc chắn có kết quả. Huống chi thời gian không có sau trước, lo gì người độn căn không kết quả. Theo nghĩa trên thì biết tất cả pháp môn là một pháp môn, một pháp môn là tất cả pháp môn, đâu đặc biệt chỉ có Thiên và Tịnh không hai mà nói chung một đời thuyết giáo của đức Thích Ca Mâu Ni không ngoài môn niệm Phật. Pháp môn này lượng nó rất rộng lớn, nhiếp hết tất cả căn cơ, không bỏ sót cơ nào, dù kẻ ngu người trí đều được lợi ích. Dám mong các bậc Hiền đời sau đối với pháp môn này đừng sanh dị kiến.

8. Pháp môn chiết nhiếp của hai cõi

Cõi Ta Bà và cõi Cực Lạc là pháp môn chiết nhiếp của chư Phật. Hành giả nghe cảnh y báo và chánh báo đã nói ở trước thì có thể theo y chỉ của kinh mà hiểu rõ cõi này thật là cõi khổ, cõi Cực Lạc kia là cõi thật vui. Tuy chúng ta đã nghe pháp môn quán huệ viên dung vi diệu, nhưng chúng ta phải thấy chắc hai cõi này nghiêm nhiên là cõi thật. Chẳng phải như những người có hiểu biết cạn cợt nói cõi Cực Lạc kia là do tâm, nên tâm có thì cõi kia có, tâm không thì cõi kia không, huyền hóa như ánh sáng, như bóng chớp, hư vọng chẳng phải thật, biết rằng chỗ nào cũng là Tây phương Cực Lạc. Họ đâu biết rằng cõi Cực Lạc cũng như cõi này chính xác thật không thể lầm lẫn. Nếu người có đủ trí nhận xét như vậy thì tất cả những thứ thiên kiến, tà giải, ác thiện tri thức liền bị tiêu diệt, chánh quán hiện tiền, trên hai cõi khổ vui, tịnh uế, sanh hai thứ tâm làm phương tiện, nếu không

có hai thứ tâm này, không thể sinh về cõi kia. Vì sao gọi hai thứ tâm?

1/ Tâm nhàm chán muốn xa lìa : Đối với cõi Ta Bà này sanh lòng nhàm chán, muốn xa lìa thời có thể tùy thuận theo lời dạy của Phật Thích Ca chỉ cho thấy cõi này là cõi khổ, đáng nhàm chán gọi là chiết (bẻ gãy) môn.

2/ Ưa vui : Đối với cõi Cực Lạc kia sanh lòng ưa muốn về thời có thể tùy thuận theo lời dạy của Phật A Di Đà chỉ cho thấy cõi Cực Lạc đáng vui, Phật luôn muốn tiếp dẫn về gọi là nhiếp môn. Dùng hai môn này tinh tấn tu hành thì niệm Phật tam muội chắc được thành tựu.

Vì sao gọi là chiết môn? Hành giả khi nghe cõi Cực Lạc thắng diệu được trang nghiêm ở trên, thời nên đúng lý mà quán sát thế giới Ta Bà này đều là khổ, không có chút gì gọi là vui như địa ngục tam đồ ngày đêm thiêu đốt, ngạ quỷ bàng sanh không thể nhận chịu, Tu la sân hận chiến đấu không chỗ nào yên, con người chịu vô vàn đau khổ, căn trần cùng 8 khổ hòa hợp, như quả cùng bốn loài lên xuống, thời tiết thì có nóng lạnh, cảnh thì toàn bụi nhơ, ngày đêm suy tàn, vô thường không trụ. Lại nữa, thọ thân dơ bẩn, nam nữ khác hình, nhu cầu áo mặc cơm ăn, gian nan thô ác, thọ mạng ngắn ngủi, các khổ hợp nhau, dù có sanh ở cung trời, phước báo hết cũng quay về với cực khổ. Không biết rằng trong kiếp người vui tức là khổ, vì cười là nước mắt khô không lệ, kẻ thân thuộc chính là oan gia, điên đảo chạy rong, không tìm đường thoát. Từ tạo nghiệp đến tạo nghiệp, các khổ như thế không thể kể xiết nên phải xa lìa.

Vì sao gọi là nhiếp môn ? Hành giả nghe nói Ta Bà thật khổ như thế, thì đối với cõi Tây phương Cực lạc kia sanh lòng vui ưa lớn. Cõi Cực Lạc có đất báu, ao báu, không ba đường dữ, trang nghiêm thù thắng vượt qua các cõi Tịnh độ ở mười phương, ngày đêm nóng lạnh không có, không kết nghiệp sanh già bệnh chết, thuần nam không nữ, hoa sen hóa sanh, ăn mặc tự nhiên, đều được pháp hỷ, thọ mạng vô lượng, thân có hào quang vô cùng, nghe pháp âm thì niệm Tam bảo, biết chỗ về nhà, thấy tướng hảo trong sát na liền ngộ đạo, các thứ khoái lạc vô lượng nên gọi là Cực Lạc, nên phải ưa thích. Nếu có thể ở trong hai môn này tinh tấn tu tập, ngày đêm không gián đoạn là tùy thuận theo giáo lý đạo Phật, đối với cõi này các cảnh thanh sắc đều tưởng địa ngục, tưởng biển khổ, tưởng nhà lửa. Đối các vật báu sanh tưởng dụng cụ tạo khổ, ăn uống y phục, tưởng như ghẻ lở da sắt. Đối với quyền thuộc tưởng như gập da xoa, la sát ăn thịt người. Huống nữa việc sanh tử chẳng dừng nhiều kiếp luân chuyển thật đáng nhàm chán muốn xa lìa.

Đối với các bậc thiện tri thức hoặc đọc kinh điển nghe nói nguyện lực của đức Phật kia, quốc độ trang nghiêm, ở trong mỗi niệm, ưa thích chỗ kia, sanh tưởng yên ổn, sanh tưởng đến bảo sở, tưởng trở lại quê cũ, tưởng đến chỗ giải thoát, tưởng Như Lai A Di Đà, chư Bồ tát, tăng chúng như cha lành, mẹ hiền, sanh tưởng được tiếp dẫn, sanh tưởng được đến bến bờ. Trong khi lo sợ nạn gấp, xưng danh hiệu liền được ứng nghiệm, công không mất, trong sát na liền đến

cứu hộ nên nhớ tưởng xa lìa, như thế công đức vô lượng thật đáng ưa thích. Đối với chiết môn này không thể tu hành, nhằm chán không nhiều thì nghiệp buộc ràng ở cõi Ta Bà khó thoát. Nếu đối với nhiếp môn kia không thể tu hành, lòng ưa thích không tha thiết thì thắng cảnh Cực lạc khó về. Vì thế, hành giả muốn sanh Tịnh độ, thành tựu niệm Phật tam muện phải tu đủ hai môn làm bước đầu phát khởi thực hành. Nếu không tu hai môn này dù hiểu rõ ý chỉ quán huệ cũng thành hư giả, dù muốn sanh về cõi kia, không dùng hân (ưa) và yếm (chán) thì không do đâu mà thành tựu. Nếu gắng tu hai môn ưa chán này mà không biết ý chỉ quán huệ, tuy có thể sanh về cõi kia chỉ được sự tưởng, địa vị không thuộc bậc thượng, nếu có tâm ưa chán mà tu quán huệ đã chắc sanh mà vào ngay bậc thượng. Các bậc học giả không thể coi hai môn này là chấp tướng mà dám khinh lờn ư!

Có người hỏi: vì sao không buông bỏ các duyên, một niệm muôn năm làm cho tâm và lý hợp, cảnh và thân dung thông, tự nhiên hợp đạo cần gì ưa chán, lấy bỏ cho là cao diệu ư!

Đáp: Nếu nói buông bỏ các duyên là đạo, chỉ khởi niệm một tâm buông bỏ thì không gọi là buông bỏ, cùng với đạo trái ngược rất xa, thuộc về đoạn kiến của ngoại đạo. Nên ngài Nga Hồ nói: "Đừng chỉ quên hình cùng tử tâm, việc ấy khó chữa bệnh rất nhiều." Lại nói: "nếu lại lặng lẽ giống như ngu, biết ông chưa hiểu đến công phu". Trong 18 pháp Phật bất công có tinh tấn không giảm bớt, trong sáu pháp ba la mật nhờ có tinh tấn mà được thành mãn. Vả lại buông

bỏ là buông bỏ nghiệp duyên thế gian đâu có thể buông bỏ tinh tấn thế đạo. Cổ nhơn nói: Ngồi ở trong chỗ vô tích sự chính là hạng người này. Nếu buông bỏ tự do là đạo mà không cần thân tinh tấn nhất tâm tu hành, làm sao được tâm hợp cảnh dung thông, đập thành một miếng để cùng với đạo hợp. Nếu biết không buông bỏ là buông bỏ thì rõ ràng ưa chán, lầy bỏ, tức là không ưa chán, lầy bỏ, tu là không tu, niệm là không niệm, đó gọi là vô công dụng hạnh, cũng gọi là diệu tâm vô tác, đâu có khó gì chứng được lý trung đạo. Lại nữa, tu thì lìa đoạn kiến, không tu thì lìa thường kiến. Đoạn kiến và thường kiến đã xa lìa thì khác chỗ hỏi mà thẳng sanh về thế giới an lạc, cùng tu với hai vị Đại sĩ, cùng gặp Phật A Di Đà hằng ngày thì có pháp gì mà không thể hỏi, có hạnh gì mà không thể học, nghi gì mà không trừ, chỗ mong cầu gì mà không được. Đã được vị vô thối chuyển thì hạnh ưa chán này đâu chẳng phải là đại nhơn hạnh thành vô thượng chánh đẳng chánh giác ư!

II. Phát nguyện môn

9. Khuyên tu

Hai cõi tịnh và uế đồng ở trong một tâm, chúng sanh và Phật một lý, các pháp vốn bình đẳng cần gì mượn lời để khuyên tu. Chỉ vì tâm chúng sanh mê nên tạo ra cảnh, tịnh và uế từ đó phân chia, đối đãi mà thành, nên bị trói buộc và giải thoát có khác, nhiều kiếp xuống lên chẳng hay chẳng biết, nên cần khuyên chúng sanh ở biển khổ cõi Ta bà, cầu sanh về thế giới Cực lạc ở phương Tây. Hành giả đã nghe rõ hai thứ pháp môn ưa chán ở trên thì biết rõ hai cõi tịnh

uế, khổ vui chơn thật không làm, nên phải phát nguyện cầu sanh, như người nông dân biết làm ruộng sẽ có cơm ăn, tự mình gắng làm, không ai ngăn được. Người nông dân chỉ nghĩ đến đói lạnh cho một năm sau, còn cày sâu cuốc bẫm, chăm chỉ sớm hôm cả năm không biết mệt mỏi. Hướng hành giả tu tam muội kia nếu một niệm được tinh cần thì có thể khỏi được cái khổ nhiều kiếp ở cõi Ta Bà, lên chín phẩm cõi Cực lạc thì an ổn vô lượng kiếp cho đến thành Phật. Đâu phải chỉ một năm vất vả chăm làm mới được một năm no ấm. Dem so sánh thì chỗ hơn kém thấy rõ ràng, nên đâu cần có người khuyên mới chịu thực hành.

Trước đã chỉ hành giả hai môn chiết nhiếp, ý chỉ đó đã rõ rồi, ta biết cái nào là vàng ngọc, cái nào là đất đá, tuy trẻ con lên ba cũng biết bỏ đá lấy vàng, chẳng cần khuyên mà nó cũng biết chọn lựa cái nào là tốt đáng quý, cái nào xấu đáng bỏ. Hành giả tu tịnh độ cũng vậy, đã hiểu rõ cõi này là khổ, cõi kia là vui, cõi này là đắm chìm trong sanh tử, cõi kia là tự tại giải thoát, chắc chắn sẽ bỏ cõi uế này mà cầu sanh về tịnh độ, tự nhiên mỗi niệm không dừng, mỗi tâm chẳng dứt, như cứu lửa cháy đầu, nghe dạy niệm Phật thì làm liền đâu cần chỗ khuyên bảo. Hai cõi khổ và vui là chính từ kim khẩu Phật nói ra, tin chắc không nghi, người tu theo sẽ tự mình chứng được. Ở đời, người thấy phen thổi liền bịt mũi, nhăn mày, chê nó hôi thổi muốn mau đi khỏi chỗ ấy; người thấy áo gấm lụa là, nước hoa trang sức chắc mỉm cười nở mặt, ham điều tốt đẹp thơm tho muốn mau có được. Tất cả cái đó là cảnh huyễn tốt xấu tạm thời còn

không thể không ưa ghét. Huống chi nhiều kiếp ở chỗ rất khổ hoặc rất vui mà không mau sanh lòng ưa chán. Nếu người không có tâm ưa chán này thật là người bị nghiệp hoặc quá sâu hoặc quá ngu si thật đáng thương xót.

Lại nữa, Thế giới Ta Bà này Đức Thích Ca đã tịch diệt, Phật Di Lặc chưa sanh, hiền thánh đều ẩn dấu, tất cả chúng sanh dong ruổi trôi dạt trong biển khổ như đứa trẻ mất cha, nếu không lấy nguyện vương cõi Cực lạc làm chỗ trở về thì nhờ ai cứu hộ. Huống chi cõi này sáu nẻo xuống lên, trời người tuy khá hơn các đạo khác nhưng phước báo đã hết liền bị đọa. Nay nói từ loài người tu theo chịu dọc mà luận, các hạng thần tiên chưa rời chỗ không còn không thể đến huống là cõi trời ư! Những người sanh về cõi trời tu hơn ba phẩm mười thiện sanh và ba cấp của cõi trời, từ thấp đến cao, đều trải qua nhiều kiếp, không được như ý muốn, thành tựu thì ít mà thất bại thì nhiều như giọt nước đối với đại dương. Trong lúc tu ấy hoặc gặp bọn ma tà ác, vĩnh viễn lui sụt, đâu dám nói ra khỏi ba cõi mà mong được lên địa vị tứ quả Thanh văn. Huống chi nói đến thập tín, thập trụ, thập hạnh, thập hồi hướng, thập địa mà mong tiến đến được ư! Nếu người có thể tu pháp môn niệm Phật này cầu sanh về Tịnh độ, tuy còn ở địa vị phàm phu, chưa ra khỏi sanh tử, liền được gieo hơn, vượt ngang ra khỏi năm đường trong ba cõi, vượt khỏi các loài, nhờ Phật tiếp dẫn, liền sanh về cõi an dưỡng, ở nơi ấy gởi thân trong 9 phẩm, hoa nở thấy Phật, nghe pháp ngộ đạo, không rời đương niệm, bước thẳng mười phương cúng dường tất cả Tam Bảo, giáo hóa

tất cả chúng sanh. Khi đức Thế Tôn Di Lặc hạ sanh cõi này, trở lại Ta Bà, cùng Phật hoàng truyền từ bi, dù có nhiều kiếp cha mẹ, vợ con, anh em, tử muội, các cảnh oán thân, đều dạy bảo vào đạo, chỉ cho thấy hơn nhiều kiếp lâu xa đều làm cho được chứng quả, thực hành hạnh nguyện như thế đâu không phải là hạnh nguyện rộng lớn ư!

Người niệm cầu sanh Tịnh độ, ba chương và tất cả kiếp nghiệp ở cõi Ta bà này cũng không làm liên lụy họ. Công đức như thế, nếu một niệm tu bèn thuộc đời sau đâu nên trì hoãn. Huống nữa việc đời có muôn mối ràng buộc, kiếp người có vạn duyên náo loạn như khoá, như câu, trói buộc liên tục không bao giờ dứt. Tâm thì mỗi niệm chẳng dừng, thân thì biến chuyển không thôi, dẫn ta xuống lên, chương ngại bản tánh của ta, nhiều kiếp đến nay chưa từng ngừng nghỉ, vô thường biến đổi, không thể giữ lâu, dù mạng có sống trăm năm, so với dòng thời gian thì nhanh hơn khảy móng tay, ngày lại ngày qua khó bảo toàn mạng sống. Chợt vừa nhắm mắt, phút chốc đã qua đời sau, cứ theo như tạo nghiệp mà chịu hành hình theo loại, mang lông, đội sừng, bò dưới đất, bay trên không, kiến giải ngày nay đều tiêu, thoát đã vào ba đường sáu nẻo, nổi trôi nhiều kiếp, chẳng biết đường về, đáng gọi là điều khổ lớn. Dù đến đức Phật Di Lặc ra đời, mà ta sanh chỗ nào chưa biết, người bị đọa còn không nghe được tên cha mẹ và Tam bảo, hà huống được luận bàn kinh giáo. Tuy chịu nhiều thân khác nhau, nhưng lòng ái tiếc sâu nặng, từ nghiệp đến nghiệp, ở chỗ

tối vào chỗ tối hơn, sợ chết tham sống, không khác ngày nay.

Người tu Tịnh độ không nên chần chừ lần lựa qua ngày. Vì thân người khó được Tịnh độ khó nghe và khó tin, nay chúng ta đã được nghe và tin là phúc duyên đã gieo trồng nhiều đời mới gặp. Do đó, hành giả nghe xong phải noi theo chí trượng phu của các bậc tiên giác, dũng mãnh phát khởi tâm đại bồ đề, lập chí quyết định, đem hết sức lực, một đao cắt hết vọng tưởng trần lao, nhảy một bước ra khỏi rừng tà kiến, mở hết hai đầu, buông bỏ tất cả, mới có thể hoàn thành tịnh nguyện, hoà quang động cả trời người, mọi loài nhờ ơn chư Phật hộ niệm, đóng ba đường ác, mở môn Tổng Trì. Được như thế, không cần đợi báo thân mãn ở cõi Ta Bà mà đã được vãng sanh về cõi Cực lạc rồi vậy.

Có người lòng tin không chắc, miệng nói Ta bà cõi khổ đáng chán mà lòng vẫn đam mê lần lựa qua ngày, nói tôi cần đợi xứ sở này yên ổn, ăn mặc đầy đủ, mọi việc phải vừa ý, lo trước tính sau, coi xem ngày giờ tốt mới phát tâm, dẹp hết ân oán mới thành tựu việc làm rồi mới phát khởi tâm niệm Phật. Người như thế giả sử thế giới hư không có cùng tận thật cũng không có ngày mà họ chờ đợi vì vọng tưởng vô bờ, lòng tham không đáy làm sao dứt được. Đó là do không tin hai môn chiết nhiếp của đức Như Lai nên khi trời khô ráo không đi, đợi mưa phủ kín đầu mới toan trốn ướt thật là vô lý.

Nên cổ đức thường nói:

"Ngày nay đi được mau quay bước
Đừng đợi ngày mai chẳng lối đi"

III. Tu hành môn:

10. Khuyên không nên giết hại

Tướng Quốc Bùi Hưu viết trong lời tựa Kinh Viên Giác có nói: "Phàm loài có máu huyết đều thuộc hữu tình, phàm loài có tình thức đều đồng thể với nhau, cùng có tánh chơn tịnh diệu minh hư triệt linh thông rõ ràng ai cũng có. Quán sát như thế thì loài bò bay mái cựa, côn trùng vi tế, cùng những thân to lớn như voi, sư tử, rắn ruà cùng với tâm Viên giác Diệu minh hư triệt linh thông của mười phương chư Phật đồng một chơn tịnh đâu có phân hơn kém. Chúng sanh và Phật đã đồng, người tuy chí linh, đâu chẳng cùng đồng một thể tánh với các loại chúng sanh kia, cùng nhận chất bốn đại và ngũ hành, đồng ở trong trời đất, cùng hưởng mưa nắng trăng sao, cùng chịu hoạ phước của thiên nhiên. Từ đó cho biết người và muôn vật, tánh đồng thiên luân. Lại nữa, vật loại cũng có đủ thất tình lục dục như người, biết khổ đau, đều đứt ruột khi mẹ không cứu được con, biết thương loài khác không cùng môi trường sanh hoạt như con thỏ chết, chồn còn buồn. Vì thế, chúng ta con người đâu thể vì thoả mãn miệng bụng, ý mạnh bắt những con vật yếu hơn giết để ăn thịt.

Lại nữa, sở dĩ vật loại khác với con người chỉ vì vọng tưởng từ vô thi rất nặng, do ác nghiệp dẫn dắt, nên không hiểu

biết, sửa đầu đôi mắt khác loại nhận lấy hình hài mà tâm thể vẫn không khác. Thể tánh của chúng đã không khác lại còn cùng chúng ta ở trong vòng sanh tử, vì sao chúng ta nỡ lòng cắt xương da chúng, mổ lấy máu thịt ruột gan chúng đem ra mua bán, lấy thân thể chúng, xào nấu làm trăm thứ, nhai nát thân thể chúng, cốt để tìm ngon miệng, no lòng chưa từng nghĩ tới đời sau chịu đau khổ nhiều kiếp để trả quả báo, thật đáng để tâm. Con người tự xưng mình trí tuệ cao hơn muôn vật là do nghiệp lực trả vay chưa đến thật ra đâu phải thật lúc nào cũng cao hơn các loài. Huống nữa, những loại kia sau khi báo tận sẽ sanh làm người, làm trời, có khi làm các bậc thánh như, chư Phật Bồ Tát. Con người do ngu chướng nên không biết cố tình giết hại các loài vì muốn béo thân quý mạng, muốn ngon miệng trong giây lát vội nói rằng "vật dưỡng nhơn" rồi cứ thẳng tay giết hại, ăn lòng ăn thịt. Họ đâu biết rằng thân ta xưa cùng với chúng đồng loại và chúng cũng đồng thân với ta, trong kiếp luân chuyển, đầu thai xuống lên, biết đâu họ là cha mẹ, anh em, vợ con và các thân bằng quyến thuộc do nghiệp lực mà thay hình đổi dạng. Vì tâm họ mê đắm nên không biết, vọng nói các loài kia là loại thấp hèn phải cung cấp thịt cho ta. Nay chúng ta giết chúng để ăn thịt tức là giết cha mẹ thân thuộc đời trước, lại nữa thân chúng ta không lìa tứ đại, muốn giết thân tứ đại cũ của mình thật là phi lý!

Phật dạy: "Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, vì trong tương lai chắc thành Phật, nên cần phải cúng dường cung cấp tương như cha mẹ đâu dám giết hại. Nếu có giết cũng

là giết hại Phật ở tương lai, đâu chẳng đáng lo sợ ư! Nay ta cố tâm giết hại, không biết nhơn trước, có khi là những người thân ở trong nghịch cảnh, nhiều đời làm việc trái ngược, từ thân khởi oán, từ oán kết thêm hận, oán hận tiếp nối, đời đời trả vay không mất, cứ như thế mà cùng sanh cùng giết, luân chuyển không thôi, như làn sóng ở bề lên cao xuống thấp, tiếp nối không thể dừng nghỉ, xét kỹ điều này thật rất thương tâm. Kinh Phạm Võng nói: Cấm tự mình giết cho đến bảo người giết, phương tiện giết, khen ngợi giết, trù ếm giết và các cách nhơn giết, duyên giết, pháp giết, nghiệp giết đều cần cấm ngặt. Đây là lời dạy chơn thành của mười phương chư Phật. Nếu ta không ngưng việc ăn thịt thì làm cho các thợ lưới thợ săn, nuôi dưỡng gia súc mỗi lúc một nhiều, làm cho tất cả chúng sanh ở dưới nước trên bờ, trong hư không không còn chỗ thoát. Các con vật vừa vào tay người thì đầu chân sừng móng đồng thời bị hủy hoại, tiếng kêu than chưa dứt, liền bị ăn thịt, lại nói trời sanh vật để nuôi người. Họ đâu biết rằng tất cả các loài vật đều có lòng ham sống, sợ chết, cũng đồng như chúng ta. Nếu biết trong các loài vật mà ta cố giết đó, có thể là thân nhân của ta đời trước cùng dứt nghiệp giết, cũng được gọi là người tròn hiếu đạo.

Kinh dạy: Hiếu gọi là giới, chính là chỉ giới sát là hiếu. Ở trước chúng ta biết vật loại có đủ Phật tánh, nhưng chạy không nhằm thời, tránh không nhằm chỗ, huông nữa đất trời rộng rãi ai cũng tìm cách nuôi sống tự thân, vì nghiệp báo rất nặng nên phải sanh vào vật loại, nên không làm chủ

sự sống của mình rơi vào tay người vì nhơn đời trước tạo ra nên khó tránh được. Nếu nhơn đời trước khó thể trốn thì nhơn ngày nay chúng ta phải suy nghĩ kỹ tự răn lấy mình, nếu ta không tự răn tạo nghiệp thì trước sau sát hại lẫn nhau, cũng trở lại vết xe cũ, ta giết hại vật đời sau ta làm vật để chúng giết hại lại, làm sao tránh khỏi. Kinh dạy: "Giả sử trăm ngàn kiếp, chỗ làm nghiệp không mất, khi nhơn duyên gặp nhau, quả báo lại tự nhận chịu." đâu chẳng phải là lời dối trá sao! Đức Thế Tôn của chúng ta giác hạnh đã viên mãn, giáng sanh trong cõi người, trong các pháp hội dạy bảo giới sát này, đĩnh ninh dặn dò đừng có tái phạm. Vì giới này là giới đầu trong các giới người tu phạm hạnh phải nghiêm trì. Ngày xưa vua Luru Ly giết hết dòng họ Thích, Phật cũng bị quả báo đau đầu là chỉ dạy cho đời, muốn mọi người đều biết nhơn quả khó trốn tránh, mà ngưng những việc giết hại. Hoặc có người nói Phật không bị quả báo mà vì vật loại thị hiện đó thôi. Điều đó sai lầm, vì Phật không bao giờ dối người, tất cả lời nói của ngài đều là sự thật. Đức Phật còn như thế huống chi con người. Nên biết lý nhân quả báo ứng như bóng theo hình. Lại nữa, người đời có người bạn tốt nói khó, hoặc chỉ một lời xúc phạm, một hành động chống trái còn kết oán hận đến chết, huống chi chúng ta dùng dao bén cắt cổ chúng, lấy thịt chẻ chén vui say, thì oán hận sâu xa đâu có thể quên được.

Sách ở thế gian nói về lòng nhân giết loài vật không được phá ổ, không giết cả bầy, có thể câu mà không nên lưới vì tiếc nhiều mạng, đồng thời cũng khuyên thấy nó sống

không đành thấy chết, nghe tiếng kêu không nỡ ăn thịt, cùng với tiệm giáo trong đạo Phật cho ăn ba thứ tịnh nhục có chỗ giống nhau, tuy không bằng ở Đại Thừa Phương đẳng dứt hẳn sát nghiệp. Còn cấm cả giết vật để tế lễ thánh thần, hướng chi người tu hành miệng đều phải ăn chay, thân không mặc lông da cầm thú, ý chuyên từ nhẫn, không làm đau một con vật dù nhỏ cũng tiếc mạng sống nó, dùng đức cảm hoá vô biên, thương cả muôn loại. Ngày xưa đức Phật đi giữa đường gặp đồng sọ khô, sọ khô vô tri, không cho dẫm đạp, phải đem chôn cất, hà huống những mạng sống còn máu thịt, đồng một tánh linh, đâu thể giết để ăn được.

Lão Tử nói: Người rượt đuổi săn thú làm chúng phát cuồng, bắn chim bay thú chạy, rung cây đào đất làm chết nhiều mạng đốt rừng phá ổ, cho đến đi đứng nằm ngồi, cử động làm hại vật đều phải kiên cử, ở trong trời đất ai cũng có cuộc sống riêng, phải theo đức ưa sống của thượng đế. Người sát sanh tùy theo nặng nhẹ đều được thần quan ghi lại không sót một vật nhỏ nào. Làm cho người sát sanh lúc còn sống sẽ bị giảm tuổi thọ, gặp nhiều việc không vừa ý, chết bị nhốt vào ngục, chịu các việc khổ. Bị các việc hành hình như núi đao, cây kiếm, cắt xay chung nấu, mổ ruột, cắt phổi, lột da, xẻ thịt, xay xương, vắt tủy, móc mắt, cắt lưỡi, đốt tay nướng chân. Hành hình qua hết các đại địa ngục trải qua vô số kiếp, kiếp địa ngục đã hết lại đọa vào ngạ quỷ trăm nghìn kiếp, mãn kiếp ngạ quỷ đọa vào kiếp súc sanh, để trả báo, hễ ngày xưa giết một mạng thì bị trả một mạng. Nếu tâm sát nặng có thể giết một mà phải trả

báo đến trăm ngàn, vay trả trả vay, oan trái theo đòi không sai một mảy. Dù may có chút thiện được làm người thì đời đời chịu nghèo hèn cơ khổ, nhiều bệnh chết yếu, đui mù ngọng điếc, bệnh tật bất tri, chịu trăm nghìn việc khổ. Mình làm mình chịu, các cảnh giới oan gia, đều theo đòi mạng, quyền thuộc xa lìa, thân nhân sát hại đều do sát nghiệp sâu dày nên chịu các khổ như thế. Sách Đế quân nói: Người làm ác giết hại sẽ bị giáng trăm thứ tai ương, vì dị loại cũng có tình cảm như người, ai có lòng nhơn đều không nên giết. Như con dê con thỏ thấy mẹ đã già không còn ăn cây lá được, dê con quỳ xuống cho mẹ bú để duy trì mạng sống cho mẹ. Con quạ con khi mẹ già nó còn tha mồi về đút cho mẹ nó ăn, loài vật cũng có hiếu. Chó nước hồ liễu mình cứu chủ. Con giải trại không phục kẻ gian tà, chỉ cho lòng trung trực đâu khác con người. Con kiến xã hội đều phân biệt nghĩa chúa tôi, con uyên ương vẹn tình chồng vợ. Con hạc trọn tình anh em. Con ánh minh chí tình bằng hữu. Xem các loài tình cảm đối với con người nào có khác gì? Con người tự xưng mình là khôn hơn muôn vật sao lại có thể giết các mạng loài vật để nuôi riêng mình mà gọi là con người nhơn nghĩa linh thiêng hay sao! Đại Phu Lục Hồ hỏi Nam Tuyền Thiên sư: Đệ tử ăn thịt là phải hay không ăn thịt là phải? Nam Tuyền đáp: Ăn là cái lộc của Đại Phu, không ăn là cái Phước của Đại Phu. Nghĩa ấy cũng khá rõ. Dù là người thế tục hội họp, khách bạn, hoặc làm việc tế lễ cũng có thể dùng rau trái cúng tiến, vừa làm người dùng khoẻ mạnh, vừa được vẹn toàn trai giới. Kinh dạy: ngày xưa có một gia đình làm nghề đồ tể, có người con trai duy nhất, xin cha mẹ xuất

gia, không chịu theo nghề sát sanh của Cha. Người Cha đem đưa con với con dao và một con dê nhốt vào mật thất dạy nếu không giết con dê tao sẽ giết mi. Đưa con muốn cảnh giác Cha liền dùng dao tự sát. Nhờ công đức ấy được sanh về cõi trời, sống nhiều kiếp ở trên cõi trời được nhiều vui vẻ.

Nên biết, người không sát sanh được sanh về cõi lành, có đời sống tốt đẹp, đời đời được phước báo trường thọ, và cũng có thể để đức lại cho con cháu nhiều đời.

Thời nay Phật pháp sắp diệt, như ngàn cân treo sợi tóc, có nhiều người là đệ tử Phật lại không theo lòng từ bi của Phật ăn thịt, giết hại loài vật làm vui, thấy người ăn chay chê là chấp tướng tiểu thừa, nói ăn chay thành Phật thì con bò trâu ăn chay cũng thành Phật hết sao? Dùng trăm thứ lời nói thù dật để bào chữa, tự cho ăn thịt chẳng có hại gì việc tu hành. Những người này chính là người ác, dù thiên thần gặp cũng giận dữ gọi là người la sát. Thế mà cũng có người nghe theo thật đáng buồn. Ngày xưa Tử Sản thả cá còn cho là đặc ý, Tề Vương thấy giết trâu tế lễ còn xin tha, vì chẳng đành lòng để hại đến lòng nhân, người Tái Ký giết thú bị đời cho là bất hiếu, học trò đi thi vì cứu kiến mà trúng tên bằng hổ. Nên biết, giết cùng không giết hại và lợi rõ ràng, huống ta là thuộc bốn chúng con họ Thích lại có thể làm việc sát sanh ư! Kinh Lăng Nghiêm nói: "Có người giết dê, dê chết làm người, người chết làm dê, mày trả mạng tao, tao trả mạng mày, oan trái do nhơn duyên đó, trải qua trăm ngàn kiếp, thường ở trong sanh tử. Sanh sanh tử tử cùng

nhau ăn nuốt, ác nghiệp cùng sanh, mãi đời vị lai, trả vay không dứt". Kinh Pháp Hoa nói: " Lưới thú, chài cá, vì lợi sát hại người bán thịt nuôi sống, đừng có gài gủi. Lại có bài kệ: "Nếu muốn giết sanh mạng, nên quán tự thân mình, thân mình không thể giết, mạng vật cũng vậy thôi." Đây là những lời dạy rất chân thành, đâu chẳng rõ ràng. Hoặc có những kẻ tà kiến, nói chúng sanh kia chỉ vọng sanh rồi vọng chết, tội phước vốn không, giết đó không có quả báo gì! Như thế, sao không nói rằng chúng ta cũng vọng cầu vọng ăn, vị lưới vốn không, ăn thật vô ích, vì đã có lòng tham đâu không bị cảnh quả báo. Nếu nói các loài gia súc không ăn thịt để dùng làm gì? thì rắn rết bò hung, trùng dế đều vô dụng sao không ăn thịt chúng, chỉ vì tìm con vật ngon thịt để giết hại ăn thịt do lòng ích kỷ mà ra. Cái điều thuật ở trên là muốn xét lại mình, kẻ loài vật để bình đẳng không được giết hại đó là đạo nhân nghĩa của con người.

Chúng ta là người xuất gia, muốn tu niệm Phật tam muội, muốn thanh tịnh ba nghiệp, giải oan gia, mở kiết nghiệp, để sanh về Tịnh độ, đâu có thể giết sanh mạng kẻ khác để ăn, làm cho khi lâm chung bị chướng ngại không sanh về tịnh độ được. Trong Đại Tạng kinh, có rất nhiều giáo chỉ, chư Phật một lời, trước sau chẳng đổi. Lời dạy của Tam giáo cũng đều như thế. Chỉ muốn chúng sanh trong pháp giới, nghe theo nghĩa này, thể theo đạo mà ưa sống, ghét giết hại, đồng hưởng nhiều tuổi thọ, cùng hết tuổi trời, khỏi các oan trái, đem pháp chẳng sát dạy người đều phát khởi lòng lành, đều được về cõi lạc bang, đồng thành Đạo Phật.

11. Khuyên trì các giới

Có người hỏi: Nay nghe dạy giới sát của người niệm Phật, có thể nói đủ cả sự lý, thật là lời dạy làm lành lợi vật rất quý báu. Xin hỏi chỉ sát nghiệp này phải thực hành nghiêm chỉnh, còn các việc ác khác như trộm, dâm, nói dối có phải giữ trọn chẳng? Nếu phải giữ tất cả giới, vì sao chữ nói sơ lược có giết sát thôi?

Đáp: Ông chẳng nghe trong kinh nói về các giới đầy đủ, đâu chỉ có giới sát thôi, chỉ vì sát nghiệp là giới trọng, chung cho kẻ sang hèn, nên người tu khó trừ, người thực hành trước tiên phải đoạn sát nghiệp làm chính, nếu dứt được sát nghiệp, sau mới trọn đủ các giới, nên nói thật rõ ràng, giới thể đâu có lấy bỏ. Nếu giới đức không tu, thì căn cứ vào đâu để lập hạnh, như bình muốn đựng đê hồ, trước phải chịu rửa cho sạch sẽ, người tu tam muội cũng như thế, cần phải giữ giới thanh tịnh thì tam muội mới thành tựu. Dù có nghiệp lực sâu dày, không thể dứt sạch liền, cũng cần dùng phương tiện chế ngự, tự khuyên tâm mình, xét những lỗi lầm đã tạo, tu pháp tứ niệm xứ, biết thế gian vui ít khổ nhiều, vô thường phá hoại, chẳng bao lâu sẽ bị diệt. Tất cả các pháp đều không trong sạch, như mộng huyễn không có ngã. Lập các phương tiện làm cho dứt hẳn. Đâu có thể chạy theo vọng niệm mà mất tự chủ.

Lại nữa, giới đức tuy đủ, nếu không làm cho thân tâm ngưng định, dứt hết tất cả tạp thuật, kỹ năng ở thế gian, cho đến tất cả hoặc thiện hoặc ác nếu cứ ghi nhớ, không chịu buông bỏ thì làm sao có thể nhất tâm tu tam muội này. Tam

muội đã không nhất thì do đâu mà được vãng sanh? Tất cả chúng sanh nghiệp thức vô minh trùm khắp pháp giới, nếu khởi một niệm thể tục liền bị các thứ ma đảng trần lao kéo dẫn vào đường ma, chìm đắm toàn tâm không biết bao giờ ra khỏi, như cá bị mắc câu, tuy chỉ một sợi chỉ trời vào cũng bị cái hoạ sát thân mất mạng, tâm niệm còn hại huông là tự thân mình làm ác ư!

Ngày nay đã tu tam muội này là muốn được nhất tâm, không đợi thân này báo tận, mà hiện đời chắc chắn được vãng sanh tịnh độ, đâu có thể phạm giới, tâm chạy lăng xăng, lòng nhiễm dục trần làm tam muội không thành, chịu vào đường ác thật đáng xót thương. Nếu quả thật nghe mà không tự răn khi lâm chung không có ứng nghiệm đừng nói Phật lực không có cảm ứng!

12. Gắng sức khởi lòng tinh tấn

Tinh tấn là không bị tám thứ gió ở thế gian làm lui sụt, lại không bị dị kiến của thân tâm, tất cả bệnh duyên lớn nhỏ đều không làm trở ngại việc thực hành, được gọi là Tinh Tấn. Hành giả đã y theo lời khuyên phát tâm tu hành, vĩnh viễn dứt nghiệp sát sanh, lần tu đủ các giới muốn vào tam muội, ở trong tam muội gặp tất cả các thứ ma cứng, mềm, trong, ngoài làm mê loạn, việc làm có lui sụt, phải lập chí mạnh mẽ lại thêm tinh tấn như tràng kim cương, không thể xô đẩy, như lò tu di. Không thể lay động, như bể cả kia không chứa các độc. Giả sử hành giả nghe một vị Phật dạy rằng: "Ông nay tuy tu hạnh này, cõi an dưỡng kia chắc chẳng

đặng sanh." Hành giả liền đáp: Bạch đức Thế Tôn, con trước đã nhận lời Phật dạy cầu sanh về Cực lạc.

Phật Thích Ca nói: Tất cả chúng sanh đều nên phát nguyện, nguyện sanh về nước kia, còn không ngăn cản người nữa, căn thiếu, hạng thập ác ngũ nghịch sắp bị đọa vào A tì huống chi đối với tôi; tôi nay đọa hạnh tuy nhỏ nhưng không tạo ngũ nghịch, chỉ cần niệm Phật mười niệm chắc được vãng sanh, Phật đâu nói dối, trái với bản nguyện. Huống nữa, mười phương chư Phật, hiện tướng lưỡi rộng dài, chứng minh lời dạy ấy là chơn thật. Vì thế, tôi nay quyết định cầu sanh, chẳng dám thối chuyển. Người được như thế gọi là hành giả có năng lực dũng mãnh của Kim Cang Diệu Tràng. Chính một vị Phật nói ra còn không thể thối lui chí ban đầu, hà huống gì bọn thiên ma, ác đảng, trộm cướp, nước lửa cùng với tà ma trong loài người cùng vợ con thế thiếp tình ái mà có thể làm lay động đến hạnh nguyện ư!

Có người hỏi: Tôi thấy có người tu mà không được vãng sanh là vì sao?

Đáp: Vì chỗ thấy không đúng, nên việc thực hành không mạnh mẽ.

Hỏi: Như thế người tu công làm sẽ bị mất chăng?

Đáp: Công làm không bị mất. Người ấy chắc được nhờ nguyện lực của Phật A Di Đà, đời này chẳng được sanh, đời sau sẽ được sanh, đời thứ hai không được sanh, đời thứ ba sẽ được sanh. Nếu có một niệm, một hành động quy

hướng về Phật kia, nhất định nhiều kiếp trong tương lai sẽ được vãng sanh nên gọi điều được không lui sụt. Dù vậy, để đến đời sau mới được vãng sanh, uổng chịu khổ nhiều kiếp luân hồi, nên phải quyết chí đời này được vãng sanh, không thể buông thả chí mình bị rơi vào đời sau mới được vãng sanh. Trong khi tu tập, nếu bị nghiệp đời trước sai sử, nguyện hạnh có chỗ khuyết kém, thường phải nhất tâm tụng chú. "Nhỏ tất cả cội gốc căn bản nghiệp chướng được sanh tịnh độ Đà La Ni". Nếu người trì được 1 biến có thể diệt được các tội ngũ nghịch thập ác trong thân mình. Nếu trì được 10 muôn biến liền được không quên mất tâm bồ đề. Nếu trì được 20 muôn biến liền cảm được mầm bồ đề nảy sanh. Nếu trì 30 muôn biến Phật A Di Đà thường ở trên đỉnh người ấy, chắc được sanh về Tịnh độ.

Gần đây có Tam Tạng Pháp sư Sa La Ba dịch âm câu nhiều hơn. Tổ Liên Trì dạy người đọc theo bản cũ hay bản mới đều có linh nghiệm như nhau, nên chúng tôi chép hai bản cũ và mới để tùy ý quý vị chọn để hành trì. Bản cũ thường trì tụng

Nam mô a di đà bà dạ, đà tha già đà dạ, đà diệt dạ tha. A di rị đô bà tỳ, a di rị đà tát đām bà tỳ, a di rị đà tỳ ca lan đế, a di rị đà tỳ ca lan đà, già di nị già già na, chỉ đà ca lệ ta bà ha.

Bản mới dịch:

Nại ma lật đát nạp, đặt ra da dã, nại ma a rị dã, A Di đã bạt dã, đát diệt da đát đả, A ra yết đế, Tam me tam bát đát dã, đát địch dã thát, Án A Di lý đế, A Di lý đả, Ôn ba dĩ, A Di

lý đả, tam ba dĩ, A Di lý đã, cát lý tử, A Di lý đả, tiết đề, A Di lý đả, đế sát a di lý đả, Di yết lan đế, A Di lý đã, Di yết lan đế, da di nê, A Di lý đã, da da nại, yết lý đế cát lý. A Di lý đả, đôn độ tử, tô khuê lý, tát lý khuê, A lạc thát, tát đát nê, tát lý khuê, da lý ma, kiết lý xá, kiết lý đã, cát lý, tá yết.

Chú này cũng gọi "Vô Lượng Thọ Như Lai căn bản chơn ngôn" Tụng chú này được đại tinh tấn, mau được sanh về cõi Tịnh độ.

13. Chánh Hạnh

Như trước đã thuật hai cảnh y và chánh cho đến tinh tấn, tuy đều là mẫu nhiệm viên mãn, đều là phương pháp cầu sanh Tịnh độ, nhưng chưa phải là chánh hạnh, những điều trình bày dưới đây mới thật là chỉ thú của chánh hạnh. Vì sao gọi là chánh hạnh? Hành giả đã phát chí này là khiến thân tâm được thanh tịnh, vào trong đạo tràng, trước phải quán sát: Ta và tất cả chúng sanh ở trong cõi hư không vi trần sát hải này, thường ở trong bể lớn sanh tử, nhiều kiếp không bao giờ dừng, nổi trôi chìm đắm ở trong 6 đường, không biết đường về và không ai cứu giúp, nếu không làm cho họ đều được giải thoát thì sao gọi là chánh hạnh. Đối với cảnh quán sát kẻ oán người thân, liền từ cảnh ấy khởi lòng đại bi, như lượng của hư không rộng lớn bao trùm. Lại phải nghĩ rằng: hôm nay thân này của ta chứa đầy tội lỗi, oan nghiệt khổ báo, như bị ghẻ lở, nếu không làm việc bố thí cho chúng sanh, giúp họ tu tam muội, đều được giải thoát thì trái lời dạy của Phật, trái với bản nguyện của ta. Chúng sanh chịu khổ thật đáng thương xót. Ta nay phát tâm

dũng mãnh như Vua Sư Tử ra khỏi hang, không cần bạn bè không cần ai giúp đỡ, phát tiếng rống vang, xô dẹp tất cả, nhất định không bị ma vương, bọ ác làm lui sụt. Tâm rộng lớn đã lập, rồi sau mới xét đến chánh hạnh niệm Phật của các bậc cổ hiền, chọn phương pháp tịch tịnh tự nhiên và chẳng phải chỗ khó khăn của tiên đức, để khởi phí công các bậc Cổ Đức đã tạo ra, rồi đúng pháp mà kiến lập đạo tràng.

Trong đạo tràng ở phía dưới phải có đủ hương đèn hoa quả, phía trên treo tràng phang bảo cái, ở giữa phụng thờ tượng Di Đà, Quan Âm, Thế Chí, hoặc tượng chín phẩm, thật trang trọng và sạch sẽ, treo khắp tràng phang, đầy đủ hương hoa và các thứ cúng dường, tất cả phải sạch sẽ thơm tho. Kế đó phải mặc áo mới sạch, đốt hương đèn, đặt tọa cụ sẵn. Khởi tâm đem tất cả căn lành đã có từ vô thủy, khắp vì chúng sanh hồi hướng, dùng hạnh nguyện trang nghiêm Tịnh độ. Nếu không được như thế hồi hướng làm nhân phát khởi thì đâu được ba tâm cùng phát viên mãn, năm vóc gieo mình.

Quán Phật tướng hảo, hồ quỳ hợp chướng, cho đến vận dụng tâm duyên khắp tất cả chúng sanh ở vô biên sát hải và thân ta từ trước đến nay trôi nổi không quay lại, thật đáng xót thương! Rơi lệ đau lòng, cầu Phật rủ lòng từ thương xót, chợt thân này như núi lớn đổ, nương về Tam bảo. Tay cầm hương hoa, tưởng khắp pháp giới, khen ngợi công đức Phật, kính lễ chí thành, đem hết tâm tư phát lồ sám hối. Tu hành ngũ hồi, cung kính quy y, lúc ấy thân ngồi ngay ngắn, mặt hướng về tây, quán tướng hảo Phật. Tụng kinh niệm Phật vào ra kinh hành, ngày đêm sáu thời, khắc

kỳ cầu chúng. Hoặc như hành giả chướng sâu, chưa có cảm ứng, phải lấy cái chết làm kỳ. Trong lúc này không được giây lát nhớ ngũ dục ở đời, một lòng thực hành như thế, nếu không được vãng sanh thì đức Phật là đại vọng ngữ.

Tam muội này có thần hiệu như thế nên chư Phật mười phương đều khen ngợi, các bậc thánh đều tôn sùng, ban đầu được đề xướng ở Lô Sơn, sau đó lưu truyền khắp thiên hạ. Bao nhiêu đời hồng truyền đều ký pháp tu tam muội này làm nơi quy thú. Nghi quỹ tam muội tuy nhiều, chỉ có phương pháp tu tam muội của Sám Chủ Từ Vân chọn ra rõ ràng hơn hết, hành giả cần phải nghiên cứu cho thuần thực. Đây là chỗ làm cao nhất, cảnh giới sâu xa, hành giả cần phải gắng sức nghiên cứu học hỏi, cần thận không được bỏ phương pháp tu này chạy theo pháp khác. Hoặc nếu người căn cơ còn kém, thăng hạnh khó hoàn toàn, cần phải ở nơi tịnh thất làm cho trong ngoài thanh tịnh, tùy ý lập hạnh như lễ Phật sám hối mỗi ngày định số bao nhiêu, tinh tấn một lòng, thì không giữa chừng lui sụt. Hoặc chuyên tụng kinh, hoặc chuyên trì chú, hoặc chỉ chấp trì danh hiệu cầu nguyện vãng sanh. Hoặc có thể thâm đạt nghĩa các pháp, quán y báo và chánh báo của Phật, nếu được thấy hảo tướng thì biết tội đã diệt, duyên đã sâu, sẽ được sanh về nước Cực lạc. Như Kinh A Di Đà nói: "Không thể dùng ít căn lành, ít phước đức, ít nhơn duyên mà được sanh về nước kia. Nếu có người nghe nói Phật A Di Đà rồi gìn giữ danh hiệu hoặc 1 ngày, 2 ngày, cho đến 7 ngày một lòng không loạn, người ấy khi mạng chung, Phật và thánh chúng hiện ra trước mặt

người ấy tiếp dẫn liền được vãng sanh". Nên biết gìn giữ danh hiệu là nhiều căn lành, nhiều phước đức, nhiều nhơn duyên.

Nếu có người chưa dứt hết duyên đời, tu theo thế thiện, đối với nước Cực lạc tin chắc không nghi, mỗi niệm hăm mộ ưa thích không quên, ở cách làm trong đạo tràng trước tùy ý tu tập, trong 4 oai nghi lấy việc hành đạo làm nơi quy thú, gặp cảnh thì đạt được nguồn gốc thực hành, gặp việc thì hết sức dùng phương tiện, khi mạng lâm chung chắc sanh về cõi Cực lạc. Tuy các hạnh nói sơ lược chẳng đồng mà năng lực của pháp ấy thì bình đẳng. Chỉ cần trong lòng quyết chí thực hành, việc kết quả có chậm có mau là do ý chí của hành giả nên Phật cũng ứng hiện có mau có chậm, như bóng theo hình, hành giả cần phải biết rõ. Có pháp môn thập niệm của Ngài Từ Vân, mỗi sáng tối, khi súc miệng, rửa mặt xong, ở chỗ vắng vẻ, mặt hướng về phía Tây, niệm danh hiệu Phật hết một hơi tính một niệm, niệm hết 10 hơi gọi là thập niệm. Đây thật là nhơn ban đầu rất dễ làm, đừng cho qua mất. Các hành tướng tu hành như trên nghĩa đủ, lý rõ, có thể nói là không có nghĩa nào khác nữa.

Hỏi: Tôi trong khi niệm Phật, tuy vận dụng được thân và miệng mà tâm vẫn lăng xăng không thể tự chế, làm sao dụng tâm cho được không tán loạn?

Đáp: Hãy cứ vận dụng thân và miệng không cho gián đoạn tự có thể được nhất tâm. Chỉ cần thực hành liên tục làm chứng, không lo gì tâm còn tán loạn. Ví như đứa con hiếu thảo mới mất cha mẹ, như con rỗng mắt hạt châu hộ mạng,

không mong tâm được nhất mà tâm tự nó nhất. Đâu cần ngăn nó làm cho nó được nhất, thật tâm này không thể ngăn, thật do hành giả siêng năng hay giải đãi thôi!

14. Riêng chỉ cách tu Tam muội của người khách không nhà.

Đạo tràng đã đủ, việc cúng đã trình bày, tất cả đều đúng theo nghi thức, đâu để theo thời gian qua sông, phải y theo giáo pháp, vận tâm thì dùng quán huệ, hiểu đó phải dùng diệu cảnh, thừa theo sự thù thắng của tâm này, lập hạnh vô tác thì bề sanh tử chắc khô, cõi Tịnh độ chắc được sanh về. Lúc ấy có một người khác đang ngồi ung dung thanh nhã, đoan trang chánh trực, bên trong chứa cái chí không khiếm nhược, bỗng làm lễ mà hỏi: Nay Đại sư đã dạy thì biết hành giả phải vận tâm rộng lớn, bao quát cả lan sâu, vậy sau mỗi kiến lập đạo tràng, làm cho đồ cúng được đầy đủ, mới an tâm tịnh y, mới có thể nói đến chuyện khởi tu. Nếu tôi là kẻ hậu học, căn cơ thấp kém ít nghe hiểu, từ xưa đến giờ lênh đênh sông biển, ruồi dong nhiều chỗ hoặc đến hoặc đi, tuy muốn ở chỗ yên tịnh để thực hành, mà năng lực chưa được, nếu có thể bôn ba nhiều chỗ, không lập đạo tràng, mà cố gắng sáu thời hành đạo, ba nghiệp không khuyết, tụng chú trì kinh, xưng danh lễ bái, làm đúng theo nghi thức, cầu sanh an dưỡng, đồng với công hạnh tu trong đạo tràng. Như vậy chúng tôi có thể thực hành được không? Ngưỡng mong Ngài rũ lòng từ, triển khai chỉ thú, vạch bày trước sau phương tiện?

Đáp: Lời hỏi của ông rất hay! Người đời muốn tu tam muội, phải cần có đủ trăm thứ nhu cầu, sau đó mới khởi hành. Nay chỉ ông thật là siêu xuất. Không có câu hỏi này thì không khai thông hết những điều chất chứa trong lòng ta, là muốn lợi khắp các cơ. Giáo pháp của đức Phật như một trận mưa mà cây cỏ đều được thấm nhuần. Huống chi niệm Phật tam muội là phương pháp trùm khắp các cơ. Ông nếu muốn cầu sanh tịnh độ chỉ cần ở trong 4 oai nghi, đều làm đạo thì đâu có ngại gì ở trong quán trọ ư! Nếu ông muốn lập hạnh tiến tu trước tiên phải có tâm không dối trá, chứa nhóm công đức, không được khoe khoang chỗ hay của mình, phải thấp tâm kính trọng người, cốt yếu trong ngoài đúng cách, kế đó buông bỏ các duyên, dứt hết muôn việc, đọc kỹ các kinh chú tịnh độ, ngũ hồi sám pháp làm rất thành thạo, đồng thời cũng tập các oai nghi, làm cho lúc nào cũng đoan trang thanh nhã. Như trước đã nói: hành giả trước phải khởi lòng tin chơn chánh vận dụng trí đại bi, khắp vì chúng sanh, đúng lý quan sát, hai cõi tịnh và uế, hai quả báo khổ và vui, thật lòng nhằm chán cõi uế và ưa thích cõi vui. Hành giả phát khởi hạnh này, dù là khách đi trên đường di chuyển chỗ ở không nhất, như mây như nước, nên không cần trang nghiêm đạo tràng, chỉ cần thanh tịnh thân tâm, ăn mặc tùy theo hoàn cảnh miễn sạch sẽ thì thôi. Vào ngày lục trai, khách dù ở bất cứ chỗ nào cũng phải sắm đủ hương hoa cúng dường Tam bảo tỏ lòng thành kính. Đối trước Tam bảo lễ bái hết lòng, lập nguyện rộng lớn, thề không thoái chuyển. Suốt cả đời này lấy đây làm nơi quy hướng, không có hồi hạn bỏ dỡ nữa chừng. Tuy không có

đạo tràng để trang nghiêm, nhưng vẫn lấy ngày phát nguyện này là ngày đầu vào đạo và trọn đời, mỗi ngày sáu thời tu hành pháp này, hương đèn dù có hay không cũng không cần lo chấp.

Hỏi: Người tu tam muội cần phải nhất tâm mà việc đời thì có muôn mối, như vậy làm sao tu hành cho Phật sự và thế sự không bị trở ngại.

Đáp: Như người bắt chim nhốt nó vào lồng, thân nó tuy ở trong lồng mà tâm nó lúc nào cũng nhớ vườn rừng, hai việc ấy không có trở ngại nhau. Lồng chỉ nhốt được thân nhưng không liên hệ đến việc tâm muốn thoát ra. Công việc chỉ trói buộc thân ta chứ không thể trói buộc ý chí vãng sanh của ta. Nên nói ba cõi như lồng, thân ta như chim, mong ra khỏi là ý nguyện vãng sanh, vườn rừng là cảnh giới tịnh độ. Nên biết duyên vọng muôn mối không ngại chơn tâm. Huống chi hoàn cảnh người khác, việc khác rất ít phiền não, mình không liên hệ với nó, thì thân tâm an ổn, đó là chỗ tiến tu rất tốt.

Hỏi: Phương cách tu hành tuần tự, cần được nghe rõ để khi người tán tu, gặp việc khỏi làm lẫn?

Đáp: Đêm ba thời, ngày ba thời giữ đúng đúng sai, lấy đó làm thứ lớp. Người khách đang ở xứ lạ quê người, dù vậy đến giờ hành đạo cũng phải chuyên làm, nếu chỗ có tượng Phật hoặc tự mình có tượng mang theo, thì miệng xưng tụng, thân lễ bái, hoặc tụng thâm thân lễ, đối với tượng Phật mà tu. Như không có tượng Phật, hoặc đối với quyển kinh, hoặc chỉ quay về phương Tây làm lễ, hoặc chỉ trừ hương

Đông tùy theo các phương tu lễ bái, phải đủ như nghi thức trong đạo tràng. Nếu có thời gian ở trên đường hoặc lên thuyền và những việc động dụng thân do công tác bắt buộc dĩ không thể cưỡng lại, không thể bác bỏ thì Phật sự và thế sự cùng làm. Phải nhớ các việc đời mà mình làm đây mục đích nuôi dưỡng thân. Thân ta hành đạo công cũng không bỏ tức cùng tam muội đồng thể vậy.

Hỏi: Tôi nghe nói tâm không dùng 2 việc, nếu được một thì mất một, vì sao ở đây nói hai việc cùng làm?

Đáp: Ông chẳng nghe thí dụ về chim ở trong lồng, tự mình thấu rõ. Như người nhất tâm không ngăn ngại vì mắt thấy, tai nghe, thân làm tâm nhớ, ứng dụng không cùng. Đâu phải chỉ ở trong hai việc, dùng đã không cùng thì nên đem tất cả động dụng, nhất tâm trì tụng kinh A Di Đà một biến, hoặc 9 phẩm trong quán kinh, hoặc chương Viên Thông của đức Đại Thế Chí trong kinh Lăng Nghiêm, hoặc tụng chú tịnh độ hoặc 3 biến, 7 biến cho đến trăm ngàn biến. Xưng niệm danh hiệu Phật hoặc 3 trăm, 5 trăm cho đến ngàn muôn không kể số. Rồi thực hành sám pháp, nghi thức hành lễ này có đủ trong Từ Vân sám nghi. Bắt đầu từ tất cả cung kính lễ Tam Bảo, đốt hương, tán Phật, lễ bái, sám hối, cho đến tam qui y đều có thể tùy theo khả năng mà thực hành. Trong lúc làm tướng tất cả văn nghĩa tiết đoạn và thân ta đang đối trước Phật ở cõi Tịnh độ, hoặc tưởng ta như đang ở trong Đạo tràng, trước hình tượng Phật, quỳ lạy, đi nhiễu kinh hành, tất cả đều rõ ràng, không cho hôn trầm hoặc tán loạn. Lễ xong liền quán Phật và tướng bạch hào, đúng giờ

đã định mới dừng. Cứ như thế niệm tụng kinh, chú, hiệu Phật rồi hồi hướng xong, gọi là một ngày làm Phật sự chỉ có tướng lễ này và hành pháp ở đạo tràng đồng đạo thêm thân lễ là xong.

Riêng về âm thanh đọc tụng, tùy theo hoàn cảnh có tốt xấu mà đọc có lớn hoặc nhỏ nhưng tiếng tụng phải trang trọng, tưởng như cùng chúng tụng ở đại đạo tràng. Lời tụng của ta mọi người cùng nghe, tuyệt đối không được nói chuyện trong lúc trì tụng. Hành giả khi chưa làm việc ở trước Phật đốt hương cầu nguyện, hoặc ở chỗ không có bàn Phật, chỉ cần chấp tay tưởng như ở trước Phật, thắp hương cầu nguyện, trong giờ ấy chuyên tâm tưởng Phật. Các giờ khác chỉ nên ngồi một mình hoặc đi một mình, xa lìa các chỗ ồn náo, hoặc nhóm họp chuyện trò, giỡn múa nhảy nhót, vui cười ca ngân, khen vịnh bút nghiêng làm cho mình và người quên mất chánh niệm, đó là phần buổi sáng trong ngày. Hoặc phần giữa ngày và phần đêm cũng thực hành như phần buổi sáng. Đó gọi là 6 thời hành chánh pháp. Nên nhớ người thực hành giữa đêm, cảnh vắng vẻ, tùy ý thực hành khác hơn buổi sáng.

Hành giả đã vì sanh tử làm việc lớn đâu có thể tùy theo giải đãi mà buông lung ngủ nghỉ, dù có hoàn cảnh nóng hay lạnh cũng đừng cởi áo. Áo tràng và xâu chuỗi phải để kế bên, khăn tay nước lạnh không xa giường nằm phải luôn rửa tay sạch sẽ để khi cầm kinh, cầm chuỗi, áo tràng không bị lỗi ô uế. Nếu có nhu cầu gì trước phải dự bị. Cần phải nghĩ mình ít phước, không dám làm nhọc người, đừng để

người nhàm chán. Thấy hoàn cảnh không có trở ngại, khi tụng kinh thì tụng nhỏ như đàn cầm đàn sắt nhỏ mà trầm trọng, lớn mà không ồn làm cho thiên thần hoan hỉ đến giúp đỡ, loài quỷ súc nghe tiếng được giải thoát thì công ấy rất lớn. Hành giả hoặc lúc ở trên thuyền, hoặc ở trọ nhà người đều phải xét cảnh, xét người, một lòng tinh tấn, phương tiện uyển chuyển dùng hết sức đề tu hành. Sự quan trọng là không được thấy lỗi người, chỉ chỗ xấu của người, tuy không thể hoan nghênh hết mọi việc làm của người khác, nhưng phải thành thực nhận thấy cái hay của người.

Dù gặp thời gian bất tiện hoặc gặp những người khác việc khác làm chướng ngại, cũng phải tìm chỗ vắng vẻ ngồi ngay ngắn hướng về Tây, chấp tay lễ xá, tiếng niệm tụng lớn nhỏ tùy nghi, giống như ở trước nói về tướng lễ và làm việc. Nếu ở trong lúc làm việc, việc đã xong, thân được rảnh, không luận sám nhiều hay ít, cho đến chỉ một câu một lay, liền phải lên tiếng tụng niệm, đến chỗ bàn Phật thì thân lễ được viên mãn. Nếu ở trước Phật lễ bái bỗng có việc khác gấp phải làm, cũng không câu chấp là sám hồi nhiều ít cho đến chỉ một câu một lễ, liền theo đến chỗ làm việc, tướng lễ đến viên mãn. Cần nên biết không nên vào sám chưa lâu mà khởi sám lại, vì làm như vậy coi như điều ép buộc bắt đắ dĩ mà làm, cũng không phải mượn thời tướng lễ để giải đãi thân mình. Lại cũng không thể dùng tướng lễ này mà thêm thời gian làm việc, làm cho thời gian thêm trống trải. Đối với người có lòng tin ít, không nên khuyên tu bằng người có lòng tin sâu, cũng không thể không thăm

chỉ rõ làm cho người kia bỏ nữa chùng. Lại không nên dạy công đức tu hành bằng nhau để họ sanh lòng ham, vì người y theo đạo tràng mà tu gọi là thuận và dễ làm, còn người khách ở giữa đường mà tu gọi là nghịch và dễ làm. Nếu dùng nghịch dễ làm so với thuận dễ làm cách xa nhau một trời một vực. Người dùng nghịch dễ làm phải gia công rất nhiều.

Hỏi: Tượng lễ và thân lễ đồng chăng?

Đáp: Đồng. Ông đâu chẳng nghe, trong ba nghiệp, ý là chủ của thân khẩu. Chủ đã chú tượng thì thân khẩu đâu có thể tạo nghiệp. Lại như trong sám hành giả tượng nhớ hương hoa và ý chí tượng thân tâm cùng khắp, như vậy chỗ nào cũng đều niệm tượng, cứ suy theo đó có thể biết rõ.

Hỏi: Nếu đã như vậy thì chỉ cần vận dụng tâm tượng lễ không cần vận dụng thân khẩu được chăng?

Đáp: Ý nghiệp tuy thù thắng, nếu gồm cả thân và khẩu mới gọi là ba nghiệp viên tu, căn cứ vào ý nghĩa yên lặng mà tụng, cũng có thể biết được. Lại nữa, có thể dùng cách tượng lễ này ở trong lúc thời gian nhàn rỗi việc làm càng tốt hơn.

Hỏi: Ngoài sáu giờ hành pháp, dụng tâm thế nào?

Đáp: Hoặc quán tượng hảo Phật, trì chú, tụng kinh, xưng danh, đánh lễ thực hành các hạnh như thế, mỗi niệm không bỏ, định kỳ vãng sanh. Như người đi đứng bước nhanh đi mau, bước hưỡn đi chậm, nên như thế ấy mà dụng tâm. Nếu người thân tâm yếu ớt, không thể hành pháp sáu thời, chỉ

cần chia định tụng kinh, bái sám, mỗi ngày hoặc 3 thời, năm thời, tuy không có lúc giải đãi, lúc tinh tấn, cũng không thể lúc tăng giảm sửa đổi những điều đã lập hạnh trước đây.

Hỏi: Khách đi đường tu tam muội đã nói là viên dung thứ lớp ở đời ít được nghe, nếu như vậy thì không cần y theo đạo tràng mà tu có được không?

Đáp: Như có người rơi xuống biển, tìm thuyền chưa được, chợt gặp một tấm ván liền nương nó mà vào bờ, đâu thể có thuyền kề bên mà tìm ván hoặc gỗ để tựa mất mạng hay sao? Huống chi khách đi hay ở tùy chủ nhằm chán hay ưa thích được không trở ngại thì làm sao mà không tinh tấn công phu.

Những điều nói trên là chỉ cho những người khách đang di chuyển từ chỗ này sang chỗ khác tu tam muội. Tam muội này cảnh giới rất sâu xa, công năng rất rộng lớn hợp với tâm Phật, ca ngợi mãi cũng không hết, trong bốn thứ tam muội hành, trụ, toạ, ngọa thì tam muội này gọi là phi hành phi toạ, tam muội cũng gọi là tùy thuận tứ oai nghi tam muội, chính là trang bị cho bậc đại cơ, còn những hàng tiểu trí, tiểu căn, tùy theo phần mà nhận được lợi ích. Vì tam muội này so sánh với đạo tràng tam muội chỉ thiếu có thân lễ còn các nghi khác vẫn đồng, ông nên dùng tam muội này tinh tấn thọ trì, một lòng về Tây, cần thiết không được chần chừ mà phải xuôi theo dòng sanh tử.

Gần đây xét thấy trong đời có 2 hạng người muốn tu tam muội này, có người vừa nghe nói dễ, liền tưởng là dễ liền

nói dối là được chứng tam muội, có người vừa nghe nói khó, liền sanh lui sụt liền mất hết ý chí tiến tu. Hai hạng như thế dù có lòng tin tha thiết, cũng bị lôi cuốn vào đường tà, lại nói bí mật trao truyền cho nhau, làm nhiều người lầm lẫn. Pháp trao truyền cho nhau có thiên hình vạn trạng, không làm sao nghe cho hết. Tất cả đều là dối gạt lòng người, tự phản bội chính mình làm cả Thầy lẫn trò đều bị nguy hiểm.

Khách làm lễ rồi thưa: Con làm khách giang hồ đã lâu, mỗi khi tưởng nhớ đến sanh tử vô thường, muốn tu mà chưa được, chỉ lo nuôi sống bản thân, đối với pháp tu hành đạo trong đạo tràng, không được thực hành lòng rất lo buồn. Hôm nay duyên may từ đời trước được nghe lời dạy này, có thể nói là được cam lồ quán đánh, mát mẻ tận xương, nên con quyết chí thọ trì. Tất cả những điều thắc mắc từ trước đến nay đều tan biến, từ đây không bỏ thân tâm, không màn thế sự, tự tại an nhiên, nguyện đời đời kiếp kiếp vâng giữ thọ trì, thà bỏ thân mạng không cho thôi lui. Khắp khuyên tất cả những người đồng cảnh ngộ như con, đều được hiểu rõ, ở trong chỗ thuận hay nghịch, không trở ngại hành đạo, đều thành tam muội. Có thể đây là điều rất may của chúng sanh và cũng là điều rất may cho những người học Phật.

Người tu pháp tam muội này thì biết được tất cả công việc bốn ba theo thế tục, trôi nổi bốn phương, lao khổ vì miếng cơm manh áo, buôn bán đầu tư, kỹ nghệ công tác. Tất cả trai gái già trẻ, nô tỳ huynh môn đều phải làm việc cực khổ,

không được tự do. Đối với tất cả việc đi đứng ngồi nằm của họ, cho đến lúc mặc áo ăn cơm, nói nín động tịnh và bị ở trong lao ngục. Đối với việc mừng giận thương vui, bất cứ lúc nào cũng có thể tu được. Huống chi bốn chúng xuất gia, bốn dân tại gia, có chỗ ở, có chỗ tạm mượn có thể tu, chỗ muốn đều đầy đủ, đều được tự tại, đâu nên không cố gắng tinh tấn thực hành? Nay có người nghe nói cõi Cực lạc rất xa cách đây 10 muôn ức cõi, nên lo sợ đường quá xa, nghe nói người sanh về cõi kia phần nhiều một đời được bổ xứ đi làm Phật, hỏ mình không theo kịp thì thế nào?

Đáp: Các ngài không biết như trên đã nói cõi hư không trong 10 phương đều là tâm ta, tâm đã tịnh thì mười muôn ức cõi đâu có xa gì! Nếu tâm cầu uế thì trước mắt cũng xa, chỉ cần tâm tịnh, cần gì tính đường xa hay gần như người ngủ trong giây lát, mơ thấy đi xa ngàn dặm, đâu có thể dùng thời gian bình thường mà so sánh được. Lý đã có cõi có thể sanh, cần thiết không nên nói: chỉ cần tâm tịnh là phải mà không cần sanh đến cõi kia.

Khách lại lễ và thưa: Con mới nghe pháp tam muội này, trước kia chưa từng nghe, Sư đã theo ý kiến của con mà ban bố cho pháp ngữ. Nay nghe tin tam muội này mới biết được rút ra từ kinh điển Tịnh độ, thật hợp với cơ nghi, như trời trưa sáng tỏ, thật là một lời dạy bảo quý báu cho những người hậu học, con nguyện ghi lấy để làm kim chỉ nam cho đời sau làm pháp môn chánh tu sau trước rõ ràng ở trong đạo tràng, lợi ích nhiều người.

Đáp: Rất hay, ông nên đem hết sự hiểu biết của mình mà nói lại cho kẻ hậu học đời sau. Vị khách cung kính đánh lễ mà lui. Người khách ấy tên Nhất Hạnh tự Chí Tây tự nói đã đọc Kỳ Vạn Thiện Đồng Quy của Trí Giác Thiền sư. Sau đó đến Lô Sơn gặp di tích của sư Tổ Huệ Viễn nhơn đó mà phát nguyện niệm Phật.

15. Nghi thức Tu Tam Muội

Nghi thức tu tam muội theo Từ Vân sám chủ, hành giả phải kiến lập Đạo tràng, sắm đồ cúng dường, dự bị y phục giày dép mới, giặt y tắm gội, kiết giới không cho ra vào, phương tiện chánh tu, thiền tụng sám lễ, các pháp tắc thanh tịnh đã nói đủ, ở đây không chép lại. Đúng ngày vào đạo tràng, phải trước đó 7 ngày, lo tất cả mọi việc chu tất, trước phải làm cho thân và tâm tịnh định, sám hối nội chướng cho đến khi thấy được hảo tướng. Bắt đầu vào đạo tràng nên dùng vào ngày lục trai, phát nguyện tu trì hoặc 3 hoặc 7 ngày. Ở trước Phật tiền phải cẩn thận cúng dường hương hoa tịnh thủy. Bởi vì ở trong đạo tràng có Phật trời giáng lâm, nên phải trang nghiêm cẩn thận để trừ các ma sự và các chướng uế ác, làm cho hành giả ở trong đạo tràng tam muội dễ thành tựu. Vì thế ở đạo tràng nên tượng là Tịnh Độ, nên tượng là nơi giải thoát, nên tượng là nơi bảo sở, nên tượng chắc chắn được vắng sanh, không được xem thường. Đồng thời phải xét thấy rõ cái khổ ở thế gian thật vô cùng, phải xem như oan gia cần phải xa lánh, vĩnh viễn không trở lại. Không được đem những việc khó cắt đứt, khó dứt bỏ, chứa giữ trong lòng, lo nhớ niệm khác làm lúc sám hối bị chướng

ngại, chánh hạnh không thẳng tiến, mất hết công phu, không giữ được chánh niệm liên tục, nên trong nghi nhập đạo tràng nói không được trong giây lát nhớ đến năm món dục lạc ở đời.

Trong đạo tràng, hành giả chừng 10 người trở lại, nhiều hơn thì không nhận, phải dự liệu chọn những người nào có thể tu tam muội được mới cho vào. Phải xét những hành động hằng ngày của hành giả, tánh ít thô tháo, lòng tin bền chắc, không có tánh bốc đồng nhất thời, tiếng nói phải hoà nhã, phẩm hạnh đoan trang, chấp nhận người chủ thất chỉ bảo, vì sanh tử mà vào đạo tràng, không sanh lòng hối hận buồn bực, tánh vui vẻ khiêm nhường, có thể cùng tu. Nếu không chọn được người như thế, chỉ cần 3 hay 4 người cũng đủ. Hoặc một mình cũng tốt, tránh nhiều người làm bại hoại quy tắc, rối loạn việc thanh tịnh tu hành. Lại ở trong chúng cần suy tôn một người có đức lớn, thực hành thuần thực, hoặc riêng thỉnh những bậc thầy sư phạm làm chủ phương đẳng đạo tràng. Sám chủ thực hành sám pháp, phải dạy cho mọi người hiểu rành nghi lễ, nghe lời sám chủ chỉ bày, khởi lòng y chí. Ở trong đạo tràng, hoặc gặp những tướng thuận nghịch, không được thấy lỗi người, phải xét lại lỗi mình, nhã nhận hoặc tham dự hoặc lui đi.

Nghi thức lễ tụng hoặc lạy hoặc qui, hoặc ngồi hoặc đứng, chấp tay cung kính đi nhiều, tất cả phải trang nghiêm nhã trọng, mắt thấy tai nghe đều nhiếp cảnh về tâm. Người chưa hiểu, phải hỏi bậc hiểu trước, cẩn thận đừng tự thị cho mình có đủ sức làm thân và tâm lay động cần phải cảnh sách.

Chúng tham dự vào đạo tràng, trước đó một ngày phải tắm gội, giặt dũ, thay đổi y phục giày dép mới sạch, đồ đạc đầy đủ cho ngày dự tu theo lời sám chủ đã dặn. Khi vân tập sám chủ dẫn khánh, dẫn chúng vào đạo tràng, chỉ cho 2 người nội hộ vào, ngoài ra không cho bất cứ người nào không phận sự vào đạo tràng. Mọi người đốt nhang xong, y theo pháp sám hồi, lạy Phật 3 lễ chí thành cầu Phật cảm ứng, lễ xong đứng dậy đi kinh hành trở về chỗ đứng. Sám chủ ra khỏi chúng đọc văn bạch một thiên, tán Phật, tán thủy, cầu xin Tam bảo gia hộ chúng minh, để trong lúc chánh tu khỏi bị ma chướng được sanh tịnh độ. Cầu nguyện xong cử bài tán Khứ Chánh Pháp Minh, niệm chú Đại Bi 7 biến, chú Như Ý Luân 7 biến, chú Tỳ Lô Quán Đảnh 7 biến. Sám chủ trong lúc tụng chú dùng tay cầm chén nước, tay dâng lò hương đến nửa thời dụng mới đưa cho người bên hữu cầm, kẻ đó dâng cát, dâng hương, dâng hoa cũng như vậy, rồi đứng dậy đi kinh hành lần lượt 3 vòng, ba phần chú đã xong, lại cử đại bi chú, rưới nước tẩy tịnh chung quanh và các chỗ mà mình sắp đi qua, trước đốt đèn sáng, chú ý đèn phải làm sáng con đường đi kẻ đó mới cầm chén rưới nước, kẻ đó rải cát tán sa, kẻ đó cầm lư cúng hương, sau đó tùy theo mỗi chỗ tán hoa. Lãnh chúng từ sau Phật toà kinh hành, trước ở trong đạo tràng đi vòng bên hữu, đốt hương, tái tịnh đầy đủ 3 lần, làm cho cát và nước đều rải khắp. Kẻ đó từ phía ngoài đạo tràng, chỗ phóng sanh, trai đường cũng nhiễu một vòng. Kẻ đó tịnh trừ chỗ tắm gội, vệ sinh, chỗ yên nghỉ, chỗ thiền hành. Phạm chỗ nào chúng đi qua hoặc phòng ốc cũng phải rải một vòng, vì rải các nơi chúng

đến nên gọi là kiết giới. Kinh dạy: "Giới như vách thành bằng kim cương" tuân theo ý này nên phải vún sa, đổi thành tịnh địa gọi là kiết địa giới. Người dâng hương tưởng mây hương như lọng che trên hư không, kiết hư không giới. Người tán hoa biểu hiện sáng rỡ sạch sẽ trang nghiêm pháp giới. Như cách dùng tất cả pháp ở trên đều nhờ vào bậc đại bi thánh chủ gia trì và sức thần chú gia trì, nên cát nước đến chỗ nào là thành cõi đất báu của Phật. Nhờ vào nhân duyên này mà tà ma không thể vào, ngoại đạo không thể làm phá hoại, nên tam muội dễ thành.

Tướng của giới tràng này cẩn thận không thể phá hoại, nếu phá hư giới tướng là điềm chẳng lành làm cho đạo hạnh bị nhiều chướng ngại khó thành tựu. Vì sao gọi là giới tướng. Tướng giới có hai là nội tướng và ngoại tướng. Nội tướng là bốn góc trong của đạo tràng tu sám pháp. Ngoại tướng là những nơi ở ngoài đạo tràng mà ta kiết giới, chỗ ấy có cắm cọc đã đem nước và cát tưới đến chỗ ấy. Người ở trong đạo tràng chỉ đến nêu ngoại giới thì đừng không được ra ngoài, nếu bước ra ngoài nêu gọi là phá giới. Người ở ngoài đạo tràng vào đến nội giới phải dừng lại, vượt khỏi nội giới gọi là phá giới. Hoặc người lo công việc dùng tay chỉ, đi vào nội giới một phần cũng gọi là phá giới hoặc cho người xấu vào ngoại giới thời gian ngắn cũng gọi là phá giới. Nên biết pháp này không được tùy hỷ cho người khác vào. Dấu hiệu phá giới là một điềm không tốt. Như ý chỉ trong kinh nếu giới bị phá phải kiến lập lại đạo tràng, lại hành sám

pháp trở lại mới được gọi là khởi tướng phá giới, hành giả phải kiên dè đó.

Nếu người nào cảm thấy sức khoẻ thân tâm đối với pháp tu trong đạo tràng không thực hành đủ hết sáu thời, có thể tu năm thời, bốn thời, ba thời, hoặc hai thời, việc thực hành tùy ý lập lời phát nguyện. Sau khi đã lập chắc và phát nguyện rồi không cho sửa đổi, chỉ có tu tăng thêm, không cho sụt giảm, dù có bị bệnh hay việc quan, cũng phải tưởng niệm, đâu thể tùy ý siêng năng hay giải đãi, hoặc hứng hoặc bỏ, sớm lập chiều sửa đổi, làm cho chánh hạnh không được thuần nhất.

Người muốn tu pháp này trước phải hiểu rõ phép tắc niệm Phật và các kinh điển tịnh độ và sám pháp, trì chú, bày bố trước sau, tùy ý nhiều ít, phải xét nghiệm kỹ lưỡng, xét đi xét lại ba lần, xem coi mình có thể thực hành nổi không? Như có người muốn lội qua sông, trước phải xem xét dòng nước lớn hay nhỏ, mình có đủ sức lội qua bên kia không? Người tu đạo tràng tam muội cũng vậy, quán pháp khó dễ, tự mình có làm đến nơi đến chốn hay không. Không nên vì hăng hái nhất thời mà lập ra, sau đó làm không nổi liền bỏ. Cũng không được khi tụng trì mà tâm không chuyên chú, như người bắn tên, tâm chuyên nhất thì trúng. Pháp môn niệm Phật cũng thế, nếu một lòng chuyên chú thực hành, niệm Phật chắc được vãng sanh, dạo chơi cõi Cực lạc trong mỗi niệm được công đức không thể nghĩ bàn.

16. Hiện dương sức giáo hoá của Phật

Từ trước đã thuật các thứ phương tiện với mục đích làm cho chúng sanh khởi tâm tiến đến thực hành để cầu quả vô thượng mà không biết nguyện lúc Đức Thế Tôn ta hết lòng hoá độ, dùng các thứ phương tiện, không chỗ nào mà chẳng đến so với tâm cầu thượng quả của chúng sanh gấp trăm ngàn muôn phần lao khổ là một điều thiếu sót. Trong kinh nói: Ánh sáng từ bi của Phật A Di Đà chiếu khắp pháp giới, che khắp tất cả chúng sanh luôn luôn làm việc cứu giúp lớn không cho bị đọa lạc. Nguyện lực từ bi của Phật A Di Đà cùng khắp pháp giới, tiếp dẫn khắp chúng sanh làm việc nhiếp thọ lớn, không cho hư mất. Thân Âm nhập giới của Phật A Di Đà khắp đồng Pháp giới, khắp chỉ chúng sanh làm cho họ được liễu ngộ không bị thối chuyển. Vì thế, tất cả chúng sanh trong 10 phương thế giới đều được nguyện lực của Phật A Di Đà thủ hộ, giống như mẹ hiền, thương chiều con nhỏ, ôm ấp cho bú nuôi dưỡng chẳng phút nào quên. Cha mẹ thường con chỉ có một đời, khi báo thân đã mãn thì thôi, Phật nhớ chúng sanh nhiều kiếp nhiều đời không bỏ. Vì nghĩa ấy có thể nói đại nguyện của Phật chúng sanh chỉ một lần xưng danh có thể diệt đến 80 ức kiếp tội trọng sanh tử, ý chỉ này thật đáng tin. Nguyện lực của Phật A Di Đà là thường ở thế gian cứu khổ chúng sanh, vì vậy, chúng sanh khởi niệm làm sao Phật không mau ứng được. Như người mẹ kia cứu nạn nước lửa cho con, đâu đợi con cầu xin, nếu con muốn cầu thì mẹ càng thương nhiều hơn. Duy những đứa con nhiều kiếp trốn chạy, cam lòng chịu khổ, không nhận sự cứu giúp của cha mẹ mới thật là khó cứu.

Dù có người tạo đủ ngũ nghịch mười ác đầy lòng, huỷ báng vọng ngữ, nói pháp dối trá, không tội ác nào mà không làm khi mạng lâm chung, phải đọa vào địa ngục A tỳ tướng địa ngục đã hiện, người ấy nhất định bị đọa vào địa ngục. Người ấy nếu gặp thiện tri thức dạy bảo niệm Phật, người ấy bị khổ bức ngặt, chợt có một niệm cải hối, có thể xưng danh niệm Phật A Di Đà mười niệm. Còn có thể biến tướng địa ngục làm Tịnh Độ liền được vãng sanh. Nếu có thể dùng quán hạnh trang nghiêm và có thể trước khi nghiệp đã tạo hiện ra thì chắc chắn Đức Phật sẽ tức khắc ứng hiện tiếp dẫn. Ngày xưa có ông tiều lên non đốn củi quá sợ cọp nên la thất thanh ba chữ Nam Mô Phật, sau lúc Phật Thích Ca đắc đạo được độ làm Tăng tu thành chánh quả. Huống chi chúng ta khi mạng sắp lâm chung khổ sở bức bách, mạnh mẽ xưng niệm hiệu Phật mười niệm mà không được cảm ứng ư!

Hỏi: Tôi nghe nguyện lực Phật A Di Đà khắp tất cả chỗ nay xét những lời vừa nói chỉ có thể cứu người sắp vào địa ngục và người mạng chưa chết, còn người đã vào địa ngục hay đã chết hình như không thể cứu. Nếu không thể cứu thì biết rằng nguyện lực của Phật A Di Đà và Chư Phật có chỗ chưa khắp đủ?

Đáp: Ông đâu không nghe các pháp sanh ra do tâm hiện mà có, tất cả nhơn quả thế giới và vi trần đều do tâm làm thể. Nếu biết các pháp không thể xa lìa tâm chúng sanh, đâu có thể lìa bản thể Di Đà mà nguyện lực có thể trùm khắp được!.

Hỏi: Nếu như thế thì vì sao người ở trong địa ngục nghiệp kiếp bị khổ, chưa nghe có người cứu độ.

Đáp: Ông hãy xem hàng thịt trong chợ, họp nhau giết hại sinh mạng ngày đêm không dứt, chưa nghe có một giờ không sát sanh, nhọn sát sanh đã không dừng, bị quả báo cũng không thể cứu đâu, có trường họp nào người kia giết mà ta bị quả báo, chỉ vì nhọn quả khó trốn, đâu phải nguyện lực Phật Di Đà không trùm khắp, mà không cứu hộ những người ở địa ngục sao? Ví như có người trước đã biết kinh nghĩa, họp diệu tâm của Phật mà đối với các thứ ác nghiệp thân khẩu ý đã tạo nhiều đời nhiều kiếp không thể dứt trừ. Do nghiệp đời trước chưa dứt, người ấy khi mạng chung không gặp thiện hữu khuyến bảo niệm Phật, nên bị nghiệp lôi vào địa ngục, ở trong địa ngục chịu vô lượng khổ. Tuy chịu các khổ mà nhọn lành không dứt, đối với các việc khổ đều có thể quán sát, xúc cảnh biết tâm, đã biết tâm này cũng biết chúng sanh và Phật cùng một thể, vì một thể nên biết được thân vi diệu thanh tịnh của Như Lai. Do có thể hiểu rõ chúng sanh và Phật là một nên đương lúc người ấy chịu khổ đều xem như việc ở trong chiêm bao, hiểu rõ tướng khổ chính là Bồ Đề, tâm ấy mỗi ngày thuần thực không có nhàm lẫn, có thể bớt đi quả báo nhiều kiếp chịu khổ địa ngục, sự chịu khổ mỗi lúc một nhẹ đi. Người ấy tuy chịu các khổ mà được không có tướng khổ, lại khởi tâm vì chúng sanh mà chịu khổ, không cầu ra khỏi. Vì có hiểu biết mâu nhiệm họp với tâm Phật. Người kia xưa đã từng cúng dường Phật, cho đến từng ở nơi hình tượng quy kính Phật

và khi đọc kinh có chỗ tin hiểu Phật, hoặc nhớ tướng cơ cảm của Phật A Di Đà, quy y về với Phật. Đức Phật kia sẽ theo cảnh giới đã hiểu của người ấy mà hiện ra, lượng lớn như hư không, oai Đức của Phật vòi vọi, ánh sáng vô biên, các tướng hảo thần thông, hiện ra rõ ràng. Phật hiện đến đỉnh của Địa ngục kia, khảy móng tay dùng lời lành dạy bảo, thân thể Phật phóng ánh sáng lớn, âm thanh theo ánh sáng chiếu đến tận đáy địa ngục, các dụng cụ tra tấn như núi đao, cây kiếm, vạc than, vĩ sắt cho đến thành sắt, cửa sắt, lưới sắt, cột đồng, tất cả do ánh sáng chiếu đến đều bị cháy tiêu như bóng như gió mất hết không còn dấu vết.

Tất cả ngu ru đầu, mã viện, ngục tốt, chó đồng, nhạn sắt, rắn sắt, rết sắt, các thú chim, trùng ở trong địa ngục ấy nhờ ánh sáng chiếu đến, hiện tướng Bồ tát, yêu mến giúp đỡ. Người chịu khổ và các thú bị nhốt trong ngục khổ, bỗng thấy được bản tâm, thân nhiều niệm lành, thấy ánh sáng kia và nghe lời lành dạy bảo, như ngồi đáy giếng nhìn thấy trời xanh, vừa mở mắt ra thấy được thân Phật, vui vẻ reo mừng, đầu mặt đánh lễ, sám hối tự trách, đồng cùng các người khổ, phát khởi tâm Bồ-đề, theo ánh sáng bay thẳng lên trên, đến chỗ Phật đứng, Đức Phật rờ đánh thọ ký, cùng nhau đánh lễ, nghe Phật thuyết pháp, liền được ngộ đạo, liền khi ấy có thể bay đi, dùng thần thông dạo chơi, đến các tịnh độ của Phật, đồng ở chỗ Phật, như các bậc Đại Bồ Tát, thành vô thượng đạo, giáo hoá chúng sanh, nhiều đến vô số.

Hỏi: Nếu theo nhân quả thì ánh sáng đức Phật đây những người thẳng giải ra khỏi ngục, các người vật khác bị nhốt không thể được ra, vì sao tất cả cùng lúc đồng ra khỏi hết?

Đáp: Thí như có một người làm việc ác nghịch, bị nhà vua bắt nhốt vào ngục, do việc ác nghịch của người ấy mà các tai hoạ đều sanh, làm cho cha mẹ, vợ con, chú bác, bạn bè đồng chịu quả khổ. Khi người làm lành ra khỏi ngục cũng như vậy. Người phạm tội ác nghịch đã được giải tởa thì thân nhân của anh ta cũng được giải tởa theo. Lại nữa, những người quyến thuộc, nhờ sức Phật lần lượt sanh thiện tất nhiên được sanh về chỗ vui. Vì thế, nguyện lực của Phật A Di Đà, thật có công năng cứu hộ khắp cả thời gian và nơi chốn, đâu không thể cứu hộ chúng sanh đã vào địa ngục ư! Nếu nói quả báo địa ngục chưa hết, muốn làm cho họ ra khỏi trước thì không được, vì nhơn của địa ngục là chẳng thiện, ánh sáng của Phật là thuần thiện, mà muốn ánh sáng của Phật chiếu đến được, ngoại trừ người ấy tự phản tỉnh và sám hối.

Hỏi: Nếu khi quả báo địa ngục mãn thì ánh sáng Phật mới chiếu đến, đâu có ích lợi gì, vì quả báo đã dứt, họ tự ra khỏi cần gì ánh sáng Phật chiếu đến?

Đáp: Nếu khi quả báo địa ngục hết mà không có ánh sáng của Phật, dù ra khỏi nhưng trong ba đường dữ chưa biết chỗ nào sanh, thì bị lôi vào luân hồi từ nặng đến nhẹ, trải qua rất nhiều kiếp, có thể vô lượng kiếp hoặc kiếp số không thể nghĩ bàn, mới được đầu thai làm người, vẫn bị quả báo nghèo hèn hạ tiện, tật nguyên nhiều bệnh, chịu các khổ to

lớn. Vì cầu không được nên niêm ác mỗi lúc càng nhiều, nếu không tạo được chút phước lành, lại đọa vào địa ngục trở lại, như người mù lạc vào rừng cây làm sao có thể ra khỏi. Nếu được oai lực ánh sáng của Phật chiếu đến thì có thể chuyển tội nặng thành nhân quả báo nhẹ, chuyển dài thành ngắn, chuyển nhiều thành ít. Lại có thể một lần ra khỏi địa ngục, liền sanh về cõi Phật, nên đâu có thể nói là không cần ánh sáng của Phật chiếu đến ư! Nếu người có cái chấp này phải chịu nhiều tội nặng. Kinh dạy: Giả sử trong đại thiên thế giới có lửa dữ thiêu đốt, nhất tâm niệm đức Phật kia liền được thoát nạn, điều đó không nghi, hà huống chỉ có một chút lửa đốt thân mà không thoát được sao? Lại nữa: Như Lai A Di Đà lòng từ bi tha thiết dù ở trong đại hỏa luân của địa ngục vô gián đều bằng lòng thay chúng sanh chịu các thứ khổ não, dùng phương tiện cứu thoát và tiếp dẫn về cõi An Dưỡng, huống người chưa bị đọa mà không cứu hộ sao? Năng lực từ bi của Đức Phật kia trùm khắp tất cả chúng sanh ở thế gian. Dù ở nơi thân Phật kia có bị hành hình, nhưng do sức từ bi luôn luôn tiếp dẫn, nên nguyện lực Phật A Di Đà dạy bảo chúng sanh với tấm lòng tha thiết, nhìn vào 48 đại nguyện chúng ta có thể thấy rõ. Huống chi, Phật dùng các thứ hình đồng với chúng sanh, ở trong mọi thời gian hết lòng giáo hóa, thật không làm sao nói hết. Nếu không tin chắc thì chưa gọi là người hiểu về pháp môn Tịnh độ, và cũng không biết toàn thể chúng sanh là Phật, chưa biết ai là người cứu và ai là người bị cứu. Mong xét kỹ.

17. Mười hạnh trở ngại

Chỗ nhất tâm đều bình đẳng, thể tánh không hai, chúng sanh tuy bị trói buộc trong nghiệp thức, nhưng đâu không có chí ra khỏi cõi trần. Nhưng vì vừa muốn đến đạo, cảnh ma ngăn ngang, chạy theo việc mà mất tâm, muôn việc thiện đều tan hết, thành ít hư nhiều, có được cũng hoàn không, huông hồ lòng ham muốn thúc bách, việc sanh tử đòi dòi, muốn được thành công, vẫn lụi lại chỗ cũ. Vì thế, Đức Như Lai ở trong ba a tăng kỳ kiếp, bỏ vô số đầu mắt, tủy não, vợ con thành nước, thân thể tay chân, giữ giới nhẫn nhục tinh tấn, phụng sự tri thức, chẳng tiếc thân mạng, tu hành các đạo phẩm, thực hành các pháp môn, do các chướng ngại này làm tâm lui sụt. Nếu chúng ta không biết điều chướng ngại để tránh, một ngày nào đó khi chúng ta mất, chướng ngại theo mình đâu chẳng phải là điều thương tâm sao! Chúng ta ngày nay là con đức Phật Thích Ca Mâu Ni, nếu chúng ta không vượt qua các thứ trở ngại trên đường tu, và làm cho chúng sanh pháp giới sau này mất đi con mắt huệ, không khác gì tự cắt thân mình. Vì thế, chúng tôi y theo kinh sáng lập mười thứ hạnh trở ngại gọi là mười thứ hạnh không mong cầu. Hành giả tuy không muốn mình bị trở ngại, chỉ vì khi trong giai đoạn tu hành, hoặc khi bắt đầu đã có tất cả chướng ngại hiện ra, tuy thân tâm ta ở chỗ chướng ngại mà các ma và các cảnh chướng ngại không thể làm hại và không thể chướng ngại hành giả, ví như vàng và lửa cùng một lò, lửa tuy đốt vàng mà vàng được thành đồ. Mười thứ hạnh đại ngại được kể như sau: 1.- Nhớ thân

không mong cầu không có bệnh. 2.- Xử thế không mong được dễ, 3.- Xét tâm không cầu không chứng. 4.- Lập hạnh không cầu không ma. 5.- Mưu sự không mong dễ thành. 6.- Giao tình không mong lợi cho mình. 7.- Đối với người không cầu thuận lợi. 8.- Ban đức không cầu báo đáp. 9.- Thấy lợi không mong được phần. 10.- Bị oan không cần bày giải. Mười thứ hạnh đại ngại này gồm tất cả chương ngại chỉ người thượng trí mới có thể gánh vác, người bậc hạ bậc trung không dám hy vọng.

Nếu có người nghe mười hạnh không mong cầu này, ở trong các thứ chương ngại, mỗi thứ đều có thể soi xét giác ngộ, xét tự thân mình để hợp đạo, gìn giữ không mất, thời có thể vào các cảnh ma, không bị bợn ma làm tâm mình thói chuyển, dù trải qua sắc thính cũng không bị sắc thính làm rối loạn ý chí, cho đến các cảnh thương ghét, danh lợi trong trường như ngã được mất. Trong lúc ấy tâm ta đã ở trong trở ngại thì các cái trở ngại kia đâu thể làm ngại được ta. Nếu ở chỗ trở ngại mà không bị ngại thì với việc hành đạo cũng có thể thẳng tiến, huống gì người tự nhiên được cảnh vô ngại, thì việc hành đạo làm sao chẳng tiến tới được. Ví như cây ở bờ cao, tuy gặp trời hạn lâu như thiêu đốt, vẫn không đổi vẻ xanh tươi, hướng chi mưa móc dầm dề, lại ở vào ba tháng mùa xuân, đâu chẳng tươi tốt xum xuê vượt bậc ư! Như người có chút trở ngại vì một căn thiếu kém, việc vận dụng tuy hơi khó, nhưng vì cầu kế sống, họ cũng có đủ khéo léo để thực hành, người cầu đạo nếu được

phương kế giải thoát, thì lòng cầu đạo tha thiết, đâu có thể vì trở ngại mà không thể hành đạo ư!

Nên biết rằng các chướng ngại này là bậc thiện tri thức cho tất cả chúng sanh, cũng là phước điền giúp hộ chúng sanh, có thể nhờ đây mà được liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh. Đối với thế gian, tất cả cao lương mỹ vị, kim cương, châu ngọc, tất cả châu báu cũng không bằng mười hạnh này, vì nếu không thông việc trở ngại thì việc không trở ngại lại thành trở ngại. Vì sao? Vì thân không mong cầu không bệnh, thân không bệnh thì tham dục dễ sanh. Xử thế không mong được dễ, xử thế không khó, lòng kiêu sa chắc khởi. Xét tâm không cầu không chướng, tâm không chướng thì chỗ học vượt bực. Lập hạnh không cầu không ma, lập hạnh không ma thì thệ nguyện không bền chắc. Mưu sự không mong dễ thành, mưu sự dễ thành thì lòng sanh khinh mạn. Giao tình không mong lợi mình, giao tình lợi mình thì thiếu mất đạo nghĩa. Đối người không cầu thuận lợi, đối người thuận lợi thì trong lòng tự khoe. Ban đức không cầu báo đáp, ban đức mong báo đáp thì ý có mưu đồ. Thấy lợi không mong được phần, nếu mong được phần thì lòng si ất động. Bị oan không cần bày giải, nếu bày giải thì nhân ngã chưa quên. Hiểu được nghĩa này, thời biết đạo của mười vô ngại thường sanh ra lỗi lầm như thế.

Hiểu được điều này rõ ràng đây là điều không tốt cũng là nhân duyên chứng đạo. Vì sao? Vì tham dục sanh thì phá giới thối đạo, lòng kiêu sa khởi thì khi lán tất cả, học vượt bực thì chưa được nói được, nguyện không bền thì chưa

chúng nói chúng, chí khinh mạn chắc nói mình có tài, khuyên đạo nghĩa chắc thường thấy lỗi người, trong lòng tự khoe thời chấp ta là đúng, ý có mưu đồ thì ắt muốn phô bày hư danh, tâm si động ắt ham lợi hại mình, còn hơn ngã ắt oán hận sanh nhiều. Đây là 10 thứ lỗi làm từ nơi vọng tưởng phàm phu sanh ra, tất cả đều gọi là tà kiến, lần lượt sanh khởi ra vô lượng ác pháp, đầy cõi hư không, chắc chắn làm cho chúng sanh bị đọa vào địa ngục, đâu nên không sanh lòng cẩn thận.

Nếu người nhận ra cảnh ngại này, biết nhân duyên bệnh, hiểu tánh bệnh vốn không thì bệnh không thể làm não loạn được. Hiểu được cảnh giới hoạn nạn, thể của hoạn nạn vốn từ vọng tưởng, thì hoạn nạn không thể làm hại. Biết chướng không có gốc rễ thì chướng tự diệt, chướng không làm ngăn ngại. Thấu rõ ma là do vọng mà có, xét cho kỹ thì ma không có gốc rễ thì ma làm sao nhiều loạn được. Lượng về sự là tùy tâm, thành sự là theo nghiệp, nên sự không đủ khả năng dẫn nghiệp. Xét về tình thì có nguyên nhân, nên tình không thể cưỡng ép, vì tình hệ thuộc theo duyên. Người giác ngộ xử thế phải quán người thường làm theo vọng, chuyên theo sự thù đáp. Biết được đức không có tánh thật, chiếu đức đều vô thường, chính đức cũng không phải là thật. Cái lợi ở đời vốn không, người muốn lợi nên sanh phiền não, thấy lợi đừng mong cầu, gặp việc oan ức phải nhẫn nhục, nhin được việc oan ức là đức tánh khiêm cung thì oan ức nào hại ta được. Vì thế, các bậc thánh dạy người lấy bệnh khổ làm thuốc hay, lấy hoạn nạn làm giải thoát, lấy chướng ngại làm

tiêu diêu, lấy bợn ma làm bạn pháp, lấy việc khó làm an lạc, lấy giao tình tệ hại là tư lương, lấy người chống đối làm vườn rùng, lấy việc bố thí đức làm đôi dép rách, lấy ít lợi làm giàu sang, lấy chịu oan ức làm phương pháp tu hành.

Nếu được như thế thời ở chỗ trở ngại lại thành thông, muốn cầu được thông trái lại bị trở ngại. Người khéo áp dụng thì đối với chướng ngại này đều thành cảnh giới màu nhiệm. Nên chỗ được và mất là tự mình không thể không biết, chỉ vì những người thực hành ở trong đó mà sanh ra lấy bỏ. Vì thế, Đức Như Lai của chúng ta ở trong chỗ chướng ngại mà được đạo Bồ Đề như Ương Quật Ma La cố tâm giết Phật, bợn Đề Bà Đạt Đa dùng voi say, lăn đá hại Phật, nhưng Phật cho rằng đó là các hàng tri thức giúp Phật mau thành chánh giác và Ngài thọ ký cho các vị ấy sau này sẽ thành Phật. Chúng ta đâu không lấy cái nghịch kia mà làm cái thuận của ta, lấy cái hủy báng kia mà làm thành tựu của ta. Huống chi thời nay nhằm thời mạt pháp, đời ác lũy lừng, việc người khác thường, nên đối với người học đạo làm sao không có chướng ngại. Thời nay, nếu trước không ở chỗ trở ngại, thời khi trở ngại đến không thể đối phó làm cho vật rất quý báu của đấng Pháp Vương do đây mà bị mất, đâu chẳng đáng tiếc lắm ư! Đây là những lời xuất phát từ đáy lòng, chúng tôi y theo kinh giảng thuật chỗ hiểu của mình, nếu vị nào nghe được ý nghĩa ở đây, khi gặp chướng ngại hiện tiền mà có thể dũng mãnh tinh tấn hành đạo thì có thể gọi là đạt được ý chỉ mong muốn.

18- Hiền bày các nghĩa

Niệm Phật Tam muội có tên là Nhất hạnh Tam muội, vì người thực hành kia đã hiểu ý chỉ một cách sâu xa, có thể trì được nhất tâm, chỉ niệm cõi kia, chỉ nhớ đức Phật kia, biết thân và cõi không hai, hiểu rõ nhớ, niệm là một nên có tên là Nhất hạnh. Tuy nói chỉ có một hạnh nhưng phải dùng các pháp thế gian và xuất thế gian, vô lượng công đức kia dùng làm trợ đạo thì việc vãng sanh mới mau thành tựu. Vì thế, tất cả các hạnh đều tu đường thẳng tịnh độ, không có một đường rẽ nào, nên gọi là nhất hạnh. Như các dòng sông chảy về biển, dòng được tên của biển, muôn thiện đồng về gọi là nhất hạnh. Vì nghĩa này nên tất cả các pháp như Tứ niệm xứ, Tứ chánh cần, Ngũ căn, Ngũ lực, Thất giác chi, Bát chánh đạo, Tứ hoằng, Lục độ đều là hạnh tu Tịnh độ. Cho đến các việc thiện nhỏ như sợi tơ, và tán tâm niệm Phật, hoặc một lần xưng danh hiệu Phật, hoặc đưa một tay, hoặc lễ một lễ, hoặc khen một lời, hoặc một lần chiêm ngưỡng. Cho đến hoặc dâng một nén hương, một bát nước, một cành hoa, một ngọn đèn, một món cúng dường, hoặc một niệm tu tập cho đến 10 niệm. Hoặc phát khởi một lần bố thí, một lần giữ giới, một lần nhẫn nhục, một lần thiền định trí lực, tất cả thiện căn hồi hướng Cực lạc, nguyện gắng sức giữ, tuy có chậm hoặc mau đều được vãng sanh.

Trong kinh có thí dụ: Xưa có người dùng một giọt nước nhỏ giữ vào biển lớn, nguyện giọt nước không hoại không mất, không đổi không khô, tuy trải qua nhiều kiếp cũng còn giữ nguồn gốc là nước. Người kia trải qua nhiều kiếp, trở

lại lấy giọt nước, giọt nước vẫn còn nguyên không mất. Người niệm Phật cũng vậy dùng chút ít căn lành hồi hướng Cực lạc, như giữ giọt nước trong bể cả, tuy trải qua nhiều đời, căn lành ấy không mất, chắc chắn được vãng sanh không còn gì nghi ngại. Vì thế, Đại thừa Tiểu thừa, tán tâm định thiện, sự tướng quán huệ đều gọi là Nhất hạnh, tất cả đều được vãng sanh, duy trừ chủng tánh ngoại đạo. Nên nói: "Chỉ nói quyết tâm chắc không còn gì để lo ngại. Nên kinh Pháp Hoa nói: "Một lần xưng Nam Mô Phật, đều đã thành Phật Đạo." Thật khá đáng tin! Nếu có người nhơn tu chưa phát khởi, thiện hạnh chưa lập chí, thân tâm chưa gội rửa tham sân phiền não mà muốn có được cảm ứng như trên không thể có được. Vì thế, Đức Thích Ca Thế Tôn, một đời thuyết giáo dạy vô lượng tam muội, vô lượng giải thoát, vô lượng hạnh nguyện, tổng trì tương ưng vô lượng pháp môn, chỉ có một môn niệm Phật bao gồm đầy đủ tất cả không còn sót. Như biển cả kia thấm nập hết các dòng sông chảy về mà biển không tăng giảm, như hạt Bảo châu Như ý đặt ở trên tràng lao, tự nó làm đầy đủ tất cả nguyện cầu của chúng sanh, thể không thiếu giảm. Tam muội bảo vương này có khả năng bao gồm hết các tam muội, có khả năng làm đầy đủ các điều mong muốn như Châu Như ý kia. Đức Như Lai của chúng ta đem tam muội này dạy bảo khắp các hội, trong các hội những kẻ sĩ thuộc hàng đại căn như Văn Thù, Phổ Hiền cùng các bậc Thánh Hiền trong tam thừa, trời rồng bát bộ đều hết lòng quy tín. Đến khi Pháp tam muội này truyền sang Trung Hoa, có bậc Đại Chí ở Lô

Sơn, hoằng truyền giáo huân. Người tin và thực hành nhiều vô kể, mọi người đều ngợi khen Pháp tam muội này là toàn mỹ. Từ Phật nhập diệt đến nay hơn hai ngàn mấy trăm năm, người tu tam muội này có các bậc thánh hiền, cao tăng, cư sĩ, nho sĩ, nông công thương, nô tỳ, huỳnh môn, hoặc tự thực hành và khuyên người thực hành, hoặc viết văn làm lời thệ nguyện, trọng pháp như của báu, kính thân mạng như vi trần, gặp nạn không sợ, gặp chết không lo, quên mình lập hạnh, gắng hết sức mình tu hành, tam muội này nhiều vô số kể. Hoặc có người thấy tu rồi tùy hỷ, hoặc có người tin nhận quy y, cho đến có người quyết thực hành đến trọn đời, số đó rất nhiều. Dù có những người dụ dụ, bán tín bán nghi còn được sanh về biên địa nghi thành ở cõi Cực lạc, huống là những hành giả chánh tín thực hành từ trước đến nay nhiều không bút mực nào chép hết.

Đối với các pháp tự lực riêng tu đạo phẩm chỉ nhờ vào năng lực tự tâm, đa số thường bị tai hại thối chuyển hoặc bị ma quấy phá, chỉ có pháp tu tam muội này, nương nhờ vào sức Phật, người tu chắc thành tựu, không bị nghiệp ma, vĩnh viễn không thối chuyển. Lại nữa tam muội này người tu không bị các hoạn nạn, thiên tai, nhân họa như nước lửa, trộm cắp, người ác gia hại, hoặc hổ lang thú dữ, trùng thư, quỷ mị yêu tinh, những việc không tốt không thể xảy đến. Và cũng không bị các thứ dịch lệ, thương hàn, các thứ bệnh không thể làm nào hại, như người hạnh nguyện không thiếu đều có thể thoát khỏi, còn người chạy theo danh dự, lợi dưỡng, lời ngon tiếng ngọt, lòng vẫn còn giữ tham sân si,

tuy có sức Phật gia trì, nhưng tự người ấy tạo nhiều lỗi lầm, nên Phật dù đại từ bi cũng không thể cứu. Hành giả luôn luôn phải tin sâu và tinh tấn mới phá được các ma, nếu khởi một niệm lơ là chắc bị ma cướp đoạt. Những thứ ma nhỏ này chỉ hại những kẻ lòng tin cạn, tham sân làm mất chánh niệm. Nếu người tinh tấn mãnh liệt như lửa đốt sắt, gặp nước làm sắt cứng hơn. Vì thế, hành giả nếu bị ma khảo mà tinh tấn được thì không những chỉ thân này an lạc mà còn được tam muội thành tựu, được như thiên hộ trợ, lâm chung chánh niệm vãng sanh.

Người được vãng sanh thụy ứng chẳng phải một, hoặc thiên nhạc trời trên không, hoặc hương lạ đầy nhà, hoặc ánh sáng chiếu thân, hoặc toà bảo hiện tiền, hoặc Phật A Di Đà tự đến đưa tay tiếp dẫn, hoặc Bồ Tát cầm đài sen trao tay tiếp dẫn. Cho đến dự biết giờ khắc vãng sanh, chánh niệm hiện tiền, các chương tiêu tan, tự mình tắm gội ngời kiết già, hội chúng thuyết pháp, xoa tay cáo biệt, hoặc khuyến người tiến tu đạo nghiệp, hoặc viết kệ, ném bút, chấp tay mà tịch. Hoặc sau khi lâm chung thân thể như sống, răng xương quyện lại thành hạt châu đốt mãi không cháy, ánh sáng hực hỡ khác thường, toả ra năm màu, phóng vọt trên không, xây vòng chẳng tan, khói lửa vừa nhóm xá lợi thành châu. Đó là những điềm lành mà mọi người thường thấy, nếu lúc bình thời không chắc thật tu hành, chánh niệm minh bạch, gắng hết sức tinh tấn thì đâu có thể cảm được thụy ứng như thế.

Đời nay, có người tu mà không công hiệu, bởi vì họ lòng tin cạn cợt, nhân lành chẳng thật, chưa từng lập hạnh trước muốn được người biết. Trong lòng thì tự khoe, bên ngoài thì muốn hiển bày chỗ chí diệu để được người cung kính cúng dường. Còn tự nói mình có chỗ sở đắc, thậm chí nói được thấy tịnh cảnh, hoặc thấy tiêu cảnh và trong mộng có tướng lành. Chưa biết phải quấy, liền vội khoe khoang. Những người này là bạn của ma, lui sụt hạnh nguyện, bị chạy theo đường khổ sanh tử, cần phải cẩn thận.

Tuy hành giả có đạo tràng trì tụng, sám nguyện nghi thức, không được bị người sai sử làm hành giả tu hành bất đắc dĩ, đặc biệt chỉ làm theo hình thức lộ liễu bên ngoài, làm cho quán hạnh bên trong bị bại hoại. Hành giả cần biết rõ việc ấy phải xét kỹ, âm thầm thành thật tự thực hành, trong lòng luôn luôn cảm thấy xấu hổ, đừng phô bày đức hạnh của mình, cho đến khi trở về nơi trụ xứ cũng không bị hai thứ ma thái quá và bất cập làm mê hoặc. Trong lúc tu hành có các thứ chướng đời trước muốn được dứt, cần phải sám hối đến khi thấy hảo tướng. Như mình không được thấy hảo tướng, không chứa nhóm được công đức thì việc thực hành chưa hiệu nghiệm đầy đủ. Vì thế, Huệ Viễn đại sư ba lần thấy Phật, bình nhật chưa từng nói cho người nghe, chỉ đến khi lâm chung mới nói, thật rất thâm diệu. Tam muội này thể tánh tròn đầy nên chỗ giải cũng rộng lớn, chỗ thực hành cũng phải tế nhị đầy đủ, xa rời lỗi lầm, dù chỉ có chút lỗi lầm cũng phải lo sợ ngăn trừ. Nên biết tam muội này không phải chỉ cho các bậc Đại thừa thực hành mà còn bao

gồm cả Tiểu thừa. Hàng Tiểu thừa hướng về Đại thừa, việc tu không có gì phân biệt, chỉ cần hướng thượng là đủ. Kinh nói: "Hiếu dưỡng cha mẹ, tôn thờ sư trưởng, lòng từ không giết hại, tu mười nghiệp lành, thọ trì tam qui, đầy đủ các giới, không phạm oai nghi, phát tâm Bồ Đề, tin sâu lý như quả, đọc tụng kinh điển đại thừa, khuyến tấn hành giả." Mỗi câu trên đây là một phương pháp thực hành từ thấp lên cao.

Người xưa đều có phương pháp dạy hành thiện như phải có lòng tốt giúp người, không được khoe khoang, dụng tâm thanh nhã, tụng kinh đại thừa, hiểu nghĩa thứ nhất, gần gũi bạn lành, thưa hỏi với bậc tiên giác, chẳng chấp chỗ thấy của mình, chẳng khoe chỗ hay của mình, chí thường nhẫn nhục, việc làm đều theo kinh, nghe học chánh pháp, không chê phạm tăng ni, dứt hết các tạp thiện ở đời, chẳng tham danh lợi, xa lìa bọn tà ác, xử việc rất trang thành, nhận lỗi về mình, răn dè lời nói, một lòng chẳng loạn, xem người như Phật, bỏ hết nghề hay, chỉ mong vãng sanh, giữ thân thanh tịnh, vô lượng các việc hành thiện vừa kể ở trên cần phải tu tập chánh đạo, dứt hẳn các thứ nhiễm ở đời nhất là hai cảnh ưa ghét, không làm các điều ác, giữ tâm như nhất chắc được vãng sanh, công ấy rất lớn không thể thuật hết. Cho nên trong pháp tu tam muội này, nhiều người tu âm thầm, thành công rất cao mà không cần nêu tên, người tu pháp này được sanh về cõi Cực lạc nhiều không thể kể xiết, có thể nói những truyền ký còn ghi lại chỉ là giọt nước so với biển cả mà thôi.

Người nào y theo lời dạy của Phật, tu theo hạnh này, còn có thể lợi ích vô lượng chúng sanh nhiều oan nghiệp hà huống cha mẹ, thầy bạn, quyến thuộc, đồng đạo, anh chị em, hoạn nạn hằng ngày, oan gia cừ địch đều được giải tỏa. Nên biết, hành giả tu hạnh này các ân đều trả, các oán đều giải, vì thế, cần phải một lòng nhớ niệm Phật A Di Đà và 2 đại sĩ, cảnh giới ấy rất sâu xa, đối với người ở trong biển khổ khó được thân cận, khó được nhớ niệm. Vì sao? Vì người thường nhớ niệm liền được giải thoát, nghe tên còn khó huống là được thân cận. Trong kinh nói: “Nếu thiện nam và thiện nữ nào chỉ được nghe danh hiệu Phật và hai vị Bồ tát sẽ trừ được tội sanh tử trong vô lượng kiếp huống chi là nhớ niệm”. Nếu thấy người niệm Phật phải biết người này là Hoa Phấn Đà Lợi trong loài người, Đức Quán Thế Âm và Đại Thế Chí là bạn tốt, đang ở trong đạo tràng, sống trong nhà chư Phật. Cho nên 10 phương Như Lai hiện tướng lưỡi rộng dài, ân cần khuyến bảo, giáo chủ cõi Ta Bà hết lời dặn dò xác định chúng sanh trong đời ngũ trược tu theo pháp niệm Phật này chắc chắn được thoát sinh tử. Vì sao? Vì chúng sanh trong đời ngũ trược thân và tâm đều khổ, lấy khổ làm mạng sống, bức bách như lửa cháy nước sôi, mà Phật đặc biệt đối với cõi khổ, mở lòng từ bi rất lớn, nên hợp mọi căn cơ, như nước lặn nguyệt hiện, cảm và ứng hợp nhau.

Vì thế, Đức Thế Tôn từ khi mới thành chánh giác đến lúc vào Niết Bàn, không nói hai lời, trong lúc thuyết pháp trước từ Hội Hoa Nghiêm, cuối cùng ở Đạo tràng Pháp Hoa, lời

vàng tuyên thuyết, xung tán không cùng. Trong các Pháp hội có những bậc sĩ chí cao lòng lớn, thừa tiếp ý chỉ Phật đều phát nguyện cầu sanh, huống chi chúng ta ở vào đời mạt pháp lại thuộc hàng căn độn nổi trôi trong sanh tử, biết được pháp tu này cần phải ghi lòng để dạ. Đây là nguyện lực Phật A Di Đà không bao giờ dứt, ở đời thiếu gì người biết, các bậc thánh như đề xướng trước tiên, các bậc hiền tiếp nối theo sau đó, tự nhiên phổ biến khắp mười phương ba đời, thấm nhuần trong sáu đường bốn loài, đâu phải chỉ ở trong loài người, thiên thần tu tập, quỷ vật thuận tòng, hoặc người, hoặc phi như thấy đều khen ngợi, chép các việc tu hành đầy đầy ở trong sách vở, chứa đầy hải tạng ở long cung, truyền bá khắp nhân gian thiên thượng đều biết, gốc sâu rễ chắc phù hợp các cơ đều do nguyện lực Phật A Di Đà mà tạo thành tam muội. Phật dạy: "Cuối cùng đời ác, pháp ta diệt hết chỉ còn giáo điển tu tịnh độ này lưu lại vài trăm năm để độ các loài." Vì thế, pháp tu tam muội này đâu chẳng phải là lời dạy tha thiết sau cùng.

Có một con chim cù dục tên Bát bát, tuy là bị đọa làm thân súc sinh thuộc loài ngu si vọng tưởng, vì học nói theo tiếng người và theo người niệm Phật, được nương nhờ sức tam muội, khi chôn, lưỡi còn trở đóa hoa sen. Huống chi chúng ta là người mà không bằng loài súc sanh, há chẳng xấu hổ ư! Tôi (Diệu Khâu) sanh vào thời mạt pháp, nên căn cơ cạn cợt nghi hoặc chẳng tin, lại bị dị kiến tà giải đều chấp trước chẳng đồng, quyến dụ sai sử làm cho việc thực hành chánh hạnh phần nhiều bị hoặc loạn nên thương cảm trong lòng

không bao giờ dứt. Vì thế, chúng tôi tập hợp các văn Tịnh độ, Thiên giáo và các kinh điển, lựa lấy những nghĩa cốt yếu màu nhiệm, thuật thành Niệm Phật Trục Chỉ này lưu truyền thế gian mục đích phá tà hiển chánh, khắp nguyện chúng sanh trong pháp giới đối với thuyết này vừa nghe liền hiểu, tỏ ngộ chơn tâm, biết được y chánh Phật A Di Đà ở tại Tây phương, rõ y chánh ở Tây phương không rời bản tánh, tất cả hàm thức đều được vãng sanh, đồng về chín phẩm. Lại nguyện các bậc cao minh không tiếc từ bi, thấy người chưa ngộ, y theo pháp này chỉ bảo. Gặp người mê muội cũng tùy theo căn bệnh cho thuốc, chia chẻ chỗ nhiệm màu, hết lòng bày tỏ.

Nếu người nào có một niệm tin hiểu thì hạnh nguyện chắc thành, vãng sanh có kỳ, công đức không thể nói hết. Dù có người cố chấp, lòng tin ưa chẳng sâu, chỉ cần một câu vào hồn liền thành hạt giống, lần lượt lợi ích không hết không cùng, công đức khuyến bảo thật là rất lớn. Nếu người không có lòng kiêu mạn, khi không vọng, tùy theo phương pháp chính yếu này dạy người không biết mỗi một, dù tự mình không thực hành, tức là tự mình đã làm; dù tự mình chưa học, tức là đã học. Vì sao? Vì một tướng pháp giới không có mình và người vậy. Xưa có một người trong đời chưa từng tu hành, chỉ có hai lần dùng tâm bình đẳng nhất tâm, mở hội khuyến người cùng niệm Phật. Khi mạng chung cũng được vãng sanh, việc này có chép rõ ràng trong sách vở tịnh độ. Nên biết rằng: Người phát tâm từ bi là có tướng nhiếp thọ, khuyến người niệm Phật làm họ được

nhiều lợi lành, khuyên mỗi lúc mỗi nhiều, người ấy trở thành sứ giả của đấng pháp vương. Nên không thể chấp cho mình không có thời gian tu hành. Vì thế, Tam muội sâu xa, pháp môn rộng lớn, việc làm lợi ích làm sao nói hết.

IV. Chứng nghiệm môn:

19. Chỉ một nguyện gồm 4 nghĩa

Hỏi: Nói về tam muội niệm Phật đã rõ nhưng có chỗ nói chưa hết, xin tóm lại một câu có thể nói hết nghĩa ấy được chăng?

Đáp: Không cần dùng đến một câu, có thể dùng một chữ cũng có thể nói hết ý nghĩa tam muội. Cái gì là một chữ? Đó là chữ nguyện. Cái gì gọi một câu? Đó là câu giới giải hành hướng. Cái nghĩa của toàn bộ này không ngoài câu giới giải hành hướng. Câu giới giải hành hướng phát xuất từ chữ Nguyện, nên gọi chỉ dùng một chữ mà nói hết ý nghĩa, hoặc nói rộng nói hẹp, cuốn vào mở ra tự do đâu có thể bị trói buộc vào một vấn đề gì!

Vì sao gọi là giới? Hành giả muốn tu tam muội nếu không giữ giới, tuy có lòng tin cũng bị ác duyên tạp nhiễm của thế gian cướp đoạt, khó khỏi trần lao, hư hoại pháp thân, làm cho sự hiểu biết theo tà ma, không được vãng sanh. Trong kinh nói: "Nếu một ngày đêm trì giới Sa di, trì giới cụ túc liền được vãng sanh." Vì vậy cần phải trì giới.

Vì sao gọi là hiểu biết (giải)? Hành giả tu hành tam muội cầu sanh Cực lạc, nếu không dùng sự hiểu biết mâu nhiệm của trí huệ, biết rõ cõi Ta Bà uế ác đáng chán, cõi tịnh độ ở

phương tây an lạc đáng ưa thích. Cõi phương đông và cõi phương tây hoàn toàn trái ngược chân thật không lầm. Lại biết hai cõi uế và tịnh này hoàn toàn có đủ ở trong tâm ta, không lìa đương niệm, phải theo phương pháp nào tu có thể sanh về cõi tịnh. Trong kinh nói: "Đọc tụng kinh điển đại thừa, hiểu đệ nhất nghĩa đế, liền được vãng sanh." Vì thế hành giả cần phải hiểu rõ.

Vì sao gọi là hành? Hành giả cầu sanh tịnh độ, huệ giải đã đủ cần phải y chỗ hiểu mà lập hạnh thực hành, sáu thời hành đạo, ba nghiệp không khuyết, thẳng tiến không lui, quyết định sanh về cõi kia. Kinh nói: "Tu hành lục niệm, hồi hướng phát nguyện một ngày cho đến 7 ngày liền được vãng sanh". Nên người tu tam muội cần phải lập hạnh.

Vì sao gọi là hướng? Hành giả muốn chắc được vãng sanh nhờ giữ giới, liễu giải, thực hành tạo ra công đức và từ vô thỉ cho đến ngày nay, tất cả căn lành lớn nhỏ đều hồi hướng về tịnh độ thì lâm chung mới chắc được vãng sanh. Trong kinh nói: "Hồi hướng nguyện sanh về nước Cực lạc như người trước khi đi sắp đặt việc nhà ổn thỏa, khi trở về sẽ được sử dụng tùy ý thích." Vì thế, cần phải phát tâm hồi hướng.

Bốn pháp môn này ý nghĩa chỉ cần một câu mà bao nhiếp hết tất cả pháp lành như người làm ruộng mùa xuân gieo, mùa hạ cấy, mùa thu trở bông, mùa đông gặt, từ gieo đến gặt phải đúng thời gian, nếu thiếu một thì không thành. Bốn pháp môn này cũng thế, nếu bỏ thiếu một pháp thì tam muội

khó thành. Cho nên, hành giả phải tu đủ 4 pháp mới viên mãn được ý nguyện.

Hỏi: Chỉ một câu này lại thành nhiều câu chẳng?

Đáp: Nhiều câu chính là một câu, một câu tức nhiều câu. Một câu hay nhiều câu đều bao gồm hết ý nghĩa. Không thể nói nhiều câu nghĩa rõ ràng, một câu ý nghĩa sơ lược. Lời nói rộng hẹp tuy khác nhau, vì đối với căn cơ, nhưng vẫn hiển bày được chánh đạo, đâu nên nói một câu hay nhiều câu phân biệt mà chỉ tùy căn cơ và tùy duyên thôi.

Hỏi: Trong làng tôi có ba gia đình, đàn ông đàn bà đều quê mùa dốt nát, không biết gì là một chữ bốn nghĩa như nói ở trên, chỉ nhất tâm xưng danh hiệu Phật, hoặc chỉ chuyên cần lễ bái mà được vãng sanh, lâm chung có thụy ứng rõ ràng là có làm sao?

Đáp: Chỉ trong nhất tâm (một lòng) này có pháp nào không đủ, các vị ấy đã từng hiểu rõ (giải), tin có hai cõi tịnh và uế, phát khởi hạnh trì danh (hành) hồi hướng cầu sanh tịnh độ (hướng), đã hiểu rồi hành đồng hướng về tịnh độ thì đâu có thể phá giới (giới) của Phật. Như thế bốn nghĩa đã đủ các hạnh không cần lập mà cũng thành, liền được vãng sanh thành đạt sở nguyện, đâu cho họ là ngu dốt được ư!

Hỏi: Nếu như vậy thì hành giả chỉ cần nhất tâm, các hạnh tự đủ, đâu cần lập 4 nghĩa mà làm gì?

Đáp: Nếu trước biết được 4 nghĩa mà sau được nhất tâm là người có nền tảng vững chắc, nên khi thực hành vĩnh viễn không lui sụt. Nếu người trước nhất tâm rồi sau mới biết 4

nghĩa, tuy được vãng sanh, nhưng ở trong khi đang thực hành bỗng gặp bọn tà ma ác đảng thì phần nhiều bị lui sụt. Nên biết trước khi thực hành mà hiểu 4 nghĩa là ưu tú và quyết định.

Hỏi: Tôi nghe sách khuyên tu tịnh độ từ xưa đến nay, người viết rất nhiều, lời nghĩa thuần thiện đều hợp cơ nghi đã lưu truyền khắp nhơn gian, người y theo lời dạy được vãng sanh rất nhiều, có thể nói ý nghĩa đã lan khắp, vì sao hôm nay Ngài lại viết thêm nữa, làm cho người học có chỗ hiểu khác. Nay đọc kỹ tập sách này, nghĩa nếu thuật theo cổ nhơn, thì cổ nhơn đã viết rõ rồi, không cần nói lại, nếu nghĩa quyền này có chỗ biệt lập, người nay không hiểu e thành ức kiến chãng? Nếu không phát xuất từ cổ nhơn, không biệt lập mà nói không biết đây có phải vì danh lợi chãng? Mong nghe được chỗ cốt yếu ấy?

Đáp: Lời hỏi thật dốt nát! Ông thật là kẻ khó dạy khó hiểu. Ta nghe các bậc cổ nhơn khi lập ngôn đều dựa vào kinh của Phật Tổ. Đã là kinh của Phật Tổ tuy chỉ là một câu dù tất cả chúng sanh trong đại thiên số như vi trần có trí tuệ như Bồ Tát Phổ Hiền tuyên nói trải qua một kiếp, lý thú vẫn còn chưa hết, đâu thể cổ nhơn đã nói mà người nay không thể nói ư! Đâu thể trước Phật đã nói rồi mà cổ nhơn không thể nói ư! Không biết rằng người nay không thuật lời của cổ nhơn thì lời nói và việc làm của cổ nhơn không được hiển bày. Cổ nhơn không để lại lời dạy cho người nay thì ý chí và kinh nghiệm của người nay không có chỗ làm bằng chứng. Lại nữa nghĩa tuy thuật theo cổ nhơn mà ý thú

chẳng trùng lập, lời tuy biệt lập mà lý không khác cô nhân. Chỉ vì thời nay cách Phật đã xa, người giải thường tạo ra nhiều mối dị đoan, tuy nói để giải quyết nghi của anh Giáp, lại thêm bệnh cho anh Ất, bệnh anh Ất vừa thuyên, bệnh anh Bính lại sanh, lần lượt chia thành nhiều ngã tẽ, giữ thêm bệnh chấp.

Sách của các Bậc Thánh Hiền tuy nhiều nhưng bị tiêu mất cũng nhiều, người hậu học căn cơ yếu chậm, cũng khó tìm và nghiên cứu. Vì thế, ở trong nhiều sách kia, chúng tôi rút những nghĩa tinh hoa giảng yếu, để giải cái làm đương thời, góp nhiều bài thanh quyển mục đích trị lành những bệnh trầm kha, đâu có gì gọi là danh lợi. Chỗ hỏi của Ông thật sai lầm! Ví như biển cả thêm một dòng nước chảy vào, bề đâu cho trở ngại với việc sâu rộng, núi cao thêm một nắm đất, núi đâu có ghét đất làm trở ngại độ cao. Cái nghi của người đời nay, người xưa chưa nghe, chỗ thấy người xưa, người nay khó đến. Thời nay cách Phật đã xa, phải y theo kinh để biện minh cái nghi của người nay. Lại nữa, như đầy nhà chứa toàn thuốc quý, nếu không biết bệnh, chọn thuốc phù hợp cho uống, chẳng phải bệnh chẳng lành mà mạng cũng khó giữ. Lời Kinh nói ra một nghĩa có nhiều cách giải, nhiều cách hiểu đâu có lo gì lời nói được nghe lại nhiều lần, mà chỉ lo lời nói chí lý ấy chưa được nghe.

Ông nay đã có duyên nghiên cứu tam muội này rõ ràng, nên lập đại nguyện, thẳng tiến trên đường đạo, cầu sanh Tịnh Độ. Cần thận đừng đợi đến lúc sắp lâm chung, yêu

cảnh, tiếc thân, trong cảnh đau nhức như rùa bị lột vỏ, muôn khổ trối tâm, lúc đó ăn năn thì đã muộn.

20- Niệm Phật Diệt Tội

Hỏi: Niệm Phật tam muội trực chỉ, trước nói về cảnh y chánh cõi Cực Lạc, cuối cùng chỉ cách hành nguyện cầu sanh, tất cả đều đầy đủ không có gì phải nghi. Duy có trong Kinh dạy: “Xưng danh hiệu Phật một tiếng có thể diệt được 80 ức kiếp tội trong sanh tử.” Tôi nghe lời này không thể không nghi, nếu quả có lý ấy thì ngày nay xét những người trong thế gian, dù giàu hay nghèo, đều có xưng danh hiệu, họ sẽ được diệt tội trọng, đều sanh về thế giới Cực Lạc hết rồi, vì sao hiện tại người ở đời vẫn y theo nghiệp thức mê mang, luân chuyển luân hồi, xuống lên không biết chỗ, thì nghĩa diệt tội làm sao đúng? Không lẽ lời Phật là hư vọng sao? Xin ngài giải thích cho?

Đáp: Lời hỏi đúng lắm! Những người ở thế gian chưa giác ngộ nhờ câu hỏi của Ông sẽ không thôi chuyển tu tam muội này sanh thẳng về Tịnh Độ. Người tu hành đời nay đều cho thuyết này là lời phương tiện khuyến tấn, đâu biết rằng là lời chân thật của Phật chắc chắn không chê lời tôi nói. Ông há chẳng nghe tôi thường nói: Ông ở vô lượng kiếp về trước cùng với Đức Thích Ca Mâu Ni là phàm phu, mà Đức Thế Tôn của chúng ta thành Đạo đến nay đã trải qua kiếp số nhiều như bụi của trái đất. Kiếp số này trong Kinh Pháp Hoa trong Phẩm Như Lai Thọ Lượng đã nói rõ. Chúng ta ở số kiếp trần sa kia là hạng phàm phu xuống lên sáu nẻo, tạo vô số lượng kiếp nghiệp, không có số lượng nào kể

xiết. Chúng ta đồng là phàm phu như Phật từ lúc ấy đến nay, lâu xa không khác gì, như kiếp trần sa này nhiều đâu thể nói hết.

Giả sử có người ở trong một đời không nói một lời nào khác, chỉ xưng niệm danh hiệu Phật, trọn đời niệm Phật không ngớt, tùy theo chỗ xưng danh ấy cứ mỗi một câu đều diệt được 80 ức kiếp tội nặng sanh tử, hết đời ấy và tiếp đời sau cũng niệm Phật suốt đời như thế. Số kiếp diệt tội tuy 2 đời rất nhiều, nếu so sánh tội đã diệt trong 2 đời với tội kiếp số trần sa của người ấy đã tạo giống như đem bụi trong móng tay mà so sánh với bụi của toàn trái đất. Kinh dạy: Dù trải qua trăm ngàn kiếp, chỗ tạo nghiệp chẳng mất, như duyên khi hội ngộ, quả báo phải nhận lấy. Vì thế, đâu thể mới xưng danh hiệu Phật có thể diệt nhiều kiếp tội mà có thể sạch hết các tội từ vô lượng kiếp đến nay mà không có gì làm chướng ngại cho việc sanh Tịnh Độ của ta ư! Họ đâu biết rằng tội chưa diệt, kiếp số lâu dài chưa trả hết, nó vốn vô thủ vô tế (bờ mé) đồng với tuổi thọ của Phật. Thật ra, số 80 ức kiếp tội nặng sanh tử so với tội chúng sanh đã có như một bó đuốc lớn tuy nóng, muốn làm tan một khối tuyết như quả đất thì làm sao tan được. Vì thế, người niệm Phật được diệt tội mà không được sanh chính là nghĩa này.

Hướng nữa, hàng phàm phu suốt đời tạo nghiệp, tâm bền chắc như người lưới cá, mỗi ngày giết cả vạn mạng mà cứ giữ nghiệp sát trọn đời; niệm Phật thời gian rất ít, mà tâm lại giao động, mỗi ngày chỉ niệm nửa giờ, hoặc một giờ; lại nữa, tâm thường giải đãi, lui sụt rất dễ mà ít người tiến

lên. Những người phạm phu bây giờ cùng Phật ở trần sa kiếp là phạm phu, mà Phật thành Phật đã trần sa kiếp. Phiền não, vô minh có từ vô thủy mà mới phát tâm gần đây, tội làm sao diệt hết, cần phải nghĩ đến. Nay nói một ngày cho đến bảy ngày nhất tâm bất loạn liền được vãng sanh, hoặc khi lâm chung nhất tâm bất loạn xưng niệm một danh hiệu Phật liền diệt được 80 ức kiếp tội nặng sanh tử, cho đến người cực ác ngũ nghịch lúc lâm chung tướng lửa địa ngục hiện ra, xưng niệm được 10 danh hiệu Phật liền sanh về Tịnh Độ. Vì nhờ công đức uy thần xưng niệm danh hiệu Phật diệt tội, nhờ Phật dùng năng lực đại nguyện giúp hộ, ví như một tướng quân chinh chiến bị rơi vào vòng vây, nguy hiểm sắp đến bên mình, chợt được một dũng sĩ giúp cho một cây cung tốt, một bảo đao và một con ngựa khỏe thiện chiến. Người ấy ý chí trở nên hăng hái, phóng mình lên lưng ngựa, hăng hái như xưa, hết sức dùng bảo kiếm đột phá ra khỏi vòng vây. Chiến thắng thành công cướp đất đoạt thành đem về dâng chủ, vĩnh viễn được hưởng bổng lộc cao, cả đời vui vẻ. Đức Phật tiếp dẫn chúng sanh về cõi Cực Lạc, ý nghĩa giống như chàng dũng sĩ cứu hộ kia. Nói xưng niệm hiệu Phật một câu diệt 80 ức kiếp tội trọng sanh tử, không giống như người niệm Phật, ngày nay ba câu, ngày mai bốn câu vẫn còn do dự, hoặc gặp cảnh thanh sắc bày ra trước mặt liền bị kéo đi, không khác gì người chưa từng niệm Phật. Niệm Phật như thế, mà muốn niệm một câu Phật, diệt được nhiều kiếp tội, đề khỏi bị nghiệp chướng lôi kéo, được sanh về Tịnh Độ làm sao có được.

Người niệm Phật như thế, không phải mỗi tiếng không được diệt tội 80 ức kiếp sanh tử, chỉ vì sơ tâm chậm trễ nên quả báo vãng sanh cũng chậm trễ, chỉ có thể làm nhân duyên vãng sanh cho đời khác về sau. Hoặc có người xưng niệm không thôi mà tâm tán loạn, tuy thành tựu một số công đức, đâu thể so sánh với người tâm định, chỗ ưu hoặc liệt, cảm ứng có chậm mau được. Nếu có người tinh tấn nhưng tâm không định, khác nào dùng tay trái bắn cung chắc chắn không trúng. Nên biết rằng người tán tâm niệm, tuy có chí thành mà chẳng lìa vọng tưởng, hoặc bị các tội của nhiều kiếp trước làm chướng ngại, quả báo chỉ được vào đời khác, không thể có chính đời này được công hiệu. Nếu người quyết chí dũng mãnh niệm Phật, thì có thể diệt được tội kiếp này, nhờ vào sức dũng mãnh quyết lòng và tội các kiếp khác không làm chướng ngại, chỉ cần 10 niệm là thành tựu vãng sanh Tịnh Độ. Nghĩa này rõ ràng, có thể hiểu được, quyết định không còn gì nghi ngờ. Người niệm Phật đâu có thể niệm một cách lơ là, y theo nghiệp thức cũ mênh mang, khi chết không biết về đâu, dấy dựa rên la mà nghi lời Phật là nói dối ư!

Nên biết sức Phật rộng lớn, trùm khắp tất cả thế gian, nơi chốn, có thể nhiếp cái tiểu thiện của ta vào cái Đại Nguyện của Phật, làm thành một vị, dẫn chúng sanh về cõi An Lạc, làm cho tất cả tội kiếp trần sa đều được tiêu diệt vì không còn điều kiện hiện hành, đâu phải chỉ diệt tội 80 ức kiếp mà thôi. Như thế, xưng danh hiệu Phật, công đức thật không thể nghĩ bàn. Đại thừa viên đốn, siêu vượt ý chỉ gieo

trông, trong Luận Thập Nghi nói: “Thí như 10 cuộn dây tơ, trói chặt trăm người, sức của trăm người không thể phá. Một đứa trẻ con dùng một con dao bén cắt trong chốc lát rời thành hai đoạn” Trong Quán Kinh, hạ bối vãng sanh căn cứ vào thí dụ kể trên cho rằng vừa niệm Phật diệt tội liền được vãng sanh. Ngày xưa, khi Phật còn trụ thế, có một người ở chúng hội Phật cầu xin xuất gia, cầu khắp các vị Thánh Chúng, các vị dùng đao nhả xem năm trăm kiếp trước người ấy không có căn lành nên không nhận, sau vị ấy đến chỗ Phật, được Phật độ cho. Các Thầy Tỳ Kheo đem việc ấy hỏi Phật. Phật dạy: “Người này tuy 500 kiếp trở lại đây không có căn lành; chỉ ở vô lượng kiếp trước, đao nhả hàng Nhị Thừa không thể thấy, người này là một ông tiều đốn củi, bị cọp rượt quá gấp, leo lên cây để trốn, cọp vừa vồ tới, người ấy thất thanh niệm Nam Mô Phật. Vì một lần xưng danh này mà ở trong kiếp này gặp ta và được độ, sau này sẽ được tấn đạo nghiêm thân. Điều đó cho thấy một đời niệm Phật chưa được quả báo liền, có thể ở đời sau mới được vãng sanh.

Qua câu chuyện kể trên thì biết chỉ một lần xưng chữ Phật, tuy chưa biết rõ là Phật nào, còn có thể làm người ta diệt tội đắc đạo, hà huống nguyện lực của Phật A Di Đà vượt qua chư Phật mười phương, nếu người chuyên chú niệm danh hiệu Phật A Di Đà thì công đức và diệt tội chướng có thể nghĩ bàn được ư! Kinh Pháp Hoa nói: “Một lần xưng Nam Mô Phật, đều đã thành Phật đạo”. Lời này đủ để chứng minh. Nên biết, nếu có thể niệm danh hiệu Phật A

Di Đà, niệm niệm không dứt, công đức ấy thật khó so lường, tuy người có chướng nặng, tán tâm thối chuyển, chắc chắn được vãng sanh ở tương lai. Xưng niệm Phật thuộc về miệng chỉ luận theo công, niệm Phật ở tâm bèn hiển ở đức, luận công thì ở nơi ta không mỗi mệ, hiển đức thì thấy Phật hiện tiền, hai nghĩa chẳng đồng, chỗ hơn kém có thể thấy. Miệng xưng còn vậy, huống là tâm niệm ư! Cho nên, hôm nay ta vì lời hỏi của Ông, y kinh thuật rõ, nếu người muốn đi con đường này, hy vọng trong nghĩa này theo đúng lời nói mà tu hành, cần thận đừng nghi kỵ.

21. Chư Tổ thực hành

Pháp môn Tịnh độ rộng lớn bao gồm hết các cơ, dễ tiến mà công cao, các pháp môn khác khó bì kịp. Ban đầu từ Hoa Nghiêm thắng hội đại chúng đồng về, truyền đến Chấn Đán sáng ngời ba thừa cùng chứng, giáo hóa rất thanh, vang cổ dậy kim, có thể nói pháp môn này rất rộng lớn, vi diệu không thể nghĩ bàn. Đến thời Đông Tấn, Tổ sư Huệ Viễn xưng lập thành một tông phái, người cùng chí hướng gồm có 123 văn nhân nhĩ sĩ cùng nhau ở Lô Sơn tu tập. Tổ Huệ Viễn ba lần thấy Thánh tướng, đúng theo nguyện vãng sanh. Triệu sĩ Lưu Di Dân lập thế cũng thấy Phật A Di Đà thân tự sờ đỉnh đầu, lấy y đắp trên thân thể. Lại có đồng chí Khuyết Công Tác sau khi mạng chung đã hiện về đúng theo ý muốn, các truyền ký này đã ghi rõ ràng, ở thế gian mọi người đều biết rõ.

Thời nhà Tấn, Hàn lâm Đại học sĩ Trương Hàn chỉ trì Đại Bi chú 10 muôn biến cầu sinh Tịnh độ, đến sắp lâm chung,

Hàn thấy cõi Tịnh độ ở trong nhà phía Tây, niệm Phật giây lâu rồi mất. Thời Lưu Tống, đất Giang Lăng, có vị Tăng tên Đàm Giám hằng ngày làm được chút ít việc lành, đều hồi hướng Tịnh độ. Một hôm Đàm Giám thấy Phật A Di Đà lấy nước rửa mặt cho và nói: “Ta rửa bụi nhơ cho Ông, sạch tâm niệm cho Ông, thân miệng ý của Ông đã trong sạch rồi”. Lại thấy trong bình bát hoa sen nở. Sau khi xuất định, Ông hớp tăng nói lời từ biệt rồi niệm Phật mà thoát hóa. Thời Nam Tề, đất Dương Đô, có vị Tăng tên Huệ Tấn nguyện tụng Pháp Hoa làm hạnh Tịnh Độ, Huệ Tấn tụng kinh quá nhiều sanh bệnh, nên nguyện in 100 bộ Pháp Hoa ấn tống cho người, giúp cho việc tụng của mình, in kinh xong bệnh lành, bỗng nghe trong hư không có lời khen ngợi, Ông niệm Phật theo hơi thở mà vãng sanh.

Thời Hậu Ngụy, có vị Tăng tên Đàm Loan bỏ Tiên học Phật, cho tu Tịnh độ thật là pháp trường sanh bất tử, khi lâm chung bảo đệ tử cao tiếng niệm Phật. Ngài hướng về Tây khấu đầu mà mất, ở trên không nhạc trời trỗi lên và theo hướng Tây mà đi.

Thời Nhà Tùy có vị Tăng tên Đạo Dũ lấy cây chiên đàn điêu khắc tượng Phật A Di Đà cao ba tấc, phát nguyện cầu sanh. Một hôm ông chết khá lâu rồi tỉnh dậy, Ông thuật lúc vào chỗ u minh gặp Phật A Di Đà. Đức Phật nói: “Giờ ngộ ngày mai ta sẽ đến tiếp dẫn Ông”. Đúng giờ ngộ hôm sau, Ông ngồi niệm Phật mà thoát hóa. Cùng những bậc Đại hạnh như thời Đường có Thiên Đạo Hòa Thượng, ở Hoài Châu có Pháp sư Hoài Ngọc, ở Hoài Châu có hai vị Phương

và Quả, ở Chơn Châu có Tăng Tự Giác, ở Lục Châu có Thiếu Khương, ở Tinh Châu có Duy Ngạn. Các vị này đều y theo Đại Thừa kiến lập thế nguyện, tu hành Tịnh độ, linh nghiệm hiển nhiên, cảm động trời người, mây pháp trùm khắp, thu nhiếp các căn vô cùng, mưa pháp tràn trề, đạo đức cao siêu không thể thuật hết.

Thời Trần Tùy có Quốc Sư Thiên Thai Trí Giả, có Bạc Truyền, có Pháp Liệt, Pháp Trí, Từ Vân. Thời Tống có Vĩnh Minh Thiền sư, Trường Lô, Từ Giác Thiền Sư. Đây là bậc Đại Thánh sư, hạnh vượt hẳn trời người, đức trùm ba cõi, là mặt nhật huệ chiếu nẻo tối tăm, là Đạo sư phá khổ. Tất cả các vị đều dùng Tam muội này mà tự lợi, lợi tha, là con đường hóa đạo cao tột, hóa nghi đã tròn đều về thượng phẩm.

Thời nhà Đường, ở Trường An có Ni Tịnh Chơn tụng kinh Kim Cang 10 muôn biến, năm tháng trước khi lâm chung thấy Phật 10 lần, thần đạo Cực lạc hai lần. Đời Đường, Phùng Chư nhờ khuyên một người niệm Phật mà cảm động đến U Minh. Ở Trường An, Lý Tri Diệu niệm Phật ngũ hội, thấy trên không thần Tăng đến tiếp vãng sanh Tịnh độ. Diêu Bà niệm Phật đứng mà thoát hóa. Ở Tinh Châu, vợ của Ôn Tịnh Văn tu hành nguyện đều được ứng đúng ý mình.

Trương Chung Húc, Trương Thiện Hòa hai người làm nghiệp sát, khi lâm chung, tướng địa ngục đã hiện, niệm 10 niệm về Tây. Thời Tấn có Tăng Trí Thông, thời Tống có Tăng Khả Cử, Tăng Quán Trí, theo lời dạy trong kinh điển

Tịnh độ, nhất tâm tu tập, thân đạo cõi Tịnh độ, thấy tên nêu ở Tòa Hoa, khi xuất định đúng như chỗ thấy. Thời Tống, Kim Thái Công, Huỳnh Đã Thiết, Ngô Dao, ba người này ban đầu đều làm ác nghiệp, nhờ cái hồi tinh tu mà lúc lâm chung đều có thụy tướng. Kinh Vương Phu nhơn, Quán Âm Huyền Quán, Phùng Thị Phu nhơn tuy là thân nữ mà đức hạnh khá cao vãng sanh thân chứng.

Nên biết rằng, pháp môn thù thắng này phàm người có lòng đều có thể tu hành, đâu có phân biệt Tăng tục, nam nữ, già trẻ, ngu trí, hàng dị lưu cực ác, tối nghịch đơ đê. Loài vật nghe niệm Phật còn sanh về thiện đạo, người chuyên niệm Phật chắc được về Tây. Như thế, chỉ lo chúng ta không tu, đừng lo Phật không cảm ứng. Ở đây y theo truyện ký vãng sanh ghi lại, chỉ mong các đồng đạo, thấy người Hiền mong được bằng, thấy người vãng sanh mà quyết tâm niệm Phật hằng ngày theo gương xưa mà cảnh tỉnh.

22. Hồi hướng vãng sanh

Nguồn gốc của tà kiến là do Thầy bạn bất chánh dạy, tuy bị nghiệp đời trước chiêu cảm, đâu khỏi từ tự tâm mình có kiến hoặc, sự mê lầm không rời khỏi tự tâm thì quả báo sẽ đến không thể thoát được nẻo khổ. Huống chi chúng sanh một khi bị nhiễm ô ở trong thức, muôn lần sửa đổi cũng khó trở về, vì vậy, Trục chỉ niệm Phật từ đó mà được tạo ra. Tôi vừa lập chí này liền dùng tâm duyên theo đại khổ của nghiệp ở cõi Ta Bà, nhớ y chánh cõi Cực Lạc thật tiêu diêu, tịnh và uế cùng tham, chúng sanh và Phật đồng hiển lộ, nghĩa mầu vô lượng nhóm ở nơi tâm. Pháp hỷ tràn

đây, lý sự vô ngại, thân và độ viên dung, không thể dùng lời nói hoặc bút mực có thể chép và nói cho hết được. Người tu Tam muội này, công đức thực vô lượng vô biên, tôi nay nguyện đem công đức như trên suốt đời vị lai, quán tưởng phát tâm cầu sanh Tịnh độ, tất cả căn lành, như lý pháp tánh, lưu chuyển không cùng, từ quả theo nhân, trùm khắp các cõi, thực hành hạnh nguyện hồi thí chúng sanh, tất cả viên thành sanh về Tịnh độ.

Nguyện theo năng lực niệm này làm cho tất cả chúng sanh ở các cõi trong mười phương và thế giới Ta Bà này, được như chỗ nguyện của tôi hoặc đồng hoặc khác, y chánh, sắc tâm đồng thời vào thẳng trong bạch hào đoan tướng của Giáo chủ Vô Lượng Quang cõi Cực Lạc, đều ở trong cõi Cực Lạc, biến hiện tự tại, du hí thần thông, như chỗ Phật ở, vĩnh viễn không sai sót, thì nguyện tôi mới mãn. Lại nguyện tất cả hành giả hoặc Đại thừa hoặc Tiểu thừa, do tu ba nghiệp, tất cả vô lượng thiện căn đều hiện trước mắt, khắp cùng tất cả chúng sanh một lòng hồi hướng về cảnh giới Cực Lạc, ngưỡng cầu thần lực của chư Phật, nguyện lực của Phật A Di Đà và năng lực công đức của hai Đại sĩ từ bi gia hộ. Nguyện pháp môn này, nguyện thiện căn tu tập này làm cho sáu căn tôi cảnh trí tự tại, khắp cả hư không đều tuyên thuyết pháp môn này, tất cả tu tập không hề mỗi mệt. Có kệ rằng:

Thế giới Cực Lạc rất thanh tịnh,

Trang nghiêm vi diệu hơn thế gian,

Nguyện lực Di Đà như hư không
Tướng hảo, ánh sáng cũng như vậy.
Hằng nhớ không rời chúng sanh khổ,
Quyết độ chúng ta về Lạc Bang,
Chúng ta cam lòng chịu sanh tử
Nhiều kiếp chìm đắm không ra khỏi.
Từ Phụ đưa tay đợi đã lâu
Mong mỗi đợi chờ rất khẩn thiết.
Muốn được ánh sáng hoa sen nở,
Nay đúng là lúc nguyện sanh về.
Thân vốn vô thường giờ đã qua,
Các khổ trôi buộc nên xa lìa
Nguyện mau niệm Phật đồng tu hành
Mãn báo thân này về Cực Lạc.

Nguyện pháp môn niệm Phật trong tập này, thường còn trong đời, như pháp thân Phật, làm người bạn không rời mà đến, lợi lạc tất cả mọi người, đồng sanh về nước An dưỡng. Nguyện Tám Bộ Trời Rộng thường đến hộ trì, làm

cho pháp môn này không bị hủy diệt, như pháp lý tánh,
vĩnh viễn lưu thông, thường trụ như Phật./.